

Số: /KH-ĐS

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2025

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH CHẠY TÀU
dịp Tết Nguyên đán năm 2026 trên tuyến đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh**

Theo đề nghị của Công ty CP Vận tải đường sắt, Công ty CP Vận tải & Thương mại đường sắt, Công ty TNHH Vận tải đường sắt và Du lịch Jinxin Việt Nam (sau đây gọi tắt là các công ty vận tải đường sắt) về kế hoạch chạy tàu trên tuyến đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 (Tết năm 2026). Để đáp ứng nhu cầu vận tải và phù hợp với năng lực hạ tầng đường sắt hiện có. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về kế hoạch chạy tàu quy định tại văn bản số 823/KH-ĐS ngày 21/03/2025, văn bản số 1124/KH-ĐS ngày 15/4/2025 trong dịp Tết năm 2026, cụ thể như sau:

I. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chạy tàu khách:

1. Số đôi tàu khách chạy thường xuyên và tăng cường hằng ngày:

1.1. Số đôi tàu khách chạy thường xuyên:

Tổ chức chạy thường xuyên 07 đôi tàu khách chạy suốt giữa Hà Nội - Sài Gòn (tàu khách Thống Nhất) và 9,5 đôi tàu khách Khu đoạn trong dịp Tết năm 2026, cụ thể như sau:

1.1.1. Tàu khách Thống Nhất = 07 đôi:

Các tàu: SE1/SE2, SE3/SE4, SE5/SE6, SE7/SE8, SE9/SE10, SE11/SE12, SE23/SE24.

1.1.2. Tàu khách Khu đoạn = 9,5 đôi:

1.1.2.1. Khu đoạn Hà Nội – Vinh: Tàu NA1/NA2, SE35/SE36 = 02 đôi.

1.1.2.2. Khu đoạn Hà Nội – Đồng Hới: Tàu QB1/QB2 = 0,5 đôi (*tổ chức chạy cách nhật, khi tổ chức chạy tàu QB1 thì không chạy tàu QB2 và ngược lại*).

1.1.2.3. Khu đoạn Hà Nội – Đà Nẵng: Tàu SE19/SE20 = 01 đôi.

1.1.2.4. Khu đoạn Huế – Đà Nẵng: Tàu HĐ1/HĐ2, HĐ3/HĐ4 = 02 đôi.

1.1.2.5. Khu đoạn Đà Nẵng – Sài Gòn: Tàu SE21/SE22 = 01 đôi.

1.1.2.6. Khu đoạn Quy Nhơn – Sài Gòn: Tàu SE29/SE30 = 01 đôi.

1.1.2.7. Khu đoạn Nha Trang – Sài Gòn : Tàu SNT1/SNT2 = 01 đôi.

1.1.2.8. Khu đoạn Phan Thiết – Sài Gòn: Tàu SPT1/SPT2 = 01 đôi.

1.2. Số đôi tàu khách chạy tăng cường:

Ngoài các đôi tàu khách Thống Nhất, tàu khách Khu đoạn chạy thường xuyên trong dịp Tết năm 2026 quy định tại văn bản này. Tổ chức chạy tăng cường 5,5 đôi tàu khách (02 đôi tàu khách Thống Nhất và 3,5 đôi tàu khách Khu đoạn), cụ thể như sau:

1.2.1. Tàu khách Thống Nhất: Tàu TN3/TN4, TN5/TN6 = 02 đôi.

1.2.2. Tàu khách Khu đoạn = 3,5 đôi:

1.2.2.1. Khu đoạn Vinh – Sài Gòn: Tàu SE13/SE14, SE15/SE16 = 02 đôi.

1.2.2.2. Khu đoạn Quảng Ngãi – Sài Gòn: Tàu SE25/SE26 = 01 đôi.

1.2.2.3. Khu đoạn Nha Trang - Sài Gòn: Tàu SNT12/7501 chạy giai đoạn trước và tàu 7502/SNT11 chạy giai đoạn sau kỳ nghỉ Tết = 0,5 đôi.

2. Sử dụng đoàn xe:

Trong thời gian chạy tàu Tết năm 2026 trên tuyến đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh dự kiến sử dụng 55 ram xe để tổ chức chạy các đôi tàu khách. Trong đó Công ty CP Vận tải đường sắt cung cấp 54 ram xe, Công ty TNHH Vận tải đường sắt và Du lịch Jinxin Việt Nam (Cty Jinxin Việt Nam) cung cấp 01 ram xe. Ram xe của công ty nào thì công ty đó cung cấp trang thiết bị và Nhân viên phục vụ, cụ thể như sau:

| TT | Mác tàu | Khoảng cách chạy | Đơn vị cung cấp ram xe | | Tổng số ram xe |
|-------------|--|----------------------|------------------------|---------------------|----------------|
| | | | Cty CPVT đường sắt | Cty Jinxin Việt Nam | |
| 1 | SE1/SE2, SE5/SE6 (tổ chức quay chung ram xe) | Hà Nội - Sài Gòn | 6 | | 6 |
| 2 | SE3/SE4, SE7/SE8, SE11/SE12 (tổ chức quay chung ram xe) | Hà Nội - Sài Gòn | 10 | | 10 |
| 3 | SE9/SE10 | Hà Nội - Sài Gòn | 4 | | 4 |
| 4 | SE23/SE24 | Hà Nội - Sài Gòn | 4 | | 4 |
| 5 | TN3/TN4 | Hà Nội - Sài Gòn | 4 | | 4 |
| 6 | TN5/TN6 | Hà Nội - Sài Gòn | 4 | | 4 |
| 7 | NA1/NA2, SE35/SE36 (quay vòng nhanh ram xe) | Hà Nội – Vinh | 2 | | 2 |
| 8 | QB1/QB2 | Hà Nội – Đồng Hới | | 1 | 1 |
| 9 | SE19/20 | Hà Nội – Đà Nẵng | 2 | | 2 |
| 10 | HĐ1/2, HĐ3/4 | Huế – Đà Nẵng | 2 | | 2 |
| 11 | SE13/14, SE15/16 (tổ chức quay chung ram xe) | Vinh - Sài Gòn | 7 | | 7 |
| 12 | SE21/SE22 | Đà Nẵng – Sài Gòn | 2 | | 2 |
| 13 | SE25/SE26 | Quảng Ngãi – Sài Gòn | 2 | | 2 |
| 14 | SE29/SE30 | Quy Nhơn – Sài Gòn | 2 | | 2 |
| 15 | SNT1/SNT2; SNT12/7501, SNT11/7502 (quay nhanh ram xe SNT1/SNT2) | Nha Trang – Sài Gòn | 2 | | 2 |
| 16 | SPT1/SPT2 | Phan Thiết - Sài Gòn | 1 | | 1 |
| Tổng | | | 54 | 1 | 55 |

3. Thành phần cơ bản các đoàn tàu khách:

3.1. Tàu khách Thống Nhất:

3.1.1. Tàu SE1/SE2, SE5/SE6 (Ram xe 02 đường ống gió):

$$1\text{HC}+3\text{AL}56+2\text{BnL}42+4\text{AnL}28+1\text{AnL}24_{\text{vip}}+1\text{CV-PĐ}+1\text{HL} = 13 \text{ xe}$$

(các xe chở khách đánh số từ 1 đến 10)

3.1.2. Tàu SE3/SE4, SE7/SE8, SE11/SE12 (Ram xe 02 đường ống gió):

- Tàu SE3/SE4, SE11/SE12:

$$1\text{HC} + 1\text{AL64} + 1\text{AL56} + 3\text{BnL42} + 6\text{AnL28} + 1\text{CV-PĐ} + 1\text{HL} = 14 \text{ xe}$$

(các toa xe chở khách đánh số từ 1 đến 11)

- Tàu SE7/SE8:

$$1\text{BD} + 1\text{HC} + 1\text{AL64} + 1\text{AL56} + 3\text{BnL42} + 6\text{AnL28} + 1\text{CV-PĐ} = 14 \text{ xe}$$

(các toa xe chở khách đánh số từ 1 đến 11)

3.1.3. Tàu SE9/SE10:

$$1\text{HL} + 1\text{HC} + 3\text{AL64} + 3\text{BnL42} + 3\text{AnL28} + 1\text{CV-PĐ} + 1\text{H.lý nguyên toa} = 13 \text{ xe}$$

(các toa xe chở khách đánh số từ 1 đến 9)

3.1.4. Tàu SE23/SE24:

$$1\text{HC} + 3\text{AL64} + 2\text{BnL42} + 5\text{AnL28} + 1\text{CV-PĐ} + 1\text{H.lý nguyên toa} = 13 \text{ xe}$$

(các toa xe chở khách đánh số từ 1 đến 10)

3.1.5. Tàu TN3/TN4:

$$1\text{HC} + 3\text{AL64} + 3\text{BnL42} + 4\text{AnL26} + 1\text{CV-PĐ} = 12 \text{ xe}$$

(các toa xe chở khách đánh số từ 1 đến 10)

3.1.6. Tàu TN5/TN6:

$$1\text{HC} + 3\text{AL64} + 5\text{BnL42} + 3\text{AnL28} + 1\text{CV-PĐ} = 13 \text{ xe}$$

(các toa xe chở khách đánh số từ 1 đến 11)

3.2. Tàu khách Khu đoạn:

3.2.1. Tàu NA1/NA2, SE35/SE36:

$$6\text{AnL28} + 1\text{CV-PĐ} = 7 \text{ xe}$$

(các toa xe chở khách đánh số từ 1 đến 6)

3.2.2. Tàu QB1/QB2 (Ram xe 02 đường ống gió):

$$5\text{AL56} + 1\text{HC} + 6\text{AnL28} + 1\text{CV-PĐ} = 13 \text{ xe}$$

(các toa xe chở khách đánh số từ 1 đến 11)

3.2.3. Tàu SE19/SE20 (Ram xe 02 đường ống gió):

$$1\text{HC} + 12\text{AnL28} + 1\text{CV-PĐ} = 14 \text{ xe}$$

(các toa xe chở khách đánh số từ 1 đến 12)

3.2.4. Tàu SE13/SE14, SE15/SE16:

$$1\text{HC} + 4\text{AL64} + 4\text{BnL42} + 4\text{AnL28} + 1\text{CV-PĐ} = 14 \text{ xe}$$

(các toa xe chở khách đánh số từ 1 đến 12)

3.2.5. Tàu HD1/HD2, HD3/HD4:

$$2\text{AL56} + 1\text{VHGD} + 2\text{AL56} + 1\text{CV-PĐ} = 6 \text{ xe}$$

(các toa xe A56ĐH chở khách đánh số từ 1 đến 4)

3.2.6. Tàu SE21/SE22 (Ram xe 02 đường ống gió):

$$1\text{HL} + 3\text{AL56} + 2\text{AnL28vip} + 1\text{HC} + 5\text{AnL28vip} + 1\text{AnL26vip} + 1\text{CV-PĐ} = 14 \text{ xe}$$

(các toa xe chở khách đánh số từ 1 đến 11)

3.2.7. Tàu SE25/SE26:

$$1HC + 1AL56 + 1AL64 + 5BnL40 + 2BnL42 + 3AnL26 + 1CV-PĐ = 14 \text{ xe}$$

(các toa xe chở khách đánh số từ 1 đến 12)

3.2.8. Tàu SE29/SE30:

$$1HC + 2AL56 + 1AL64 + 6BnL42 + 3AnL26 + 1CV-PĐ = 14 \text{ xe}$$

(các toa xe chở khách đánh số từ 1 đến 12)

3.2.9. Tàu SNT1/SNT2, SNT12/7501, SNT11/7502 (Ram xe 02 đường ống gió):

$$1AL56 + 1AL64 + 3BnL42 + 1AnL24 + 4AnL26 + 2AnLvip28 + 1CV-PĐ = 13 \text{ xe}$$

(các toa xe chở khách đánh số từ 1 đến 12)

3.2.10. Tàu SPT1/SPT2:

$$1HC + 3AL64 + 1AL56 + 2AL48 + 1CV-PĐ + 1HL = 9 \text{ xe}$$

(các toa xe chở khách đánh số từ 1 đến 6)

4. Hành trình các đoàn tàu khách: có Phụ lục bảng giờ tàu kèm theo.

5. Ga đỗ đón, trả khách:

5.1. Tàu khách Thống Nhất:

- Tàu SE1: Hà Nội, Phủ Lý, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hoá, Vinh, Hương Phố, Đồng Hới, Đông Hà, Huế, Đà Nẵng, Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Diêu Trì, Tuy Hoà, Nha Trang, Bình Thuận, Biên Hoà, Dĩ An, Sài Gòn = 20 ga;

- Tàu SE2: Sài Gòn, Dĩ An, Biên Hoà, Bình Thuận, Nha Trang, Tuy Hoà, Diêu Trì, Quảng Ngãi, Tam Kỳ, Đà Nẵng, Huế, Đông Hà, Đồng Hới, Đồng Lê, Vinh, Thanh Hoá, Ninh Bình, Nam Định, Phủ Lý, Hà Nội = 20 ga;

- Tàu SE3: Hà Nội, Phủ Lý, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hoá, Vinh, Đồng Hới, Đông Hà, Huế, Đà Nẵng, Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Diêu Trì, Tuy Hoà, Nha Trang, Tháp Chàm, Bình Thuận, Biên Hoà, Dĩ An, Sài Gòn = 20 ga;

- Tàu SE4: Sài Gòn, Dĩ An, Biên Hoà, Long Khánh, Bình Thuận, Nha Trang, Tuy Hoà, Diêu Trì, Quảng Ngãi, Tam Kỳ, Đà Nẵng, Huế, Đông Hà, Đồng Hới, Hương Phố, Yên Trung, Vinh, Thanh Hoá, Ninh Bình, Nam Định, Phủ Lý, Hà Nội = 22 ga;

- Tàu SE5: Hà Nội, Phủ Lý, Nam Định, Ninh Bình, Bim Sơn, Thanh Hoá, Minh Khôi, Chợ Sy, Vinh, Yên Trung, Hương Phố, Đồng Lê, Đồng Hới, Đông Hà, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Diêu Trì, Tuy Hoà, Nha Trang, Bình Thuận, Biên Hoà, Dĩ An, Sài Gòn = 24 ga;

- Tàu SE6: Sài Gòn, Dĩ An, Biên Hoà, Bình Thuận, Nha Trang, Tuy Hoà, Diêu Trì, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Huế, Đông Hà, Đồng Hới, Đồng Lê, Hương Phố, Yên Trung, Vinh, Minh Khôi, Thanh Hoá, Bim Sơn, Ninh Bình, Nam Định, Phủ Lý, Hà Nội = 23 ga;

- Tàu SE7: Hà Nội, Phủ Lý, Nam Định, Ninh Bình, Bim Sơn, Thanh Hoá, Chợ Sy, Vinh, Yên Trung, Hương Phố, Đồng Lê, Minh Lê, Đồng Hới, Mỹ Đức, Đông Hà, Huế, Đà Nẵng, Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Diêu Trì, Tuy Hoà, Nha Trang, Tháp Chàm, Bình Thuận, Long Khánh, Biên Hoà, Dĩ An, Sài Gòn = 28 ga;

- Tàu SE8: Sài Gòn, Dĩ An, Biên Hoà, Long Khánh, Bình Thuận, Tháp Chàm, Nha Trang, Tuy Hoà, Diêu Trì, Quảng Ngãi, Tam Kỳ, Đà Nẵng, Huế, Đông Hà, Mỹ Đức, Đồng Hới, Minh Lê, Đồng Lê, Hương Phố, Yên Trung, Vinh, Chợ Sy, Thanh Hoá, Bỉm Sơn, Ninh Bình, Nam Định, Phủ Lý, Hà Nội = 28 ga;

- Tàu SE9: Hà Nội, Phủ Lý, Nam Định, Ninh Bình, Bỉm Sơn, Thanh Hoá, Minh Khôi, Chợ Sy, Vinh, Yên Trung, Hương Phố, Đồng Lê, Đồng Hới, Đông Hà, Huế, Đà Nẵng, Trà Kiệu, Tam Kỳ, Núi Thành, Quảng Ngãi, Đức Phổ, Bồng Sơn, Diêu Trì, Tuy Hoà, Giã, Ninh Hoà, Nha Trang, Tháp Chàm, Sông Mao, Bình Thuận, Long Khánh, Biên Hoà, Dĩ An, Sài Gòn = 34 ga;

- Tàu SE10: Sài Gòn, Dĩ An, Biên Hoà, Long Khánh, Suối Kiết, Bình Thuận, Sông Mao, Tháp Chàm, Nha Trang, Ninh Hoà, Tuy Hoà, Diêu Trì, Bồng Sơn, Đức Phổ, Quảng Ngãi, Núi Thành, Tam Kỳ, Trà Kiệu, Đà Nẵng, Huế, Đông Hà, Mỹ Trạch, Đồng Hới, Minh Lê, Đồng Lê, Hương Phố, Yên Trung, Vinh, Chợ Sy, Minh Khôi, Thanh Hoá, Nam Định, Phủ Lý, Hà Nội = 34 ga;

- Tàu SE11: Hà Nội, Phủ Lý, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hoá, Minh Khôi, Vinh, Yên Trung, Hương Phố, Đồng Hới, Mỹ Trạch, Đông Hà, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Diêu Trì, La Hai, Tuy Hoà, Giã, Ninh Hoà, Nha Trang, Tháp Chàm, Bình Thuận, Suối Kiết, Long Khánh, Biên Hoà, Dĩ An, Sài Gòn = 28 ga;

- Tàu SE12: Sài Gòn, Dĩ An, Biên Hoà, Suối Kiết, Bình Thuận, Tháp Chàm, Nha Trang, Ninh Hoà, Giã, Tuy Hoà, La Hai, Diêu Trì, Bồng Sơn, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Huế, Đông Hà, Đồng Hới, Hương Phố, Vinh, Chợ Sy, Minh Khôi, Thanh Hoá, Ninh Bình, Nam Định, Phủ Lý, Hà Nội = 27 ga;

- Tàu SE23: Hà Nội, Phủ Lý, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hoá, Vinh, Yên Trung, Đồng Hới, Đông Hà, Huế, Đà Nẵng, Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Diêu Trì, Tuy Hoà, Nha Trang, Tháp Chàm, Bình Thuận, Biên Hoà, Dĩ An, Sài Gòn = 21 ga;

- Tàu SE24: Sài Gòn, Dĩ An, Biên Hoà, Nha Trang, Diêu Trì, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Huế, Đông Hà, Đồng Hới, Yên Trung, Vinh, Thanh Hoá, Bỉm Sơn, Ninh Bình, Nam Định, Phủ Lý, Hà Nội = 18 ga;

- Tàu TN3: Hà Nội, Phủ Lý, Nam Định, Ninh Bình, Bỉm Sơn, Thanh Hoá, Minh Khôi, Chợ Sy, Vinh, Yên Trung, Hương Phố, Đồng Lê, Đồng Hới, Đông Hà, Huế, Đà Nẵng, Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Diêu Trì, Tuy Hoà, Nha Trang, Tháp Chàm, Bình Thuận, Biên Hoà, Dĩ An, Sài Gòn = 26 ga;

- Tàu TN4: Sài Gòn, Dĩ An, Biên Hoà, Long Khánh, Bình Thuận, Tháp Chàm, Nha Trang, Tuy Hoà, Diêu Trì, Quảng Ngãi, Tam Kỳ, Đà Nẵng, Huế, Đông Hà, Đồng Hới, Đồng Lê, Hương Phố, Yên Trung, Vinh, Chợ Sy, Minh Khôi, Thanh Hoá, Ninh Bình, Nam Định, Phủ Lý, Hà Nội = 26 ga;

- Tàu TN5: Hà Nội, Phủ Lý, Nam Định, Ninh Bình, Bỉm Sơn, Thanh Hoá, Vinh, Yên Trung, Hương Phố, Đồng Hới, Đông Hà, Huế, Đà Nẵng, Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Đức Phổ, Bồng Sơn, Diêu Trì, Tuy Hoà, Nha Trang, Long Khánh, Biên Hoà, Dĩ An, Sài Gòn = 24 ga;

- Tàu TN6: Sài Gòn, Dĩ An, Biên Hoà, Long Khánh, Bình Thuận, Nha Trang, Diêu Trì, Quảng Ngãi, Tam Kỳ, Đà Nẵng, Huế, Đông Hà, Đồng Hới, Đồng Lê, Hương Phố, Yên Trung, Vinh, Chợ Sy, Minh Khôi, Thanh Hoá, Bỉm Sơn, Ninh Bình, Nam Định, Phủ Lý, Hà Nội = 25 ga.

5.2. Tàu khách Khu đoạn:

5.2.1. Khu đoạn Hà Nội – Vinh:

- Tàu NA1/NA2: Hà Nội, Chợ Si, Vinh = 03 ga;
- Tàu SE35: Hà Nội, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hoá, Minh Khôi, Chợ Sy, Vinh = 07 ga;
- Tàu SE36: Vinh, Chợ Sy, Minh Khôi, Thanh Hoá, Ninh Bình, Nam Định, Phủ Lý, Hà Nội = 08 ga.

5.2.2. Khu đoạn Hà Nội – Đồng Hới:

- Tàu QB1: Hà Nội, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hoá, Vinh, Đồng Hới = 06 ga;
- Tàu QB2: Đồng Hới, Đồng Lê, Hương Phố, Yên Trung, Vinh, Hà Nội = 06 ga.

5.2.3. Khu đoạn Hà Nội – Đà Nẵng:

- Tàu SE19: Hà Nội, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hoá, Vinh, Đồng Hới, Đông Hà, Huế, Đà Nẵng = 09 ga;
- Tàu SE20: Đà Nẵng, Huế, Đông Hà, Đồng Hới, Vinh, Thanh Hoá, Ninh Bình, Nam Định, Phủ Lý, Hà Nội = 10 ga.

5.2.4. Khu đoạn Vinh – Sài Gòn:

- Tàu SE13: Vinh, Yên Trung, Hương Phố, Đồng Hới, Đông Hà, Huế, Đà Nẵng, Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Diêu Trì, Tuy Hoà, Nha Trang, Tháp Chàm, Long Khánh, Biên Hoà, Dĩ An, Sài Gòn = 17 ga;
- Tàu SE14: Sài Gòn, Dĩ An, Biên Hoà, Long Khánh, Bình Thuận, Tháp Chàm, Nha Trang, Tuy Hoà, La Hai, Diêu Trì, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Huế, Đông Hà, Mỹ Trạch, Mỹ Đức, Đồng Hới, Đồng Lê, Hương Phố, Yên Trung, Vinh = 21 ga;
- Tàu SE15: Vinh, Yên Trung, Hương Phố, Đồng Lê, Minh Lệ, Đồng Hới, Mỹ Đức, Mỹ Trạch, Đông Hà, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Diêu Trì, La Hai, Tuy Hoà, Giã, Ninh Hoà, Nha Trang, Tháp Chàm, Bình Thuận, Long Khánh, Biên Hoà, Dĩ An, Sài Gòn = 24 ga;
- Tàu SE16: Sài Gòn, Dĩ An, Biên Hoà, Long Khánh, Tháp Chàm, Nha Trang, Ninh Hoà, Tuy Hoà, Diêu Trì, Bồng Sơn, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Huế, Đông Hà, Đồng Hới, Đồng Lê, Hương Phố, Yên Trung, Vinh = 19 ga.

5.2.5. Khu đoạn Huế – Đà Nẵng: Tàu HD1/HD3, HD2/HD4: Huế, Lăng Cô, Đà Nẵng = 03 ga.

5.2.6. Khu đoạn Đà Nẵng – Sài Gòn:

- Tàu SE21: Đà Nẵng, Trà Kiệu, Tam Kỳ, Núi Thành, Quảng Ngãi, Đức Phổ, Bồng Sơn, Diêu Trì, La Hai, Tuy Hoà, Giã, Ninh Hoà, Nha Trang, Tháp Chàm, Sông Mao, Bình Thuận, Long Khánh, Biên Hoà, Dĩ An, Sài Gòn = 20 ga.
- Tàu SE22: Sài Gòn, Dĩ An, Biên Hoà, Long Khánh, Bình Thuận, Sông Mao, Tháp Chàm, Nha Trang, Ninh Hoà, Giã, Tuy Hoà, La Hai, Diêu Trì, Bồng Sơn, Đức Phổ, Quảng Ngãi, Núi Thành, Tam Kỳ, Trà Kiệu, Đà Nẵng = 20 ga.

5.2.7. Khu đoạn Quảng Ngãi – Sài Gòn:

- Tàu SE25: Quảng Ngãi, Đức Phổ, Bồng Sơn, Diêu Trì, Tuy Hoà, Ninh Hoà, Nha Trang, Bình Thuận, Biên Hoà, Dĩ An, Sài Gòn = 11 ga;

- Tàu SE26: Sài Gòn, Dĩ An, Biên Hoà, Bình Thuận, Nha Trang, Ninh Hoà, Tuy Hoà, Diêu Trì, Bồng Sơn, Đức Phổ, Quảng Ngãi = 11 ga.

5.2.8. Khu đoạn Quy Nhơn – Sài Gòn:

- Tàu SE29: Quy Nhơn, Diêu Trì, La Hai, Tuy Hoà, Giã, Ninh Hoà, Nha Trang, Tháp Chàm, Long Khánh, Biên Hoà, Dĩ An, Sài Gòn = 12 ga;

- Tàu SE30: Sài Gòn, Dĩ An, Biên Hoà, Bình Thuận, Nha Trang, Ninh Hoà, Giã, Tuy Hoà, La Hai, Diêu Trì, Quy Nhơn = 11 ga.

5.2.9. Khu đoạn Nha Trang – Sài Gòn: Tàu SNT1/SNT2, SNT11/SNT12: Nha Trang, Tháp Chàm, Biên Hoà, Dĩ An, Sài Gòn = 05 ga.

5.2.10. Khu đoạn Phan Thiết – Sài Gòn: Tàu SPT1/SPT2: Phan Thiết, Bình Thuận, Suối Kiết, Long Khánh, Biên Hoà, Dĩ An, Sài Gòn = 07 ga.

6. Thời gian chạy tàu:

Thời gian tổ chức chạy tàu từ ngày 03/02/2026 (*tức ngày 16 tháng Chạp năm Ất Ty*) đến hết ngày 08/3/2026 (*tức ngày 20 tháng Giêng năm Bính Ngọ*) = 34 ngày và được chia làm 03 giai đoạn (trước Tết, nghỉ Tết và sau Tết) với lịch chạy tàu cụ thể như sau:

6.1. Phân khai theo giai đoạn:

- Giai đoạn trước Tết: Từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 15/02/2026 (*tức từ ngày 16 tháng Chạp năm Ất Ty đến hết ngày 28 tháng Chạp năm Ất Ty*) = 13 ngày;

- Giai đoạn nghỉ Tết: Từ ngày 16/02/2026 đến hết ngày 19/02/2026 (*tức từ ngày 29 tháng Chạp năm Ất Ty đến hết ngày mùng 3 tháng Giêng năm Bính Ngọ*) = 04 ngày;

- Giai đoạn sau Tết: Từ ngày 20/02/2026 đến hết ngày 08/3/2026 (*tức từ ngày mùng 4 tháng Giêng năm Bính Ngọ đến hết ngày 20 tháng Giêng năm Bính Ngọ*) = 17 ngày.

6.2. Lịch chạy tàu cụ thể:

6.2.1. Các đoàn tàu khách chạy thường xuyên:

6.2.1.1. Tàu khách Thống Nhất:

- Tàu SE1 xuất phát ga Hà Nội từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 08/3/2026;
- Tàu SE2 xuất phát ga Sài Gòn từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 08/3/2026;
- Tàu SE3 xuất phát ga Hà Nội từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 08/3/2026;
- Tàu SE4 xuất phát ga Sài Gòn từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 08/3/2026;
- Tàu SE5 xuất phát ga Sài Gòn từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 08/3/2026;
- Tàu SE6 xuất phát ga Hà Nội từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 08/3/2026;
- Tàu SE7 xuất phát ga Hà Nội từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 08/3/2026;
- Tàu SE8 xuất phát ga Sài Gòn từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 08/3/2026;
- Tàu SE9 xuất phát ga Hà Nội từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 08/3/2026;
- Tàu SE10 xuất phát ga Sài Gòn từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 08/3/2026;
- Tàu SE11 xuất phát ga Hà Nội từ ngày 07/02/2026 đến hết ngày 06/3/2026;
- Tàu SE12 xuất phát ga Sài Gòn từ ngày 06/02/2026 đến hết ngày 05/3/2026;

- Tàu SE23 xuất phát ga Hà Nội từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 03/3/2026;
- Tàu SE24 xuất phát ga Sài Gòn từ ngày 05/02/2026 đến hết ngày 05/3/2026.

6.2.1.2. Tàu khách Khu đoạn:

6.2.1.2.1. Khu đoạn Hà Nội – Vinh:

- Tàu NA1, SE35 xuất phát ga Hà Nội từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 15/02/2026 và từ ngày 17/02/2026 hết ngày 08/3/2026, ngừng chạy ngày 16/02/2026 (*tức ngày 29 tháng Chạp năm Ất Ty*);

- Tàu NA2, SE36 xuất phát ga Vinh từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 15/02/2026 và từ ngày 17/02/2026 hết ngày 08/3/2026, ngừng chạy ngày 16/02/2026 (*tức ngày 29 tháng Chạp năm Ất Ty*).

6.2.1.2.2. Khu đoạn Hà Nội – Đồng Hới:

Tổ chức chạy cách nhật tàu QB1 xuất phát ga Hà Nội và tàu QB2 xuất phát ga Đồng Hới từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 08/3/2026 (*khi tổ chức chạy tàu QB1 thì không chạy tàu QB2 cùng ngày và ngược lại*).

6.2.1.2.3. Khu đoạn Hà Nội – Đà Nẵng:

- Tàu SE19 xuất phát ga Hà Nội từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 08/3/2026;
- Tàu SE20 xuất phát ga Đà Nẵng từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 08/3/2026.

6.2.1.2.4. Khu đoạn Huế – Đà Nẵng:

- Tàu HD1, HD3 xuất phát ga ga Huế từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 08/3/2026;
- Tàu HD2, HD4 xuất phát ga Đà Nẵng từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 08/3/2026.

6.2.1.2.5. Khu đoạn Đà Nẵng – Sài Gòn:

- Tàu SE22 xuất phát ga Sài Gòn từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 08/3/2026;
- Tàu SE21 xuất phát ga Đà Nẵng từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 08/3/2026.

6.2.1.2.6. Khu đoạn Quy Nhơn - Sài Gòn:

- Tàu SE30 xuất phát ga Sài Gòn từ ngày 05/02/2026 đến hết ngày 15/02/2026 và từ ngày 17/02/2026 đến ngày 28/02/2026, ngừng chạy ngày 16/02/2026 (*tức ngày 29 tháng Chạp năm Ất Ty*);

- Tàu SE29 xuất phát ga Quy Nhơn từ ngày 06/02/2026 đến ngày 15/02/2026 và từ ngày 17/02/2026 đến hết ngày 01/3/2026, ngừng chạy ngày 16/02/2026 (*tức ngày 29 tháng Chạp năm Ất Ty*).

6.2.1.2.7. Khu đoạn Nha Trang - Sài Gòn:

- Tàu SNT2 xuất phát ga Sài Gòn từ ngày 03/02/2026 đến ngày 15/02/2026 và từ ngày 17/02/2026 đến ngày 08/3/2026, ngừng chạy ngày 16/02/2026 (*tức ngày 29 tháng Chạp năm Ất Ty*);

- Tàu SNT1 xuất phát ga Nha Trang từ ngày 03/02/2026 đến ngày 15/02/2026 và từ 17/02/2026 đến ngày 08/3/2026, ngừng chạy ngày 16/02/2026 (*tức ngày 29 tháng Chạp năm Ất Ty*).

6.2.1.2.8. Khu đoạn Phan Thiết - Sài Gòn:

- Tàu SPT2 xuất phát ga Sài Gòn từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 08/3/2026;
- Tàu SPT1 xuất phát ga Phan Thiết từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 08/3/2026.

6.2.2. Các đoàn tàu khách chạy tăng cường:

6.2.2.1. Giai đoạn trước Tết:

6.2.2.1.1. Tàu khách Thống Nhất chạy tăng cường:

- Tàu TN3 xuất phát ga Hà Nội từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 12/02/2026;
- Tàu TN4 xuất phát ga Sài Gòn từ ngày 05/02/2026 đến hết ngày 14/02/2026;
- Tàu TN6 xuất phát ga Sài Gòn từ ngày 05/02/2026 đến hết ngày 14/02/2026;
- Tàu TN5 xuất phát ga Hà Nội từ ngày 07/02/2026 đến hết ngày 16/02/2026.

6.2.2.1.2. Tàu khách Khu đoạn chạy tăng cường:

6.2.2.1.2.1. Khu đoạn Vinh – Sài Gòn:

- Tàu SE13 xuất phát ga Vinh từ ngày 05/02/2026 đến hết ngày 14/02/2026;
- Tàu SE14 xuất phát ga Sài Gòn từ ngày 05/02/2026 đến hết ngày 14/02/2026;
- Tàu SE15 xuất phát ga Vinh từ ngày 05/02/2026 đến hết ngày 14/02/2026;
- Tàu SE16 xuất phát ga Sài Gòn từ ngày 05/02/2026 đến hết ngày 14/02/2026.

6.2.2.1.2.2. Khu đoạn Quảng Ngãi – Sài Gòn:

- Tàu SE26 xuất phát ga Sài Gòn từ ngày 05/02/2026 đến hết ngày 14/02/2026;
- Tàu SE25 xuất phát ga Quảng Ngãi từ ngày 06/02/2026 đến hết ngày 15/02/2026.

6.2.2.1.2.3. Khu đoạn Nha Trang – Sài Gòn:

- Tàu SNT12 xuất phát ga Sài Gòn các ngày: 12, 14/02/2026;
- Tàu 7501 xuất phát ga Nha Trang các ngày: 12, 13, 14, 15/02/2026.

6.2.2.2. Giai đoạn sau kỳ nghỉ Tết:

6.2.2.2.1. Tàu khách Thống Nhất chạy tăng cường:

- Tàu TN3 chạy lại tại ga Hà Nội từ ngày 20/02/2026 đến hết ngày 06/3/2026;
- Tàu TN4 chạy lại tại ga Sài Gòn từ ngày 22/02/2026 đến hết ngày 08/3/2026;
- Tàu TN6 chạy lại tại ga Sài Gòn từ ngày 18/02/2026 đến hết ngày 27/02/2026;
- Tàu TN5 chạy lại tại ga Hà Nội từ ngày 20/02/2026 đến hết ngày 01/3/2026.

6.2.2.2.2. Tàu khách Khu đoạn chạy tăng cường:

6.2.2.2.2.1. Khu đoạn Vinh – Sài Gòn:

- Tàu SE13 chạy lại tại ga Vinh từ ngày 20/02/2026 đến hết ngày 26/02/2026;
- Tàu SE14 chạy lại tại ga Sài Gòn từ ngày 20/02/2026 đến hết ngày 27/02/2026;
- Tàu SE15 chạy lại tại ga Vinh từ ngày 20/02/2026 đến hết ngày 27/02/2026;
- Tàu SE16 chạy lại tại ga Sài Gòn từ ngày 20/02/2026 đến hết ngày 26/02/2026.

6.2.2.2.2. Khu đoạn Quảng Ngãi – Sài Gòn:

- Tàu SE26 chạy lại tại ga Sài Gòn từ ngày 20/02/2026 đến hết ngày 28/02/2026;
- Tàu SE25 chạy lại tại ga Quảng Ngãi từ ngày 20/2/2026 đến hết ngày 01/3/2026.

6.2.2.2.3. Khu đoạn Nha Trang – Sài Gòn:

- Tàu SNT11 xuất phát ga Nha Trang từ ngày 20/02/2026 đến hết ngày 24/02/2026;
- Tàu 7502 xuất phát ga Sài Gòn từ ngày 20/02/2026 đến hết ngày 24/02/2026.

6.3. Lịch chạy tàu khách các ngày còn lại trong dịp Tết năm 2026 ngoài quy định tại văn bản này, các công ty vận tải đường sắt căn cứ tình hình thực tế và nhu cầu đi lại của hành khách để cân đối, thống nhất và gửi đề nghị về Tổng công ty Đường sắt Việt Nam xem xét giải quyết.

7. Tổ chức quay chung, quay vòng nhanh ram xe giữa các tàu:

Giao Công ty CP Vận tải đường sắt căn cứ kế hoạch chạy tàu quy định tại văn bản này để xây dựng kế hoạch tổ chức quay chung, quay vòng nhanh ram xe giữa các tàu cho phù hợp, hiệu quả và triển khai bằng văn bản đến đơn vị liên quan biết phối hợp thực hiện, cụ thể như sau:

7.1. Tàu khách Thống Nhất: Tàu SE1/SE2 và tàu SE5/SE6; Tàu SE3/SE4, SE7/SE8 và tàu SE11/SE12.

7.2. Tàu khách Khu đoạn

- Khu đoạn Hà Nội - Vinh: Tàu NA1/NA2 và tàu SE35/SE36;
- Khu đoạn Vinh – Sài Gòn: Tàu SE13/SE14 và tàu SE15/SE16;
- Khu đoạn Nha Trang – Sài Gòn: Tàu SNT1/SNT2 và 7501/SNT12 (trước kỳ nghỉ Tết); Tàu SNT1/SNT2 và 7502/SNT11 (sau kỳ nghỉ Tết).

8. Bố trí toa xe khách dự phòng

Công ty CP Vận tải đường sắt bố trí toa xe khách dự phòng tại một số ga để thay thế khi xảy ra hư hỏng đột xuất. Cụ thể:

8.1. Tại ga Hà Nội: Dự phòng 06 toa xe (1AnL28, 1BnL42, 1AL56, 1AL64, 1HC, 1CV-PĐ).

8.2. Tại ga Đà Nẵng: Dự phòng 04 toa xe (1HC, 1CV-PĐ, 1BnL42, 1AL64).

8.3. Tại ga Diêu Trì: Dự phòng 01 toa xe (1BnL42).

8.4. Tại ga Nha Trang: Dự phòng 02 toa xe (1CV-PĐ, 1AL64).

8.5. Tại ga Sài Gòn: Dự phòng 06 toa xe (1AnL28, 1BnL42, 1AL56, 1AL64, 1HC, 1CV-PĐ).

8.6. Tại các ga Vinh, Đồng Hới cân đối dự phòng toa xe thay thế khi cần thiết.

9. Kế hoạch lập tàu:

Giao Công ty CP Vận tải đường sắt căn cứ kế hoạch chạy tàu; thành phần đoàn tàu; kế hoạch quay chung, quay vòng nhanh ram xe giữa các tàu để phối hợp với Trung tâm Điều hành vận tải đường sắt và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch

tổ chức lập tàu phục vụ vận tải Tết năm 2026 cho phù hợp, hiệu quả. Đồng thời triển khai bằng văn bản đến các đơn vị liên quan biết phối hợp thực hiện.

II. Điều chỉnh kế hoạch chạy tàu hàng:

Để phù hợp với kế hoạch chạy tàu khách dịp Tết năm 2026 quy định tại văn bản này, từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 08/3/2026, điều chỉnh kế hoạch chạy tàu hàng trên tuyến đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh như sau:

1. Đối với tàu hàng chuyên tuyến:

Hàng ngày tổ chức chạy 04 đôi tàu hàng chuyên tuyến giữa Đông Anh (Yên Viên, Giáp Bát) – Sóng Thần. Cụ thể:

- Công ty CP Vận tải đường sắt: 03 đôi tàu (H3/H4, H7/H8, H9/H10);

- Công ty CP Vận tải & Thương mại đường sắt (Công ty Ratraco): 01 đôi tàu (H1/H2).

2. Đối với tàu hàng khu đoạn: Chỉ tổ chức chạy tàu hàng khu đoạn trên các khu đoạn còn năng lực thông qua và khi bố trí được đầu máy để kéo tàu.

3. Hành trình tàu hàng: Giao Trung tâm Điều hành vận tải đường sắt căn cứ tình hình chạy tàu thực tế phối hợp với Công ty CP Vận tải đường sắt, Công ty Ratraco và đơn vị liên quan để điều chỉnh hành trình tàu hàng; tổ chức nhường tránh giữa các tàu cho phù hợp, đảm bảo an toàn, hiệu quả.

4. Tác nghiệp kỹ thuật đầu máy, toa xe liên quan đến việc tổ chức chạy các đoàn tàu hàng: Thực hiện theo quy định tại văn bản số 1124/KH-ĐS ngày ngày 15/4/2025 và các văn bản hiện hành của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

5. Năng lực thông qua và kế hoạch chạy tàu (*đôi tàu/ngày đêm*) trong dịp Tết năm 2026 tại các khu đoạn trên tuyến đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh như sau:

| S T T | Khu đoạn | NLTQ | Số đôi tàu dịp Tết năm 2026 | | | | Khu gian hạn chế |
|-------------|-----------------------------|-------------|-----------------------------|-----------|--------------------|-------------------------------------|-----------------------------|
| | | | Tổng | Tàu khách | Tàu hàng chạy suốt | NLTQ còn lại chạy tàu hàng khu đoạn | |
| 1 | Hà Nội - Vinh | 20,1 | 17 | 13 | 4 | 3.1 | Mỹ Lý - Quán Hành |
| 2 | Vinh - Đông Hới | 17,8 | 17 | 13 | 4 | 0.8 | Đông Chuối - Kim Lũ |
| 3 | Đông Hới - Đà Nẵng | 18,6 | 18 | 14 | 4 | 0,6 | Thừa Lưu - Lăng Cô |
| 4 | Đà Nẵng - Diêu Trì | 21,8 | 17 | 13 | 4 | 4.8 | Bồng Sơn - Vạn Phú. |
| 5 | Diêu Trì - Nha Trang | 19,2 | 18 | 14 | 4 | 1.2 | La Hai - Chí Thạnh |
| 6 | Nha Trang - Bình Thuận | 20,4 | 20 | 16 | 4 | 0.4 | Sông Lý - Long Thạnh |
| 7 | Bình Thuận - Sài Gòn | 19,2 | 21 | 17 | 4 | -1.8 | Long Khánh- Dầu Giây |

Khu đoạn có tổng số đôi tàu chạy theo kế hoạch vượt quá năng lực thông qua là: Bình Thuận - Sài Gòn.

6. Do năng lực thông qua tại một số khu đoạn trên tuyến đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh bị hạn chế. Việc tổ chức chạy tăng cường thêm nhiều đoàn tàu khách nên ảnh hưởng đến việc tổ chức chạy tàu hàng. Công ty CP Vận tải đường sắt, Công ty Ratraco tập trung toa xe để vận chuyển hàng hóa trên các tuyến khác; các khu đoạn còn năng lực và tăng cường nhân lực, thiết bị phục vụ xếp dỡ đảm bảo việc lưu thông hàng hoá an toàn, thuận tiện nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

7. Khi khối lượng vận chuyển hàng hóa tăng, kế hoạch chạy tàu khách giảm. Công ty CP Vận tải đường sắt, Công ty Ratraco cần tổ chức chạy thêm tàu hàng chuyên tuyến. Giao Trung tâm Điều hành vận tải đường sắt căn cứ tình hình chạy tàu thực tế, năng lực thông qua trên toàn tuyến và khả năng bố đầu máy kéo tàu để tổ chức chạy thêm tàu cho phù hợp.

8. Trong thời gian cao điểm phục vụ vận tải dịp Tết năm 2026 trên tuyến đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh có mật độ chạy tàu khách tăng cao. Số đôi tàu khách, tàu hàng dự kiến tổ chức chạy vượt quá năng lực thông qua hiện có. Hành trình của các đoàn tàu hàng sẽ bị kéo dài hơn so với hiện tại do phải nhường tránh tàu khách. Công ty CP Vận tải đường sắt, Công ty Ratraco thương thảo với khách hàng và chủ động phối hợp với Trung tâm Điều hành vận tải đường sắt cập nhật giờ tàu về đến ga để thông báo cho khách hàng biết.

III. Một số quy định thực hiện kế hoạch chạy tàu dịp Tết năm 2026

1. Tại các ga đoàn tàu xuất phát; ga tác nghiệp kỹ thuật công tác chỉnh bị, khám chữa đầu máy, toa xe phải được thực hiện đúng tác nghiệp kỹ thuật theo quy định hiện hành để đảm bảo chạy tàu an toàn trong suốt hành trình.

2. Tại những ga quy định tàu dừng để tác nghiệp kỹ thuật tàu khách nhưng không quy định đón, trả khách. Sau khi tác nghiệp kỹ thuật xong được phép cho tàu chạy sớm giờ so với giờ quy định. Đối với các tàu có quy định dừng để tránh vượt tàu ở ga dọc đường, nhưng thực tế không có tác nghiệp này và không quy định đón, trả khách thì điều độ tổ chức cho tàu thông qua.

3. Do tổ chức quay chung, quay vòng nhanh ram xe giữa tàu SE1/SE2 và SE5/SE6; tàu SE3/SE4 và SE7/SE8 nên thời gian tác nghiệp kỹ thuật tại các ga Hà Nội, Sài Gòn ngắn. Để đảm bảo hành trình, thời gian tác nghiệp kỹ thuật của đoàn tàu theo kế hoạch đã xây dựng và an toàn chạy tàu nên các đoàn tàu này không được nối toa xe GG hoặc thành phần đoàn tàu nối không quá 02 toa xe vận chuyển hành lý.

4. Địa điểm, nội dung và thời gian tác nghiệp kỹ thuật đầu máy, toa xe đối với một số tàu khách chạy thường xuyên, tăng cường:

- Các tàu: SE11/SE12, SE23/SE24, TN3/TN4, TN5/TN6: Thực hiện như quy định đối với tàu SE7/SE8 hiện hành;

- Tàu SE35/SE36: Thực hiện như quy định đối với tàu NA1/NA2 hiện hành.

- Các tàu: QB1/QB2, SE13/SE14, SE15/SE16, SE25/SE26, HĐ1/HĐ2, HĐ3/HĐ4: Thực hiện như quy định đối với tàu SE7/SE8 hiện hành. Riêng tác nghiệp kỹ thuật tàu: SE13, SE15 tại ga Vinh; tàu: HĐ1, HĐ3 tại ga Huế; tàu: HĐ2, HĐ4 tại ga Đà Nẵng; tàu SE25 tại ga Quảng Ngãi áp dụng như ga Lập tàu;

- Tàu SE29/SE30: Thực hiện như quy định đối với tàu SQN1/SQN2 hiện hành.

- Tàu SNT11/7502, SNT12/7501: Thực hiện như quy định đối với tàu SNT1/SNT2 hiện hành.

5. Căn cứ năng lực hạ tầng đường sắt hiện có và Kế hoạch chạy tàu trên tuyến đã xây dựng. Để các công ty vận tải đường sắt chủ động trong việc điều chỉnh thành phần và cắt, nối thêm xe các đoàn tàu khách, đáp ứng tối đa nhu cầu vận tải, nâng cao hiệu suất sử dụng phương tiện, tiết kiệm chi phí. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam quy định tàu được phép cắt, nối xe tại ga dọc đường và chiều dài tối đa của đoàn tàu khách (*kể cả đầu máy kéo tàu*) tại các khu đoạn, cụ thể như sau:

5.1. Tàu được phép cắt, nối xe tại ga dọc đường:

- Tàu SE8 nối xe tại ga Nha Trang và cắt xe tại ga Đà Nẵng;
- Tàu SE21 cắt xe tại ga Nha Trang;
- Các tàu khách còn lại không tổ chức cắt, nối thêm xe tại ga dọc đường, trừ trường hợp bất khả kháng;

** Lưu ý: Công ty CP Vận tải đường sắt xây dựng kế hoạch tàu SE8, SE21 cắt, nối xe và thông báo cho các đơn vị liên quan biết để phối hợp thực hiện.*

5.2. Chiều dài tối đa đoàn tàu khách (*kể cả đầu máy kéo tàu*) tại các khu đoạn như sau:

- Khu đoạn Hà Nội – Đồng Hới và ngược lại: Không quá 360m;
- Khu đoạn Đồng Hới – Đà Nẵng và ngược lại: Không quá 325m;
- Khu đoạn Đà Nẵng – Diêu Trì và ngược lại: Không quá 330m;
- Khu đoạn Diêu Trì – Sài Gòn và ngược lại: không quá 351m.

6. Các đoàn tàu khách có nối xe GG vận chuyển hành lý phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và có số xe nằm trong bộ số tại văn bản số 840/ĐS-ĐMTX ngày 26/3/2018 và các văn bản hiện hành. Toa xe phải kiểm tra chính bị trước khi nối vào tàu khách. Tốc độ tối đa của đoàn tàu khách trong thành phần có nối xe GG không quá 80 Km/h. Trưởng tàu có trách nhiệm kiểm tra và xác báo cụ thể thành phần đoàn tàu với Nhân viên điều độ chạy tàu tuyến để cấp Cảnh báo “*Tàu số hiệu chỉ được phép chạy với tốc độ tối đa không quá 80 Km/h*” cho Lái tàu và các nhân viên liên quan biết thực hiện.

7. Quy định thứ tự ưu tiên các tàu như sau:

7.1. Ưu tiên thứ nhất: Tàu khách Thống Nhất quay chung, quay vòng nhanh ram xe mang số hiệu: SE1/SE2, SE5/SE6, SE7/SE8, SE3/SE4.

7.2. Ưu tiên thứ hai: Tàu khách Thống Nhất mang số hiệu SE còn lại; tàu khách mang số hiệu TN, tàu khách Khu đoạn; tàu hàng chuyên tuyến mang số hiệu H9/H10.

7.3. Ưu tiên thứ ba: Tàu khách Thống Nhất và tàu khách Khu đoạn chạy bất thường.

7.4. Ưu tiên thứ tư: Tàu hàng chuyên tuyến mang số hiệu H1/H2, H3/H4, H7/H8.

7.5. Ưu tiên thứ năm: Tàu hàng không quy định trong kế hoạch chạy tàu này.

7.6. Lưu ý:

- Riêng đoạn Đà Nẵng - Lăng Cô (qua đèo Hải Vân) ưu tiên: Thứ nhất các tàu khách Thống Nhất quay chung, quay vòng nhanh ram xe; Thứ hai các tàu khách Thống Nhất, tàu khách Khu đoạn chạy thường xuyên và tàu SE14, SE16; Thứ ba các tàu khách Thống Nhất, tàu khách Khu đoạn chạy tăng cường còn lại và tàu H9/H10. Các tàu khác tùy tình hình cụ thể cho phép ưu tiên như nhau để bố trí tránh vượt đảm bảo an toàn và có lợi nhất trong việc chỉ huy điều hành tổ chức chạy tàu.

- Các tàu khách Thống Nhất sắp đến ga cuối hành trình tính từ ga Tháp Chàm đến ga Sài Gòn đối với tàu số lẻ và tính từ ga Vinh đến ga Hà Nội đối với tàu số chẵn được ưu tiên hơn tàu cùng đẳng cấp mới xuất phát.

- Khi có thiên tai, tai nạn, sự cố, trở ngại trên đường hoặc chạy thêm các đoàn tàu đặc biệt mà phải điều chỉnh ngay hành trình của các đoàn tàu đang chạy trên tuyến. Trung tâm Điều hành vận tải đường sắt chủ động điều chỉnh để đảm bảo khôi phục nhanh nhất việc chạy tàu theo kế hoạch đã công bố.

8. Ngoài kế hoạch chạy tàu khách trong dịp Tết năm 2026 quy định tại văn bản này, cho phép Công ty CP Vận tải đường sắt sử dụng hành trình, ga đỗ đón trả khách của tàu khách Thống Nhất, tàu khách Khu đoạn tăng cường ngừng chạy để tổ chức chạy tàu khách Khu đoạn có khoảng cách ngắn hơn khi có nhu cầu nhưng phải trả ram xe theo đúng kế hoạch. Thời gian, nội dung, địa điểm tác nghiệp kỹ thuật đoàn tàu này tại 02 đầu ga khu đoạn và các ga dọc đường được thực hiện như quy định đối với tàu khách Thống Nhất, tàu khách Khu đoạn tăng cường khi sử dụng hành trình. Công ty CP Vận tải đường sắt căn cứ QCVN 08:2018/BGTVT, QTKCTX năm 2008 và các văn bản hiện hành để quy định thời gian, địa điểm, nội dung tác nghiệp kỹ thuật toa xe; Cử Nhân viên khám chữa toa xe tác nghiệp kỹ thuật tại ga lập tàu khi ga không có bố trí Trạm KCTX; Thông báo bằng văn bản đến các đơn vị liên quan biết phối hợp thực hiện.

9. Trong trường hợp để phục vụ nhu cầu vận chuyển hành khách đột xuất, cần tổ chức chạy thêm các đoàn tàu khách không có quy định trong kế hoạch chạy tàu này. Các công ty vận tải đường sắt phải đề xuất cụ thể hành trình; thành phần đoàn tàu; ga dừng đỗ đón, trả khách trên cơ sở cân đối kế hoạch chạy tàu phù hợp với năng lực thông qua của từng khu đoạn và trao đổi thống nhất với các đơn vị liên quan. Đồng thời gửi đề xuất bằng văn bản chậm nhất 07 ngày trước ngày dự kiến thực hiện về Tổng công ty Đường sắt Việt Nam để xem xét quyết định.

10. Trong thời gian cao điểm chạy tàu phục vụ vận tải dịp Tết năm 2026 trên tuyến đường sắt Hà Nội – TP.Hồ Chí Minh tổ chức chạy nhiều đoàn tàu phục vụ vận chuyển hành khách nên mật độ chạy tàu rất cao. **Từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 08/3/2026**, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam không bố trí thi công, sửa chữa lớn cầu, đường, hầm (trừ trường hợp uy hiếp đến an toàn chạy tàu).

11. Để phục vụ CBCNV khu vực đèo Hải Vân lên, xuống ban và cung cấp nhu yếu phẩm hằng ngày. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đã bố trí hành trình tàu SE9, SE10 dừng đỗ các ga khu vực đèo.

*** Lưu ý:** Trung tâm Điều hành vận tải đường sắt chỉ đạo Phòng Điều hành vận tải Đà Nẵng tổ chức cấp cảnh báo cho Trưởng tàu, Lái tàu của tàu SE9, SE10 trong 05 ngày đầu biết để thực hiện.

12. Hành trình các đoàn tàu khách chạy tăng cường và hành trình điều chỉnh quy định trong văn bản này áp dụng đối với các tàu xuất phát **kể từ 00 giờ 00 phút ngày 03/02/2026 đến hết ngày 08/3/2026**.

13. Các nội dung ngày bán vé, công tác bán vé, phục vụ hành khách, thông tin quảng bá,... quy định tại Chỉ thị chạy tàu Tết năm 2026 (có văn bản triển khai riêng).

IV. Tổ chức thực hiện

1. Ban Đầu máy Toa xe:

1.1. Căn cứ kế hoạch chạy tàu này, xây dựng kế hoạch vận dụng đầu máy kéo tàu khách Thống Nhất, tàu khách Khu đoạn theo nguyên tắc bố trí đầu máy có chất

lượng tốt kéo tàu; tổ chức quay chung đầu máy kéo tàu khách với tàu hàng tại các khu vực cho phù hợp, hiệu quả.

1.2. Chỉ đạo các Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy: Hà Nội, Vinh, Sài Gòn cung cấp đủ số lượng đầu máy kéo tàu, đầu máy dồn tại các ga lập tàu, đầu máy phụ đẩy khu vực đèo (Khe Nét, Hải Vân), đầu máy trực dự phòng tại các khu vực đảm bảo hiệu quả để thực hiện tốt kế hoạch chạy tàu; Cung cấp nhiên liệu cho các toa xe CV-ĐĐ tàu khách trong dịp phục vụ vận tải Tết năm 2026 khi có đề nghị của các công ty vận tải đường sắt.

1.3. Chủ trì hướng dẫn các đơn vị liên quan nội dung tác nghiệp kỹ thuật chỉnh bị đối với ram xe quay vòng nhanh tại ga Hà Nội, Vinh, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Nha Trang, Sài Gòn.

2. Ban Vận tải:

2.1. Thường trực giải quyết các vướng mắc liên quan đến thực hiện kế hoạch chạy tàu dịp Tết năm 2026.

2.2. Đôn đốc thực hiện kế hoạch chạy tàu theo thứ tự ưu tiên; phân tích chấn chỉnh kịp thời các vụ việc vi phạm các quy định trong việc thực hiện BĐCT để nâng cao tỷ lệ tàu đi, đến đúng giờ; Tổng hợp, tham mưu việc khen thưởng và xử lý trong công tác thực hiện BĐCT theo quy định.

3. Ban Quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt:

3.1. Phối hợp với các Ban Quản lý dự án – Bộ Xây dựng, đơn vị liên quan đôn đốc đơn vị đang thi công trên tuyến đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh khẩn trương thi công trả đúng tốc độ cầu đường cho phép trước ngày 02/02/2026 để đảm bảo tỷ lệ tàu đi, đến đúng giờ.

3.2. Phối hợp với Ban An ninh – An toàn giao thông đường sắt và các đơn vị liên quan trong công tác tổ chức cảnh giới đường ngang tại địa điểm có khả năng nguy cơ cao gây mất an toàn chạy tàu.

3.3. Chỉ đạo các đơn vị quản lý bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện công tác bảo trì đảm bảo duy trì trạng thái cầu đường đúng Công lệnh Tải trọng, Công lệnh Tốc độ và các quy định của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; Công tác tuần, gác và đảm bảo an toàn trên hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt.

4. Ban An ninh – An toàn giao thông đường sắt:

4.1. Tham mưu chỉ đạo, kiểm tra, giám sát chức danh, đơn vị liên quan chấp hành nghiêm túc các quy định, quy trình tác nghiệp đối với công tác đảm bảo an toàn giao thông đường sắt, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ và phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại. Thực hiện công tác thống kê, báo cáo về các sự cố, tai nạn giao thông đường sắt trong dịp vận tải Tết năm 2026.

4.2. Chủ trì phối hợp với Ban Quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt, Đoàn Thanh niên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và các đơn vị liên quan trong công tác tổ chức cảnh giới đường ngang tại các địa điểm có nguy cơ cao gây mất an toàn trong suốt thời gian tổ chức thực hiện kế hoạch chạy tàu phục vụ vận tải dịp Tết năm 2026.

5. Ban Kế hoạch Kinh doanh:

5.1. Phối hợp chặt chẽ với các công ty vận tải đường sắt trong công tác tổ chức kinh doanh vận tải hành khách và hàng hóa.

5.2. Giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh vận tải của các đơn vị; tổ chức thực hiện công tác thống kê, kiểm đếm và báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vận tải dịp Tết năm 2026.

6. Ban Tổ chức Cán bộ:

6.1. Tham mưu điều động lao động giữa các đơn vị thuộc công ty mẹ để đảm bảo đội hình lên ban phục vụ kế hoạch vận tải Tết năm 2026.

6.2. Căn cứ quy định hiện hành hướng dẫn các đơn vị chi trả lương phụ cấp người lao động làm việc thêm giờ; chi trả thù lao để động viên khuyến khích tới người lao động làm việc trong các ngày nghỉ Tết. Đặc biệt đối với đội ngũ công nhân viên làm công tác kỹ thuật; Công nhân làm công tác chỉnh bị đầu máy và toa xe; Công nhân lái tàu do tận dụng quay vòng nhanh đầu máy tại các khu vực: Hà Nội, Vinh, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Nha Trang, Sài Gòn.

7. Văn phòng Tổng công ty:

7.1. Phối hợp với các công ty vận tải đường sắt để làm công tác truyền thông, tuyên truyền phục vụ công tác bán vé tàu để hành khách dễ dàng tiếp cận và mua vé.

7.2. Phối hợp với Ban Vận tải tổng hợp danh sách, tham mưu hình thức khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác vận tải Tết năm 2026.

8. Công ty CP Vận tải đường sắt và Công ty Ratraco:

8.1. Tăng cường thông tin nội dung kế hoạch chạy tàu phục vụ Tết năm 2026 trên các phương tiện, nền tảng truyền thông; Thống nhất, quyết định giá vé các đoàn tàu khách theo đúng quy định của Pháp luật; Ban hành văn bản hướng dẫn đến các đơn vị liên quan để triển khai thực hiện và thông báo cho hành khách đi tàu được biết.

8.2. Thành lập Ban chỉ đạo Tết để thực hiện công tác kiểm tra, đôn đốc và phối hợp tốt với các Chi nhánh Khai thác đường sắt, đơn vị liên quan thực hiện tốt kế hoạch chạy tàu này; Báo cáo kịp thời những phát sinh cần giải quyết về Ban chỉ đạo Tết của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (qua Ban Vận tải); Căn cứ nhiệm vụ được phân công chỉ đạo các đơn vị cử cán bộ chốt trực tại ga, khu vực có mật độ hành khách cao để giải quyết tình huống phát sinh, không để ùn tắc hành khách tại các ga.

8.3. Đưa toàn bộ toa xe khách đủ tiêu chuẩn kỹ thuật chạy tàu, phục vụ hành khách ra vận dụng. Ngoài số toa xe của các đôi tàu quy định trong kế hoạch chạy tàu này phải có một số toa xe dự trữ thay thế khi toa xe trong đoàn tàu đang chạy bị hỏng đột xuất; Căn cứ nhu cầu vận chuyển hành lý trước và sau Tết có kế hoạch dự trữ một số xe GG đủ tiêu chuẩn kỹ thuật nối tàu khách tại một số ga: Hà Nội, Vinh, Đồng Hới, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Diêu Trì, Nha Trang, Sài Gòn để phục vụ vận chuyển hành lý của hành khách.

8.4. Do việc hạn chế năng lực tại ga lập tàu và khu vực chỉnh bị. Đặc biệt trong thời điểm quay chung, quay vòng nhanh ram xe giữa các tàu SE1/SE2 với SE5/SE6, tàu SE3/SE4 với SE7/SE8 và SE11/SE12 ga tại Hà Nội, Sài Gòn; tàu SE36 với NA1

tại ga Hà Nội; tàu SE35 với NA2, tàu SE14/SE13 và tàu SE15/SE16 tại Vinh; tàu SE22/SE21 tại ga Đà Nẵng; tàu SE26/SE25 tại ga Quảng Ngãi; tàu SNT1/SNT2 và 7501/SNT12 (giai đoạn trước kỳ nghỉ Tết), tàu SNT1/SNT2 và 7502/SNT11 (giai đoạn sau kỳ nghỉ Tết) tại ga Nha Trang, Sài Gòn có thời gian tác nghiệp kỹ thuật ngắn. Công ty CP Vận tải đường sắt phải xây dựng phương án chỉnh bị triệt để các ram xe. Tăng cường nhân lực, vật tư, thiết bị để tổ chức chỉnh bị các ram xe được thuận lợi, an toàn suốt hành trình đi và về.

8.5. Căn cứ nhu cầu đi lại của hành khách để thống nhất kế hoạch nối thêm xe; xây dựng phương án bán vé cuốn chiếu theo toa, theo tàu; điều chỉnh thành phần, phương án vé của các đoàn tàu và tổ chức bán vé phục vụ hành khách.

8.6. Căn cứ tình hình chạy tàu thực tế để xây dựng kế hoạch sử dụng Ram xe, gá gửi Ram xe khách đình lưu; Phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch kéo xe lập tàu, cắt nối xe đảm bảo các ga có đủ đường đón tàu. Đặc biệt tại các ga Yên Viên, Gia Lâm, Giáp Bát, Vinh, Đồng Hới, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Diêu Trì, Nha Trang, Sóng Thần, Dĩ An, Sài Gòn.

8.7. Thường xuyên theo dõi nhu cầu đi lại của hành khách, kịp thời đề xuất Tổng công ty Đường sắt Việt Nam điều chỉnh kế hoạch chạy tàu (tổ chức chạy thêm hoặc bãi bỏ tàu; tổ chức chạy sớm hoặc muộn so với kế hoạch) tại từng thời điểm cho phù hợp, hiệu quả.

8.8. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với Trung tâm Điều hành vận tải đường sắt thường xuyên cập nhật dự kiến giờ khách tàu đi, đến các ga để tăng cường phát thanh, thông tin trên hệ thống bán vé điện tử và thông tin đến hành khách; giờ tàu hàng về đến ga cuối để thông báo cho khách hàng được biết.

9. Trung tâm Điều hành vận tải đường sắt:

9.1. Căn cứ tình hình chạy tàu thực tế, năng lực thông qua trên toàn tuyến để phối hợp với các công ty vận tải đường sắt và đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch chạy tàu hằng ngày cho phù hợp, hiệu quả.

9.2. Tổ chức chạy tàu và nhường tránh giữa các tàu cho phù hợp, đảm bảo an toàn, hiệu quả, đúng giờ; Thông báo kế hoạch chạy tàu cho Ban lái máy kéo tàu hàng biết bố trí thời gian nghỉ ngơi tại chỗ khi phải dừng đỗ lâu tại các ga dọc đường để tránh vượt tàu; Dự kiến cụ thể giờ tàu khách đến ga cho Trục ban chạy tàu ga để kịp thời thông báo cho hành khách đi tàu.

9.3. Phối hợp với các Chi nhánh Khai thác, công ty vận tải đường sắt căn cứ tình hình thực tế bố trí gá gửi toa xe, kéo xe, lập tàu cho phù hợp đảm bảo an toàn và có đủ đường đón tàu tại các ga; các Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy để vận dụng đầu máy kéo tàu, đầu máy dòn tại các ga lập tàu, đầu máy phụ đẩy khu vực đèo (Khe Nét, Hải Vân), đầu máy trực dự phòng tại các khu vực đảm bảo hiệu quả và thực hiện tốt kế hoạch chạy tàu Tết năm 2026.

10. Các Chi nhánh Khai thác đường sắt chỉ đạo các ga:

10.1. Xây dựng Biểu tác nghiệp kỹ thuật ga, chủ động đề xuất với các công ty vận tải đường sắt và Trung tâm Điều hành vận tải đường sắt phương án gá gửi các ram xe khách đình lưu, sơ tán toa xe không vận dụng, toa xe hỏng để đảm bảo có đủ đường lập

tàu, đón tàu theo kế hoạch. Đặc biệt tại các ga Yên Viên, Gia Lâm, Giáp Bát, Vinh, Đồng Hới, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Diêu Trì, Nha Trang, Sóng Thần, Dĩ An, Sài Gòn.

10.2. Phối hợp chặt chẽ với các Chi nhánh, Trạm Vận tải đường sắt trong việc hướng dẫn, hỗ trợ hành khách nhằm đảm bảo thời gian tác nghiệp, tránh chậm tàu.

10.3. Thường xuyên liên hệ với Nhân viên Điều độ chạy tàu tuyến cập nhật giờ tàu đến ga để phát thanh thông báo cho hành khách đi tàu biết.

10.4. Thông báo giờ tàu đến chính quyền các địa phương có đường sắt đi qua để phối hợp trong công tác đảm bảo an toàn giao thông đường sắt.

11. Các Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy:

11.1. Cung cấp đủ số lượng đầu máy đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật tốt để kéo tàu, đầu máy dôn tại các ga lập tàu, đầu máy phụ đẩy khu vực đèo (Khe Nét, Hải Vân), đầu máy trực dự phòng tại các khu vực; Cung cấp nhiên liệu cho toa xe CV-ĐĐ đoàn tàu khách trong dịp phục vụ vận tải Tết năm 2026 khi có đề nghị của các công ty vận tải đường sắt.

11.2. Chỉ đạo các Ban lái tàu căn cứ vào tốc độ cho phép của đường, cầu, hầm, đầu máy, toa xe và các quy định hiện hành phân phối thời gian chạy giữa các khu gian, chủ động phát huy sức kéo của đầu máy để điều khiển đoàn tàu đảm bảo hành trình của đoàn tàu tại các cung chặng và giờ tàu đến, đi tại các ga tác nghiệp hành khách đúng giờ; Khi tàu chậm giờ lái tàu phải bám sát tốc độ cầu đường cho phép (**cột Tcf**) quy định tại văn bản này và các văn bản hạn chế tốc độ hiện hành để chạy tàu khôi phục hành trình trong thời gian sớm nhất; Thường xuyên theo dõi, ghi lại những yếu tố bất thường (các điểm xóc lắc, các chướng ngại vi phạm khổ giới hạn,...) vào báo cáo hành trình và kịp thời thông báo cho các đơn vị liên quan để phối hợp chỉ đạo, đảm bảo an toàn chạy tàu.

12. Các Công ty CP Thông tin Tín hiệu đường sắt tăng cường các biện pháp kiểm tra, giám sát các đường ngang lắp đặt thiết bị cảnh báo tự động, đường ngang lắp đặt thiết bị cản chắn tự động để kịp thời khắc phục các sự cố phát sinh, đảm bảo an toàn chạy tàu.

13. Các Công ty CP đường sắt cử người trực chốt tại các vị trí xung yếu, lối đi tự mở tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn chạy tàu; Cử cán bộ thường xuyên kiểm tra, giám sát tại các đường ngang có mật độ phương tiện đường bộ tham gia giao thông cao để đảm bảo chạy tàu an toàn; Kịp thời hỗ trợ chính quyền địa phương khẩn trương giải tỏa ùn tắc giao thông đường bộ tại khu vực đường ngang mỗi khi có tàu chạy qua.

14. Đề nghị Công ty TNHH Vận tải đường sắt và Du lịch Jinxin Việt Nam

14.1. Phối hợp với Công ty CP Vận tải đường sắt triển khai phương án bán vé trên hệ thống bán vé điện tử theo kế hoạch chạy tàu này; Chính bị Ram xe, chuẩn bị đầy đủ nhân lực để tổ chức chạy tàu theo kế hoạch.

14.2. Cử người làm đầu mối để phối hợp với Trung tâm Điều hành vận tải đường sắt và các đơn vị liên quan tổ chức lập tàu, chạy tàu cho phù hợp, hiệu quả.

15. Kế hoạch tiếp chuyển kế hoạch chạy tàu phục vụ vận tải dịp Tết năm 2026 trên tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh quy định tại văn bản này có văn bản riêng triển khai cụ thể sau.

16. Kế hoạch chạy tàu này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các đơn vị tổ chức triển khai học tập kế hoạch chạy tàu đến các chức danh liên quan để thực hiện tốt kế hoạch, đảm bảo hiệu quả và an toàn mọi mặt. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo bằng văn bản về Tổng công ty Đường sắt Việt Nam để xem xét giải quyết.

Nhận được văn bản, các đơn vị nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Cục Đường sắt Việt Nam (để b/c);
- Cục Cảnh sát giao thông;
- Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên Tổng công ty;
- Hội đồng thành viên (để b/c);
- Các Phó Tổng giám đốc (để chỉ đạo);
- Đảng ủy, Công đoàn Khối Điều hành Tổng công ty;
- Văn phòng và các Ban Tổng công ty;
- Trung tâm Điều hành vận tải đường sắt;
- Các Công ty CP đường sắt;
- Các Công ty CP Thông tin tín hiệu đường sắt;
- Các Chi nhánh Khai thác đường sắt;
- Các Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy;
- Công ty CP Vận tải đường sắt;
- Công ty CP Vận tải & Thương mại đường sắt;
- Công ty TNHH Vận tải đường sắt và Du lịch Jinxin Việt Nam;
- Công ty CP Phần mềm Thăng Long (để p/h);
- Lưu: VT, VT (02 bản).

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Gia Khánh

PHỤ LỤC:
BẢNG GIỜ TÀU; THỜI GIAN CHẠY KỸ THUẬT KHU GIAN (Tcf) TÀU HÀNG
TRÊN TUYẾN HÀ NỘI – TP. HỒ CHÍ MINH
(Kèm theo Văn bản số: /KH-ĐS ngày tháng 9 năm 2025)

PHỤ LỤC I: BẢNG GIỜ

I. Tàu khách Thống Nhất

1. Tàu khách Thống Nhất số lẻ:

1.1. Các tàu SE1, SE3, SE5, SE7, SE9:

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE1 | SE3 | SE5 | SE7 | SE9 |
|----------------|------------------|-----|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------------------------|
| 00+000 | HÀ NỘI | | 22:10 | 19:20 | 8:45 | 6:10 | 13:00 |
| 05+180 | GIÁP BÁT | 11 | 22:22 | 19:32 | 8:57 | 6:22 | 13:12 |
| 08+930 | VĂN ĐIỀN | 4 | 22:27 | 19:37 | 9:02 | 6:27 | 13:17 |
| 17+400 | THƯỜNG TÍN | 8 | 22:35 | 19:45 | 9:10 | 6:35 | 13:25 |
| 25+500 | CHỢ TÍA | 7 | 22:42 | 19:52 | 9:17 | 6:42 | 13:32 |
| 33+340 | PHÚ XUYÊN | 7 | 22:49 | 20:00 | 9:25 | 6:50 | 13:39 |
| 44+670* | ĐÔNG VĂN | 9 | 22:58 | 20:10 | 9:34 | 7:00 | 13:48 |
| 55+860* | PHỦ LÝ | 9 | 23:09 23:12 | 20:22 20:25 | 09:45 09:48 | 07:12 07:15 | 13:59 14:02 |
| 66+540 | BÌNH LỤC | 11 | 23:24 | 20:37 | 10:00 | 7:27 | 14:14 |
| 72+910 | CẦU HỘ | 5 | 23:30 | 20:43 | 10:06 | 7:33 | 14:20 |
| 81+00 | ĐẶNG XÁ | 6 | 23:37 | 20:50 | 10:13 | 7:40 | 14:27 |
| 86+760 | NAM ĐỊNH | 6 | 23:45 23:48 | 20:58 21:01 | 10:21 10:24 | 07:48 07:51 | 14:35 14:39/SE8 |
| 93+315 | TRÌNH XUYỀN | 6 | 23:56 | 21:09 | 10:32 | 7:59 | 14:47 |
| 100+800 | NÚI GÔI | 7 | 0:03 | 21:16 | 10:39 | 8:06 | 14:54 |
| 107+620 | CÁT ĐĂNG | 7 | 0:10 | 21:23 | 10:46 | 8:13 | 15:01 |
| 115+775 | NINH BÌNH | 8 | 00:20 00:23 | 21:34 21:37 | 10:56 10:59 | 08:24 08:27 | 15:11 15:14 |
| 120+320 | CẦU YÊN | 4 | 0:29 | 21:44 | 11:06 | 8:34 | 15:20 |
| 125+040 | GHÈNH | 5 | 0:34 | 21:49 | 11:11 | 8:39 | 15:25 |
| 133+740 | ĐỒNG GIAO | 9 | 0:44 | 21:59 | 11:21 | 8:49 | 15:35 |
| 141+500 | BỈM SƠN | 7 | 0:51 | 22:07 | 11:30 11:33 | 08:59 09:02 | 15:44 15:47 |
| 152+300 | ĐỒ LÈN | 9 | 1:01 | 22:17 | 11:45 | 9:14 | 15:59 |
| 161+00 | NGHĨA TRANG | 7 | 1:09 | 22:25 | 11:53 | 9:22 | 16:07 |
| 175+230 | THANH HOÁ | 13 | 01:24 01:28/SE3 | 22:40 22:43 | 12:08 12:11 | 09:37 09:40 | 16:22 16:27/SE36 |
| 187+870* | YÊN THÁI | 10 | 1:41 | 22:57 | 12:25 | 9:54 | 16:41 |
| 196+900 | MINH KHÔI | 7 | 1:49 | 23:05 | 12:35 12:38 | 10:02 | 16:50 16:53 |
| 207+00 | THỊ LONG | 8 | 1:57 | 23:13 | 12:48 | 10:10 | 17:03 |
| 219+00 | VĂN TRAI | 9 | 2:06 | 23:23 | 12:58 | 10:20 | 17:13 |
| 228+950 | KHOA TRƯỜNG | 7 | 2:14 | 23:31 | 13:06 | 10:28 | 17:21 |
| 237+790 | TRƯỜNG LÂM | 8 | 2:22 | 23:40 | 13:15 | 10:37 | 17:30 |
| 245+440 | HOÀNG MAI | 6 | 2:29 | 23:47 | 13:22 | 10:44 | 17:37 |
| 260+960 | CẦU GIÁT | 13 | 2:42 | 0:01 | 13:38 | 10:58 | 17:51 |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE1 | SE3 | SE5 | SE7 | SE9 |
|-----------------|------------------|-----|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| 271+600 | YÊN LÝ | 9 | 2:52 | 0:11 | 13:48 | 11:08 | 18:01 |
| 279+00 | CHỢ SY | 7 | 2:59 | 0:19 | 13:58 14:01 | 11:17 11:20 | 18:10 18:13 |
| 291+610 | MỸ LÝ | 10 | 3:10 | 0:30 | 14:14 | 11:33 | 18:25 |
| 308+210 | QUÁN HÀNH | 15 | 3:25 | 0:45 | 14:29 | 11:48 | 18:40 |
| 319+020 | VINH | 10 | 03:36 03:43 | 00:56 01:03 | 14:39 14:46 | 11:58 12:05 | 18:50 18:57 |
| 329+950 | YÊN XUÂN | 11 | 3:55 | 1:15 | 14:57 | 12:17 | 19:09 |
| 340+130 | YÊN TRUNG | 9 | 4:04 | 1:24 | 15:07 15:10 | 12:27 12:30 | 19:19 19:22 |
| 344+750 | ĐỨC LẠC | 5 | 4:09 | 1:29 | 15:17 | 12:37 | 19:29 |
| 351+496 | YÊN DUỆ | 6 | 4:15 | 1:36 | 15:24 | 12:44 | 19:36 |
| 358+000* | HOÀ DUYỆT | 7 | 4:22 | 1:44 | 15:32 | 12:52 | 19:44 |
| 369+620 | THANH LUYỆN | 15 | 4:37 | 2:00 | 15:47 | 13:07 | 19:59 |
| 380+620 | CHU LỄ | 10 | 4:47 | 2:12 | 15:58 | 13:18 | 20:10 |
| 386+180 | HƯƠNG PHỐ | 5 | 04:55 04:58 | 2:20 | 16:06 16:09 | 13:25 13:28 | 20:18 20:21 |
| 396+180 | PHÚC TRẠCH | 8 | 5:08 | 2:28 | 16:19 | 13:38 | 20:31 |
| 404+350 | LA KHÊ | 7 | 5:15 | 2:36 | 16:27 | 13:46 | 20:41 20:47/SE4 |
| 408+670 | TÂN ÁP | 5 | 5:20 | 2:41 | 16:32 | 13:51 | 20:54 |
| 414+930* | ĐỒNG CHUỐI | 7 | 5:28 | 2:49 | 16:40 | 13:59 | 21:02 |
| 425+950* | KIM LŨ | 17 | 5:46 | 3:07 | 16:58 | 14:17 | 21:20 |
| 436+330 | ĐỒNG LÊ | 11 | 5:57 | 3:18 | 17:10 17:13 | 14:29 14:32 | 21:33 21:41/SE2 |
| 449+570 | NGỌC LÂM | 13 | 6:11 | 3:32 | 17:29 | 14:48 | 21:57 |
| 458+550 | LẠC SƠN | 10 | 6:22 | 3:43 | 17:40 | 14:59 | 22:08 |
| 467+101 | LỆ SƠN | 9 | 6:32 | 3:53 | 17:50 | 15:09 | 22:18 |
| 481+810 | MINH LỆ | 14 | 6:46 | 4:07 | 18:04 | 15:25 15:28 | 22:32 |
| 488+820 | NGÂN SƠN | 7 | 6:53 | 4:15 | 18:12 | 15:38 | 22:40 |
| 498+700 | THỌ LỘC | 12 | 7:05 | 4:27 | 18:24 | 15:50 | 22:52 |
| 507+600 | HOÀN LÃO | 8 | 7:13 | 4:36 | 18:33 | 15:59 | 23:01 |
| 510+700 | PHÚC TỰ | 3 | 7:17 | 4:40 | 18:39 18:44/SE4 | 16:03 | 23:05 |
| 521+800* | ĐỒNG HỚI | 10 | 07:30 07:42 | 04:51 05:03 | 18:57 19:09 | 16:15 16:27 | 23:16 23:28 |
| 529+040 | LỆ KỶ | 9 | 7:55 | 5:12 | 19:19 | 16:37 | 23:37 |
| 539+150 | LONG ĐẠI | 8 | 8:04 | 5:21 | 19:30 19:36/SE2 | 16:46 | 23:46 |
| 550+890 | MỸ ĐỨC | 12 | 8:16 | 5:33 | 19:50 | 16:59 17:02 | 23:58 |
| 558+890* | PHÚ HOÀ | 7 | 8:23 | 5:41 | 19:58 | 17:11 | 0:06 |
| 565+070 | MỸ TRẠCH | 6 | 8:29 | 5:47 | 20:04 | 17:17 | 0:12 |
| 572+160 | THƯỢNG LÂM | 6 | 8:36 | 5:54 | 20:11 | 17:24 | 0:19 |
| 587+680 | SA LUNG | 13 | 8:49 | 6:07 | 20:24 | 17:37 | 0:32 |
| 598+870 | TIÊN AN | 10 | 8:59 | 6:18 | 20:35 | 17:48 | 0:43 |
| 609+640 | HÀ THANH | 10 | 9:09 | 6:29 | 20:46 | 17:59 | 0:54 |
| 622+181* | ĐÔNG HÀ | 11 | 09:21 09:24 | 06:41 06:44 | 20:59 21:02 | 18:12 18:16/SE2 | 01:06 01:09 |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE1 | SE3 | SE5 | SE7 | SE9 |
|-----------------|--------------------|-----|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| 633+900 | QUẢNG TRỊ | 10 | 9:37 | 6:56 | 21:15 | 18:28 | 1:22 |
| 642+660 | DIÊN SANH | 8 | 9:45 | 7:04 | 21:23 | 18:36 | 1:30 |
| 651+670 | MỸ CHÁNH | 8 | 9:54 | 7:13 | 21:32 | 18:45 | 1:39 |
| 659+760 | PHỒ TRẠCH | 8 | 10:02 | 7:22 | 21:41 | 18:54 | 1:48 |
| 669+760 | HIỀN SỸ | 8 | 10:12 | 7:32 | 21:51 | 19:04 | 1:58 |
| 678+140* | VĂN XÁ | 8 | 10:21 | 7:42 | 22:01 | 19:14 | 02:10 02:16/SE8 |
| 688+320* | HUẾ | 12 | 10:34 10:39 | 07:54 07:59 | 22:14 22:19 | 19:26 19:31 | 02:31 02:36 |
| 698+700 | HƯƠNG THUY | 12 | 10:52 | 8:12 | 22:32 | 19:43 | 2:49 |
| 715+280 | TRUỒI | 14 | 11:06 | 8:27 | 22:47 | 19:58 | 3:04 |
| 729+400 | CẦU HAI | 13 | 11:20 | 8:41 | 23:01 | 20:12 | 3:18 |
| 741+620* | THỪA LƯU | 12 | 11:32 | 8:54 | 23:14 | 20:25 | 03:33 03:56/SE6 |
| 755+410 | LĂNG CÔ | 22 | 11:54 | 9:16 | 23:36 | 20:47 | 04:19 04:24/SE12 |
| 760+680 | <i>HẢI VÂN BẮC</i> | 13 | 12:08 | 9:30 | 23:50 | 21:01 | 04:38 04:39 |
| 766+790 | <i>HẢI VÂN</i> | 13 | 12:23 12:24 | 09:45 09:46 | 00:05 00:11/SE8 | 21:16 21:17 | 04:54 04:55 |
| 771+550 | HẢI VÂN NAM | 12 | 12:37 | 9:59 | 0:26 | 21:30 | 05:08 05:09 |
| 776+880 | KIM LIÊN | 12 | 12:50 | 10:12 | 0:39 | 21:43 | 05:22 05:23 |
| 788+300 | THANH KHÊ | 11 | 13:02 | 10:24 | 0:51 | 21:55 | 5:35 |
| 791+400 | ĐÀ NẴNG | 4 | 13:07 13:22 | 10:30 10:45 | 00:57 01:12 | 22:00 22:15 | 05:40 05:55 |
| 792+700 | THANH KHÊ | 6 | 13:29 | 10:52 | 1:19 | 22:22 | 6:02 |
| 804+110 | LỆ TRẠCH | 15 | 13:45 | 11:08 | 01:37 01:42/SE6 | 22:39 22:45/SE8 | 6:18 |
| 813+630 | NÔNG SƠN | 8 | 13:53 | 11:17 | 1:52 | 22:56 | 6:27 |
| 824+770 | TRÀ KIỆU | 9 | 14:03 | 11:27 | 2:02 | 23:06 | 06:38 06:41 |
| 841+740 | PHÚ CANG | 13 | 14:17 | 11:41 | 2:16 | 23:20 | 6:57 |
| 857+100 | AN MỸ | 12 | 14:29 | 11:54 | 2:29 | 23:33 | 07:11 07:16/SE10 |
| 864+670* | TAM KỲ | 7 | 14:39 14:42 | 12:03 12:06 | 2:37 | 23:43 23:46 | 07:27 07:30 |
| 879+450 | DIÊM PHỒ | 14 | 14:58 | 12:24 12:30/SE2 | 2:51 | 0:02 | 7:46 |
| 890+420 | NÚI THÀNH | 11 | 15:10 | 12:44 | 3:03 | 0:14 | 07:59 08:02 |
| 901+050 | TRỊ BÌNH | 8 | 15:19 | 12:53 | 03:13 03:18/SE22 | 0:23 | 8:13 |
| 909+050 | BÌNH SƠN | 8 | 15:28 | 13:02 | 3:28 | 0:32 | 8:22 |
| 919+520 | ĐẠI LỘC | 8 | 15:37 | 13:12 | 3:38 | 0:42 | 8:32 |
| 927+930 | QUẢNG NGÃI | 9 | 15:47 15:52 | 13:23 13:28 | 03:48 03:53 | 00:52 00:57 | 08:43 08:48 |
| 940+420 | HOÀ VINH TÂY | 14 | 16:07 | 13:43 | 4:07 | 1:11 | 09:05 09:22/SE4 |
| 948+900 | MỘ ĐỨC | 9 | 16:16 | 13:55 | 4:17 | 1:20 | 9:34 |
| 958+700 | THẠCH TRỤ | 8 | 16:25 | 14:05 | 4:27 | 1:30 | 9:44 |
| 967+680 | ĐỨC PHỒ | 8 | 16:34 | 14:14 | 4:36 | 1:39 | 09:55 09:58 |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE1 | SE3 | SE5 | SE7 | SE9 |
|------------------|------------------|-----|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| 977+100 | THUY THẠCH | 9 | 16:43 | 14:24 | 4:46 | 1:48 | 10:10 |
| 990+820 | SA HUỖNH | 12 | 16:56 | 14:37 | 4:59 | 2:01 | 10:25 10:32/SE2 |
| 1004+270 | TAM QUAN | 11 | 17:08 | 14:50 | 5:12 | 2:14 | 10:46 |
| 1017+100 | BÔNG SƠN | 11 | 17:19 | 15:01 | 5:23 | 2:26 | 10:58 11:01 |
| 1032+750 | VẠN PHÚ | 17 | 17:36 | 15:18 | 5:40 | 2:43 | 11:19 |
| 1049+360 | PHÙ MỸ | 14 | 17:51 | 15:33 | 5:55 | 2:58 | 11:34 |
| 1060+290 | KHÁNH PHƯỚC | 8 | 18:00 | 15:43 | 6:05 | 3:09 | 11:46 11:59/SE16 |
| 1070+860 | PHÙ CÁT | 9 | 18:10 | 15:53 | 6:15 | 3:20 | 12:10 |
| 1084+610 | BÌNH ĐỊNH | 10 | 18:21 | 16:05 | 6:27 | 3:32 | 12:22 |
| 1095+540 | DIÊU TRÌ | 10 | 18:33 18:45 | 16:16 16:28 | 06:38 06:50 | 03:45 03:57 | 12:33 12:45 |
| 1110+800 | TÂN VINH | 14 | 19:01 | 16:44 | 7:05 | 4:13 | 13:01 |
| 1123+390 | VÂN CANH | 10 | 19:12 | 16:58 17:07/SE8 | 7:17 | 4:25 | 13:13 |
| 1139+390 | PHƯỚC LÃNH | 13 | 19:26 | 17:23 | 7:31 | 4:39 | 13:27 |
| 1154+370 | LA HAI | 13 | 19:39 | 17:38 | 07:46 07:52/SE2 | 4:52 | 13:40 |
| 1170+391 | CHÍ THẠNH | 17 | 19:57 | 17:56 | 8:12 | 05:12 05:24/SE4 | 13:58 |
| 1183+900 | HOÀ ĐA | 14 | 20:11 | 18:12 | 8:26 | 5:40 | 14:12 |
| 1197+520 | TUY HOÀ | 12 | 20:25 20:28 | 18:26 18:29 | 08:40 08:43 | 05:53 05:58/SE24 | 14:25 14:28 |
| 1202+050 | ĐÔNG TÁC | 4 | 20:34 | 18:36 | 8:50 | 6:05 | 14:34 |
| 1210+830 | PHÚ HIỆP | 7 | 20:42 | 18:44 | 09:00 09:10/SE16 | 6:13 | 14:42 |
| 1220+140* | HẢO SƠN | 8 | 20:51 | 18:53 | 9:21 | 06:24 06:39/SE2 | 14:51 |
| 1232+200 | ĐẠI LÃNH | 14 | 21:06 | 19:08 | 9:36 | 6:55 | 15:08 15:14/SE8 |
| 1241+990 | TU BÔNG | 8 | 21:15 | 19:17 | 9:45 | 7:04 | 15:25 |
| 1254+050 | GIÃ | 10 | 21:25 | 19:27 | 9:55 | 7:14 | 15:37 15:40 |
| 1269+500 | HOÀ HUỖNH | 12 | 21:38 | 19:40 | 10:08 | 7:27 | 15:55 |
| 1280+560 | NINH HOÀ | 11 | 21:49 | 19:51 | 10:19 | 7:38 | 16:08 16:22/SE12 |
| 1287+300 | PHONG THẠNH | 6 | 21:56 | 20:00 | 10:26 | 7:45 | 16:31 |
| 1302+880A | LƯƠNG SƠN | 13 | 22:10 | 20:14 | 10:40 | 7:59 | 16:47 16:55/SE6 |
| 1314+930A | NHA TRANG | 13 | 22:25 22:32 | 20:28 20:35 | 10:55 11:02 | 08:13 08:20 | 17:11 17:18 |
| 1329+050 | CÂY CÀY | 16 | 22:51 | 20:54 | 11:21 | 8:39 | 17:37 |
| 1340+540 | HOÀ TÂN | 10 | 23:01 | 21:06 21:12/SE10 | 11:31 | 8:49 | 17:49 17:55/SE22 |
| 1351+350 | SUỐI CÁT | 10 | 23:12 | 21:25 | 11:42 | 9:00 | 18:08 |
| 1363+780 | NGÃ BA | 10 | 23:23 | 21:36 | 11:53 | 9:11 | 18:19 |
| 1371+842 | CAM THỊNH ĐÔNG | 9 | 23:32 | 21:45 | 12:02 | 9:20 | 18:28 |
| 1381+330 | KÀ RÔM | 9 | 23:41 | 21:55 | 12:14 12:19/SE8 | 9:30 | 18:38 |
| 1398+060 | PHƯỚC NHƠN | 13 | 23:55 | 22:09 | 12:34 | 9:44 | 18:52 |
| 1407+630 | THÁP CHÀM | 8 | 0:03 | 22:20 22:23 | 12:43 | 09:54 09:57 | 19:03 19:06 |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE1 | SE3 | SE5 | SE7 | SE9 |
|------------------|-------------------|-----|------------------------------|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| 1419+500 | HOÀ TRINH | 10 | 0:14 | 22:36 | 12:54 | 10:09 | 19:21 19:29/SE10 |
| 1436+310* | CÀ NÁ | 11 | 0:26 | 22:48 | 13:06 | 10:21 | 19:43 |
| 1446+012 | VĨNH TÂN | 11 | 00:38 00:44/SE4 | 22:59 | 13:17 | 10:32 | 19:54 |
| 1454+690 | VĨNH HẢO | 8 | 0:55 | 23:08 | 13:26 | 10:41 | 20:03 |
| 1465+540 | SÔNG L. SÔNG | 9 | 1:04 | 23:18 | 13:36 | 10:52 10:58/SE8 | 20:13 |
| 1473+231 | PHONG PHÚ | 7 | 1:12 | 23:26 | 13:46 13:54/SE6 | 11:08 | 20:23 20:37/TN6 |
| 1484+490 | SÔNG MAO | 9 | 1:21 | 23:36 | 14:06 | 11:18 | 20:51 20:54 |
| 1493+690 | CHÂU HANH | 8 | 1:30 | 23:47 00:00/SE4 | 14:15 | 11:27 | 21:05 |
| 1506+100 | SÔNG LUYỄN | 10 | 01:43 01:58/SE2 | 0:17 | 14:30 | 11:39 | 21:17 |
| 1522+710 | LONG THANH | 13 | 2:13 | 0:32 | 14:45 | 11:56 12:05/SE12 | 21:32 |
| 1532+760 | MA LÂM | 7 | 2:22 | 0:41 | 14:54 | 12:16 | 21:43 21:52/SE30 |
| 1541+437 | HÀM LIÊM | 8 | 2:30 | 0:49 | 15:02 | 12:24 | 22:02 |
| 1551+150 | BÌNH THUẬN | 8 | 02:40 02:45 | 00:59 01:14/SE2 | 15:12 15:17 | 12:34 12:39 | 22:12 22:17 |
| 1559+114 | HÀM CƯỜNG TÂY | 8 | 2:55 | 1:26 | 15:27 | 12:49 | 22:27 |
| 1567+720 | SUỐI VẬN | 8 | 3:04 | 1:37 | 15:36 | 13:01 | 22:38 23:12/SE4;24 |
| 1582+860 | SÔNG PHAN | 16 | 3:20 | 1:54 | 15:52 | 13:17 | 23:33 |
| 1595+930 | SÔNG DINH | 13 | 3:34 | 2:09 | 16:06 | 13:31 | 23:49 23:58/SE16 |
| 1603+100 | SUỐI KIẾT | 6 | 3:41 | 2:18 | 16:14 | 13:39 | 00:10 00:21/SE2 |
| 1613+510 | GIA HUYNH | 9 | 3:51 | 2:30 | 16:25 | 13:50 | 00:36 00:43/SNT12 |
| 1619+900 | TRẦN TÁO | 6 | 3:58 | 2:38 | 16:32 | 13:57 | 0:52 |
| 1630+870 | GIA RAY | 9 | 4:08 | 2:49 | 16:42 | 14:07 | 1:02 |
| 1639+830 | BẢO CHÁNH | 8 | 4:16 | 2:59 | 16:51 | 14:16 | 1:11 |
| 1649+360* | LONG KHÁNH | 8 | 4:24 | 3:09 | 16:59 | 14:26 14:29 | 01:21 01:24 |
| 1661+320 | DẦU GIẦY | 15 | 4:40 | 3:26 | 17:16 | 14:48 | 1:43 |
| 1669+750 | TRUNG HÒA | 9 | 4:50 | 3:36 | 17:26 | 14:58 | 1:53 |
| 1677+510 | TRĂNG BOM | 10 | 5:00 | 3:46 | 17:36 | 15:08 | 2:03 |
| 1688+040 | HỒ NAI | 10 | 5:10 | 3:57 | 17:47 | 15:19 | 2:14 |
| 1697+480 | BIÊN HOÀ | 9 | 05:21 05:24 | 04:09 04:12 | 17:58 18:01 | 15:31 15:34 | 02:26 02:29 |
| 1706+710 | DĨ AN | 9 | 05:37 05:40 | 04:25 04:28 | 18:13 18:16 | 15:47 15:50 | 02:42 02:45 |
| 1710+560 | SÓNG THẦN | 4 | 5:47 | 4:35 | 18:25 18:30/SE30 | 15:57 | 2:53 |
| 1718+340 | BÌNH TRIỆU | 9 | 5:57 | 4:45 | 18:42 | 16:08 | 3:04 |
| 1722+130 | GÒ VẤP | 5 | 06:05 06:10/SE8 | 4:51 | 18:48 | 16:15 | 3:11 |
| 1726+200 | SÀI GÒN | 7 | 6:20 | 5:00 | 18:56 | 16:25 | 3:20 |

1.2. Các tàu SE11, SE23, TN3, TN5:

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE11 | SE23 | TN3 | TN5 |
|----------------|------------------|-----|------------------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------------------------|
| 00+000 | HÀ NỘI | | 8:00 | 20:20 | 10:25 | 14:45 |
| 05+180 | GIÁP BÁT | 11 | 8:12 | 20:32 | 10:37 | 14:57 |
| 08+930 | VĂN ĐIỀN | 4 | 8:17 | 20:37 | 10:42 | 15:02 |
| 17+400 | THƯỜNG TÍN | 8 | 8:25 | 20:45 | 10:50 | 15:10 |
| 25+500 | CHỢ TÍA | 7 | 8:32 | 20:52 | 10:57 | 15:17 |
| 33+340 | PHÚ XUYÊN | 7 | 8:40 | 21:00 | 11:05 | 15:27 15:36/SE8 |
| 44+670* | ĐỒNG VĂN | 9 | 8:50 | 21:10 | 11:15 | 15:47 |
| 55+860* | PHỦ LÝ | 9 | 09:02 09:05 | 21:22 21:25 | 11:27 11:30 | 15:58 16:01 |
| 66+540 | BÌNH LỤC | 11 | 9:17 | 21:37 | 11:42 | 16:13 |
| 72+910 | CẦU HỌ | 5 | 9:23 | 21:43 | 11:48 | 16:19 |
| 81+00 | ĐẶNG XÁ | 6 | 9:30 | 21:50 | 11:55 | 16:26 |
| 86+760 | NAM ĐỊNH | 6 | 09:38 09:41 | 21:58 22:01 | 12:03 12:06 | 16:34 16:37 |
| 93+315 | TRÌNH XUYÊN | 6 | 9:49 | 22:09 | 12:14 | 16:45 |
| 100+800 | NÚI GÔI | 7 | 9:56 | 22:16 | 12:21 | 16:52 |
| 107+620 | CÁT ĐĂNG | 7 | 10:03 | 22:23 | 12:28 | 17:01 17:06/SE6 |
| 115+775 | NINH BÌNH | 8 | 10:14 10:17 | 22:34 22:37 | 12:39 12:42 | 17:19 17:22 |
| 120+320 | CẦU YÊN | 4 | 10:24 | 22:44 | 12:49 | 17:31 17:36/SE36 |
| 125+040 | GHỀNH | 5 | 10:29 | 22:49 | 12:54 | 17:43 |
| 133+740 | ĐỒNG GIAO | 9 | 10:39 | 22:59 | 13:04 | 17:53 |
| 141+500 | BỈM SƠN | 7 | 10:47 | 23:07 | 13:14 13:20/SE8 | 18:02 18:06/SE12 |
| 152+300 | ĐỒ LÈN | 9 | 10:57 | 23:17 | 13:32 | 18:17 |
| 161+00 | NGHĨA TRANG | 7 | 11:05 | 23:25 | 13:40 | 18:25 |
| 175+230 | THANH HOÁ | 13 | 11:20 11:23 | 23:40 23:43 | 13:55 13:58 | 18:40 18:43 |
| 187+870* | YÊN THÁI | 10 | 11:37 | 23:57 | 14:12 | 18:57 |
| 196+900 | MINH KHÔI | 7 | 11:47 11:50 | 0:05 | 14:22 14:25 | 19:05 |
| 207+00 | THỊ LONG | 8 | 12:00 | 0:13 | 14:37 | 19:13 |
| 219+00 | VĂN TRAI | 9 | 12:10 | 00:25 00:33/SE4 | 14:47 | 19:23 |
| 228+950 | KHOA TRƯỜNG | 7 | 12:18 | 0:43 | 14:55 | 19:31 |
| 237+790 | TRƯỜNG LÂM | 8 | 12:27 | 0:52 | 15:04 | 19:39 |
| 245+440 | HOÀNG MAI | 6 | 12:34 | 01:01 01:18/SE2 | 15:11 | 19:46 |
| 260+960 | CẦU GIÁT | 13 | 12:48 | 1:34 | 15:27 | 20:00 |
| 271+600 | YÊN LÝ | 9 | 12:58 | 1:44 | 15:37 | 20:10 |
| 279+00 | CHỢ SY | 7 | 13:08 13:19/SE6 | 1:52 | 15:46 15:49 | 20:19 |
| 291+610 | MỸ LÝ | 10 | 13:32 | 2:03 | 16:01 | 20:30 |
| 308+210 | QUÁN HÀNH | 15 | 13:47 | 2:18 | 16:16 | 20:45 |
| 319+020 | VINH | 10 | 13:57 14:04 | 02:28 02:35 | 16:26 16:33 | 20:56 21:10/SE10 |
| 329+950 | YÊN XUÂN | 11 | 14:16 | 2:46 | 16:45 | 21:22 |
| 340+130 | YÊN TRUNG | 9 | 14:26 14:29 | 02:57 03:00 | 16:56 17:00/SE14 | 21:33 21:36 |
| 344+750 | ĐỨC LẠC | 5 | 14:36 | 3:07 | 17:07 | 21:45 21:53/SE4 |
| 351+496 | YÊN DUỆ | 6 | 14:43 | 3:14 | 17:14 | 22:02 |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE11 | SE23 | TN3 | TN5 |
|-----------------|------------------|-----|------------------------------|------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|
| 358+000* | HOÀ DUYỆT | 7 | 14:51 | 3:22 | 17:24 17:30/TN4 | 22:10 |
| 369+620 | THANH LUYỆN | 15 | 15:06 | 3:39 | 17:47 | 22:25 |
| 380+620 | CHU LỄ | 10 | 15:17 | 3:50 | 18:00 18:06/QB2 | 22:38 22:46/SE2 |
| 386+180 | HƯƠNG PHỐ | 5 | 15:25 15:28 | 3:56 | 18:16 18:19 | 22:56 23:00/TN6 |
| 396+180 | PHÚC TRẠCH | 8 | 15:38 | 4:04 | 18:29 | 23:10 |
| 404+350 | LA KHÊ | 7 | 15:46 | 4:12 | 18:37 | 23:18 |
| 408+670 | TÂN ÁP | 5 | 15:51 | 4:17 | 18:42 | 23:23 |
| 414+930* | ĐỒNG CHUỐI | 7 | 16:01 16:06/TN4 | 4:25 | 18:50 | 23:31 |
| 425+950* | KIM LŨ | 17 | 16:25 | 4:43 | 19:08 | 23:49 |
| 436+330 | ĐỒNG LÊ | 11 | 16:36 | 4:54 | 19:21 19:24 | 0:00 |
| 449+570 | NGỌC LÂM | 13 | 16:50 | 5:08 | 19:42 19:51/SE4 | 0:14 |
| 458+550 | LẠC SƠN | 10 | 17:01 | 5:19 | 20:04 | 0:25 |
| 467+101 | LỆ SƠN | 9 | 17:11 | 5:29 | 20:14 | 0:35 |
| 481+810 | MINH LỆ | 14 | 17:25 | 5:43 | 20:28 | 00:51 01:08/SE20 |
| 488+820 | NGÂN SƠN | 7 | 17:32 | 5:51 | 20:37 20:43/SE2 | 1:18 |
| 498+700 | THỌ LỘC | 12 | 17:44 | 6:03 | 20:57 | 1:30 |
| 507+600 | HOÀN LÃO | 8 | 17:53 | 6:12 | 21:06 | 1:39 |
| 510+700 | PHÚC TỰ | 3 | 17:57 | 6:16 | 21:10 | 1:43 |
| 521+800* | ĐỒNG HỚI | 10 | 18:08 18:20 | 06:28 06:40 | 21:22 21:36/SE24 | 01:55 02:07 |
| 529+040 | LỆ KỶ | 9 | 18:29 | 6:50 | 21:46 | 2:17 |
| 539+150 | LONG ĐẠI | 8 | 18:38 | 6:59 | 21:55 | 2:26 |
| 550+890 | MỸ ĐỨC | 12 | 18:50 | 7:11 | 22:07 | 2:38 |
| 558+890* | PHÚ HOÀ | 7 | 18:58 | 07:20 07:26/SE6 | 22:15 | 2:46 |
| 565+070 | MỸ TRẠCH | 6 | 19:05 19:10/SE2 | 7:34 | 22:21 | 2:52 |
| 572+160 | THƯỢNG LÂM | 6 | 19:19 | 7:41 | 22:28 | 2:59 |
| 587+680 | SA LUNG | 13 | 19:32 | 7:54 | 22:43 22:52/SE20 | 3:12 |
| 598+870 | TIÊN AN | 10 | 19:43 | 8:05 | 23:05 | 03:25 03:40/SE8 |
| 609+640 | HÀ THANH | 10 | 19:54 | 8:16 | 23:16 | 3:53 |
| 622+181* | ĐÔNG HÀ | 11 | 20:06 20:09 | 08:28 08:31 | 23:29 23:32 | 04:06 04:09 |
| 633+900 | QUẢNG TRỊ | 10 | 20:22 | 8:44 | 23:45 | 4:22 |
| 642+660 | DIÊN SANH | 8 | 20:30 | 8:52 | 23:53 | 4:30 |
| 651+670 | MỸ CHÁNH | 8 | 20:39 | 9:01 | 0:02 | 4:39 |
| 659+760 | PHÒ TRẠCH | 8 | 20:48 | 9:10 | 0:11 | 4:48 |
| 669+760 | HIỀN SỸ | 8 | 21:00 | 9:20 | 0:21 | 05:00 05:19/SE6 |
| 678+140* | VĂN XÁ | 8 | 21:09 | 9:30 | 0:31 | 5:30 |
| 688+320* | HUẾ | 12 | 21:21 21:26 | 09:42 09:47 | 00:44 00:49 | 05:43 05:48 |
| 698+700 | HƯƠNG THUYẾT | 12 | 21:38 | 10:00 | 1:02 | 6:02 |
| 715+280 | TRUỒI | 14 | 21:53 | 10:15 | 01:19 01:30/SE8 | 6:18 |
| 729+400 | CẦU HAI | 13 | 22:07 | 10:28 | 1:46 | 6:33 |
| 741+620* | THỪA LƯU | 12 | 22:20 | 10:40 | 1:59 | 6:49 |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE11 | SE23 | TN3 | TN5 |
|-----------------|--------------------|-----|------------------------------|------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| 755+410 | LĂNG CÔ | 22 | 22:42 | 11:02 | 2:21 | 7:11 |
| 760+680 | HẢI VÂN BẮC | 13 | 22:56 | 11:17 | 2:35 | 7:25 |
| 766+790 | HẢI VÂN | 13 | 23:11 23:12 | 11:32 11:33 | 02:50 03:04/SE6 | 07:40 07:47/TN4 |
| 771+550 | HẢI VÂN NAM | 12 | 23:25 | 11:47 | 03:19 03:39/SE12 | 08:02 08:10/HĐ2 |
| 776+880 | KIM LIÊN | 12 | 23:39 23:45/SE8 | 12:01 | 3:54 | 8:27 |
| 788+300 | THANH KHÊ | 11 | 23:59 | 12:15 | 4:06 | 8:43 |
| 791+400 | ĐÀ NẴNG | 4 | 00:05 00:20 | 12:20 12:35 | 04:12 04:29/SE14 | 08:49 09:04 |
| 792+700 | THANH KHÊ | 6 | 0:27 | 12:42 | 4:36 | 9:11 |
| 804+110 | LỆ TRẠCH | 15 | 0:43 | 12:58 | 04:54 05:10/SE22 | 9:27 |
| 813+630 | NÔNG SƠN | 8 | 0:52 | 13:07 | 5:21 | 9:36 |
| 824+770 | TRÀ KIỆU | 9 | 01:04 01:22/SE6 | 13:18 13:24/SE2 | 05:33 05:39/TN4 | 09:48 09:56/TN6 |
| 841+740 | PHÚ CANG | 13 | 1:38 | 13:40 | 5:55 | 10:12 |
| 857+100 | AN MỸ | 12 | 1:51 | 13:53 | 6:08 | 10:25 |
| 864+670* | TAM KỶ | 7 | 1:59 | 14:03 14:06 | 06:18 06:21 | 10:35 10:44/SE4 |
| 879+450 | DIÊM PHỒ | 14 | 2:13 | 14:22 | 06:39 06:48/SE10 | 11:00 |
| 890+420 | NÚI THÀNH | 11 | 2:25 | 14:34 | 7:02 | 11:12 |
| 901+050 | TRỊ BÌNH | 8 | 2:34 | 14:45 14:58/SE16 | 7:11 | 11:21 |
| 909+050 | BÌNH SƠN | 8 | 2:43 | 15:08 | 7:20 | 11:30 |
| 919+520 | ĐẠI LỘC | 8 | 2:53 | 15:18 | 7:30 | 11:42 11:52/SE2 |
| 927+930 | QUẢNG NGÃI | 9 | 03:04 03:09 | 15:28 15:33 | 07:41 07:55/TN6 | 12:05 12:11/SE24 |
| 940+420 | HOÀ VINH TÂY | 14 | 3:24 | 15:47 | 8:10 | 12:26 |
| 948+900 | MỘ ĐỨC | 9 | 3:34 | 15:57 | 8:20 | 12:36 |
| 958+700 | THẠCH TRỤ | 8 | 3:44 | 16:07 | 8:30 | 12:46 |
| 967+680 | ĐỨC PHỒ | 8 | 3:53 | 16:16 | 08:41 08:54/SE4 | 12:57 13:00 |
| 977+100 | THUYẾT THẠCH | 9 | 4:03 | 16:26 | 9:06 | 13:14 13:25/SE16 |
| 990+820 | SA HUỖNH | 12 | 4:16 | 16:39 | 9:19 | 13:39 |
| 1004+270 | TAM QUAN | 11 | 4:29 | 16:52 | 09:34 09:45/SE24 | 13:53 |
| 1017+100 | BÔNG SƠN | 11 | 4:40 | 17:05 17:39/SE1v | 10:00 10:08/SE2 | 14:05 14:08 |
| 1032+750 | VẠN PHÚ | 17 | 4:57 | 17:58 | 10:27 | 14:27 |
| 1049+360 | PHÙ MỸ | 14 | 5:12 | 18:15 18:35/SE8 | 10:42 | 14:42 |
| 1060+290 | KHÁNH PHƯỚC | 8 | 5:22 | 18:47 | 10:52 | 14:52 |
| 1070+860 | PHÙ CÁT | 9 | 5:32 | 18:57 | 11:02 | 15:02 |
| 1084+610 | BÌNH ĐỊNH | 10 | 5:44 | 19:09 | 11:16 11:39/SE16 | 15:14 |
| 1095+540 | DIÊU TRÌ | 10 | 05:55 06:07 | 19:21 19:33 | 11:52 12:04 | 15:25 15:37 |
| 1110+800 | TÂN VINH | 14 | 6:23 | 19:51 20:24/SE12,SE6 | 12:20 | 15:53 |
| 1123+390 | VÂN CANH | 10 | 06:37 07:34/SE30;24;5v | 20:38 | 12:32 | 16:05 |
| 1139+390 | PHƯỚC LÃNH | 13 | 07:52 08:04/SE2 | 20:54 21:11/SE14 | 12:46 | 16:19 |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE11 | SE23 | TN3 | TN5 |
|------------------|-------------------|-----|------------------------------|------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| 1154+370 | LA HAI | 13 | 08:20 08:23 | 21:26 | 12:59 | 16:34 16:40/SE8 |
| 1170+391 | CHÍ THẠNH | 17 | 8:43 | 21:46 21:58/SE22 | 13:17 | 17:00 |
| 1183+900 | HOÀ ĐA | 14 | 8:57 | 22:14 | 13:31 | 17:14 |
| 1197+520 | TUY HOÀ | 12 | 09:11 09:14 | 22:29 22:33/CH TN4 | 13:44 13:47 | 17:28 17:31 |
| 1202+050 | ĐÔNG TÁC | 4 | 9:21 | 22:40 | 13:54 | 17:40 17:48/SE12 |
| 1210+830 | PHÚ HIỆP | 7 | 9:29 | 22:48 | 14:02 | 17:58 |
| 1220+140* | HẢO SƠN | 8 | 9:39 | 22:57 | 14:11 | 18:09 18:18/SE6 |
| 1232+200 | ĐẠI LÃNH | 14 | 9:54 | 23:12 | 14:26 | 18:35 |
| 1241+990 | TU BÔNG | 8 | 10:03 | 23:23 | 14:35 | 18:46 19:30/SE14;3v |
| 1254+050 | GIÃ | 10 | 10:15 10:18 | 23:33 | 14:47 14:53/SE8 | 19:44 19:59/SE22 |
| 1269+500 | HOÀ HUỖNH | 12 | 10:33 | 23:46 | 15:08 | 20:16 20:32/SE26 |
| 1280+560 | NINH HOÀ | 11 | 10:46 10:49 | 23:57 | 15:19 | 20:45 |
| 1287+300 | PHONG THẠNH | 6 | 10:58 | 0:04 | 15:26 | 20:52 |
| 1302+880A | LƯƠNG SƠN | 13 | 11:12 | 00:19 00:25/TN6 | 15:42 16:00/SE12 | 21:06 |
| 1314+930A | NHA TRANG | 13 | 11:27 11:34 | 00:42 00:49 | 16:17 16:26/SE6 | 21:21 21:38/SE10 |
| 1329+050 | CÂY CÀY | 16 | 11:53 | 1:08 | 16:46 | 21:57 |
| 1340+540 | HOÀ TÂN | 10 | 12:03 | 01:20 01:39/SE30 | 16:58 | 22:07 |
| 1351+350 | SUỐI CÁT | 10 | 12:14 | 01:54 02:09/SE4 | 17:13 | 22:18 |
| 1363+780 | NGÃ BA | 10 | 12:27 12:38/SE8 | 2:22 | 17:26 17:32/SE22 | 22:31 22:50/TN6 |
| 1371+842 | CAM THỊNH ĐÔNG | 9 | 12:49 | 02:33 02:39/SE24 | 17:45 17:51/TN4 | 23:01 |
| 1381+330 | KÀ RÔM | 9 | 12:59 | 2:51 | 18:03 | 23:11 |
| 1398+060 | PHƯỚC NHƠN | 13 | 13:13 | 3:05 | 18:17 | 23:25 |
| 1407+630 | THÁP CHÀM | 8 | 13:24 13:27 | 03:16 03:26/SE2 | 18:28 18:31 | 23:34 |
| 1419+500 | HOÀ TRINH | 10 | 13:42 13:48/SE12 | 3:39 | 18:44 | 23:47 00:29/SE30;1v |
| 1436+310* | CÀ NÁ | 11 | 14:02 | 3:51 | 18:58 19:14/SE10 | 00:45 00:55/SE4 |
| 1446+012 | VĨNH TÂN | 11 | 14:15 14:21/SE6 | 4:02 | 19:27 | 01:10 01:29/SE24 |
| 1454+690 | VĨNH HẢO | 8 | 14:31 | 4:14 | 19:36 | 1:40 |
| 1465+540 | SÔNG L. SÔNG | 9 | 14:41 | 4:24 | 19:45 | 1:50 |
| 1473+231 | PHONG PHÚ | 7 | 14:49 | 4:32 | 19:53 | 1:58 |
| 1484+490 | SÔNG MAO | 9 | 14:59 | 4:43 | 20:03 | 02:10 02:18/SE2 |
| 1493+690 | CHÂU HẠNH | 8 | 15:09 15:18/SE22 | 4:52 | 20:13 20:19/TN6 | 02:31 02:46/SNT2 |
| 1506+100 | SÔNG LUỠY | 10 | 15:34 15:40/TN4 | 5:04 | 20:33 | 03:02 03:25/SE16 |
| 1522+710 | LONG THẠNH | 13 | 15:57 | 5:19 | 20:48 | 3:42 |
| 1532+760 | MA LÂM | 7 | 16:06 | 5:28 | 20:57 | 3:51 |
| 1541+437 | HÀM LIÊM | 8 | 16:14 | 5:36 | 21:05 | 4:03 |
| 1551+150 | BÌNH THUẬN | 8 | 16:24 16:29 | 05:46 05:51 | 21:15 21:29/SE30 | 04:12 04:17 |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE11 | SE23 | TN3 | TN5 |
|------------------|-------------------|-----|---------------------|---------------------|-----------------------|---------------------|
| 1559+114 | HÀM CƯỜNG TÂY | 8 | 16:39 | 6:01 | 21:39 | 4:27 |
| 1567+720 | SUỐI VẬN | 8 | 16:50 16:58/SE10 | 6:10 | 21:48 | 4:36 |
| 1582+860 | SÔNG PHAN | 16 | 17:16 | 6:26 | 22:06 22:56/SE4;24 | 4:52 |
| 1595+930 | SÔNG DINH | 13 | 17:30 | 6:40 | 23:12 | 5:06 |
| 1603+100 | SUỐI KIẾT | 6 | 17:40 17:43 | 6:48 | 23:22 23:50/SE16 | 5:14 |
| 1613+510 | GIA HUYNH | 9 | 17:56 | 6:59 | 00:05 00:11/SE2 | 5:25 |
| 1619+900 | TRẦN TÁO | 6 | 18:05 18:12/TN6 | 7:06 | 00:22 00:35/SNT12 | 5:32 |
| 1630+870 | GIA RAY | 9 | 18:24 | 7:16 | 0:47 | 5:42 |
| 1639+830 | BẢO CHÁNH | 8 | 18:33 | 7:25 | 0:56 | 5:51 |
| 1649+360* | LONG KHÁNH | 8 | 18:43 18:46 | 07:35 07:48/SE8 | 1:04 | 06:01 06:04 |
| 1661+320 | DẦU GIẦY | 15 | 19:05 | 08:09 08:15/SPT2 | 1:21 | 6:23 |
| 1669+750 | TRUNG HÒA | 9 | 19:17 19:25/SE30 | 8:27 | 1:31 | 6:33 |
| 1677+510 | TRĂNG BOM | 10 | 19:40 | 8:37 | 1:41 | 6:43 |
| 1688+040 | HỒ NAI | 10 | 19:51 | 08:50 09:01/SE12 | 1:52 | 06:56 07:02/SE8 |
| 1697+480 | BIÊN HOÀ | 9 | 20:03 20:19/SE4 | 09:17 09:21/SE14 | 02:05 02:08 | 07:16 07:27/SPT2 |
| 1706+710 | DĨ AN | 9 | 20:32 20:36/SE24 | 09:34 09:43/SE6 | 02:22 02:25 | 07:40 07:43 |
| 1710+560 | SÓNG THẦN | 4 | 20:45 20:55/SNT2 | 09:52 10:00/SE26 | 2:33 | 7:50 |
| 1718+340 | BÌNH TRIỆU | 9 | 21:07 | 10:12 | 2:44 | 08:02 08:16/SE12 |
| 1722+130 | GÒ VẤP | 5 | 21:15 21:20/SE16 | 10:20 10:25/SE22 | 2:51 | 08:26 08:40/SE14 |
| 1726+200 | SÀI GÒN | 7 | 21:30 | 10:35 | 3:00 | 8:50 |

2. Tàu khách Thống Nhất số chẵn:

2.1. Các tàu SE2, SE4, SE6, SE8, SE10:

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE2 | SE4 | SE6 | SE8 | SE10 |
|-----------------|-------------------|-----|----------------|----------------|----------------|---------------------|--------------------|
| 1726+200 | SÀI GÒN | | 21:50 | 19:30 | 9:10 | 6:00 | 13:10 |
| 1722+130 | GÒ VẤP | 7 | 21:58 | 19:38 | 9:18 | 6:08 | 13:18 |
| 1718+340 | BÌNH TRIỆU | 5 | 22:03 | 19:43 | 9:23 | 6:13 | 13:23 |
| 1710+560 | SÓNG THẦN | 9 | 22:13 | 19:53 | 9:33 | 6:23 | 13:33 |
| 1706+710 | DĨ AN | 4 | 22:18 22:21 | 19:58 20:01 | 09:38 09:41 | 06:28 06:31 | 13:38 13:41 |
| 1697+480 | BIÊN HOÀ | 9 | 22:34 22:37 | 20:14 20:17 | 09:54 09:57 | 06:44 06:47 | 13:54 13:57 |
| 1688+040 | HỒ NAI | 9 | 22:49 | 20:29 | 10:09 | 6:59 | 14:09 |
| 1677+510 | TRĂNG BOM | 10 | 22:59 | 20:39 | 10:19 | 7:09 | 14:19 |
| 1669+750 | TRUNG HÒA | 10 | 23:09 | 20:49 | 10:29 | 7:19 | 14:29 |
| 1661+320 | DẦU GIẦY | 9 | 23:19 | 21:00 | 10:40 | 7:30 | 14:42 14:51/SE7 |
| 1649+360 | LONG KHÁNH | 15 | 23:34 | 21:16 21:19 | 10:55 | 07:46 07:50/SE23 | 15:10 15:13 |
| 1639+830 | BẢO CHÁNH | 8 | 23:42 | 21:29 | 11:03 | 8:00 | 15:25 |
| 1630+870 | GIA RAY | 8 | 23:51 | 21:38 | 11:12 | 8:09 | 15:36 |
| 1619+900 | TRẦN TÁO | 9 | 0:01 | 21:48 | 11:22 | 8:19 | 15:46 |
| 1613+510 | GIA HUYNH | 6 | 0:08 | 21:55 | 11:29 | 8:26 | 15:53 |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE2 | SE4 | SE6 | SE8 | SE10 |
|------------------|-------------------|-----|------------------------------|------------------------------|------------------------------------|------------------------------|----------------------------------|
| 1603+100 | SUỐI KIẾT | 9 | 0:18 | 22:05 | 11:39 | 8:36 | 16:05 16:16/SE5 |
| 1595+930 | SÔNG DINH | 6 | 0:25 | 22:13 | 11:47 | 8:44 | 16:26 |
| 1582+860 | SÔNG PHAN | 13 | 0:38 | 22:26 | 12:00 | 8:57 | 16:39 |
| 1567+720 | SUỐI VẬN | 16 | 0:54 | 22:42 | 12:16 | 9:13 | 16:55 |
| 1559+114 | HÀM CƯỜNG TÂY | 8 | 1:03 | 22:51 | 12:25 | 9:22 | 17:04 |
| 1551+150 | BÌNH THUẬN | 8 | 01:12 01:17 | 23:01 23:06 | 12:37 12:42/CHSE7 | 09:32 09:37 | 17:14 17:19 |
| 1541+437 | HÀM LIÊM | 8 | 1:27 | 23:16 | 12:52 | 9:47 | 17:29 |
| 1532+760 | MA LÂM | 8 | 1:35 | 23:24 | 13:00 | 9:55 | 17:37 |
| 1522+710 | LONG THANH | 7 | 1:43 | 23:32 | 13:08 | 10:03 | 17:45 |
| 1506+100 | SÔNG LUỸ | 13 | 1:56 | 23:46 | 13:22 | 10:17 | 17:59 |
| 1493+690 | CHÂU HANH | 10 | 2:07 | 23:57 | 13:33 | 10:28 | 18:10 |
| 1484+490 | SÔNG MAO | 8 | 2:15 | 0:05 | 13:41 | 10:36 | 18:20 18:23 |
| 1473+231 | PHONG PHÚ | 9 | 2:25 | 0:15 | 13:51 | 10:46 | 18:35 |
| 1465+540 | SÔNG L. SÔNG | 7 | 2:33 | 0:24 | 14:00 | 10:55 | 18:44 |
| 1454+690* | VĨNH HẢO | 9 | 2:42 | 0:33 | 14:09 | 11:04 | 18:53 |
| 1446+012 | VĨNH TÂN | 8 | 2:50 | 0:41 | 14:18 | 11:12 | 19:01 |
| 1436+310 | CÀ NÁ | 11 | 3:01 | 0:52 | 14:29 | 11:23 | 19:12 |
| 1419+500 | HOÀ TRINH | 11 | 3:14 | 1:05 | 14:43 | 11:37 | 19:26 |
| 1407+630 | THÁP CHÀM | 10 | 3:24 | 1:15 | 14:53 | 11:49 11:52 | 19:38 19:41 |
| 1398+060 | PHƯỚC NHƠN | 8 | 3:33 | 1:24 | 15:02 | 12:03 | 19:52 |
| 1381+330 | KÀ RÔM | 13 | 3:46 | 1:37 | 15:16 | 12:17 | 20:06 |
| 1371+842 | CAM THỊNH ĐÔNG | 9 | 3:55 | 1:46 | 15:26 | 12:27 | 20:18 20:27/SE21 |
| 1363+780 | NGÃ BA | 9 | 4:04 | 1:55 | 15:35 | 12:36 | 20:40 20:45/SNT1 |
| 1351+350 | SUỐI CÁT | 10 | 4:15 | 2:06 | 15:46 | 12:47 | 20:58 |
| 1340+540 | HOÀ TÂN | 10 | 4:25 | 2:17 | 15:57 | 12:58 | 21:09 |
| 1329+050A | CÂY CÀY | 10 | 4:36 | 2:28 | 16:08 | 13:09 | 21:20 |
| 1314+930A | NHA TRANG | 16 | 04:52 04:59 | 02:44 02:51 | 16:24 16:32/TN3 | 13:25 13:45 | 21:36 21:44/TN5 |
| 1302+880 | LƯƠNG SƠN | 15 | 5:19 | 3:10 | 16:52 | 14:05 | 22:06 22:13/SE1 |
| 1287+300 | PHONG THANH | 15 | 5:34 | 3:25 | 17:07 | 14:20 | 22:30 |
| 1280+560 | NINH HOÀ | 6 | 5:40 | 3:31 | 17:14 | 14:27 | 22:39 22:42 |
| 1269+500 | HOÀ HUỖNH | 11 | 5:51 | 3:42 | 17:25 | 14:38 | 22:55 |
| 1254+050 | GIÃ | 12 | 6:03 | 3:54 | 17:40 | 14:50 | 23:07 |
| 1241+990 | TU BÔNG | 10 | 6:13 | 4:04 | 17:51 | 15:02 | 23:20 23:26/SE23 |
| 1232+200* | ĐẠI LÃNH | 8 | 6:22 | 4:13 | 18:00 | 15:11 | 23:37 |
| 1220+140 | HẢO SƠN | 14 | 6:37 | 4:28 | 18:15 | 15:26 | 23:52 |
| 1210+830 | PHÚ HIỆP | 8 | 6:46 | 4:37 | 18:24 | 15:35 | 0:01 |
| 1202+050 | ĐÔNG TÁC | 7 | 6:53 | 4:45 | 18:33 18:38/SE3 | 15:43 | 0:09 |
| 1197+520 | TUY HOÀ | 4 | 06:59 07:02 | 04:50 04:53 | 18:45 18:48 | 15:48 15:51 | 00:15 00:18 |
| 1183+900 | HOÀ ĐA | 12 | 7:17 | 5:08 | 19:02 | 16:05 | 0:33 |
| 1170+391 | CHÍ THANH | 14 | 7:31 | 5:22 | 19:16 | 16:19 | 0:47 |
| 1154+370 | LA HAI | 17 | 7:49 | 5:40 | 19:36 19:41/SE1 | 16:37 | 1:05 |
| 1139+390 | PHƯỚC LÃNH | 13 | 8:02 | 5:53 | 19:56 | 16:50 | 1:18 |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE2 | SE4 | SE6 | SE8 | SE10 |
|-----------------|-------------------|-----|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| 1123+390 | VÂN CANH | 13 | 8:16 | 6:07 | 20:10 | 17:04 | 1:32 |
| 1110+800 | TÂN VINH | 10 | 8:27 | 06:20 06:25/SE11 | 20:22 | 17:16 | 1:44 |
| 1095+540 | DIÊU TRÌ | 14 | 08:42 08:54 | 06:42 06:54 | 20:36 20:48 | 17:31 17:43 | 01:59 02:11 |
| 1084+610 | BÌNH ĐỊNH | 10 | 9:06 | 7:05 | 20:59 | 17:54 | 2:23 |
| 1070+860 | PHÙ CÁT | 10 | 9:17 | 7:16 | 21:10 | 18:07 18:12/SE1 | 2:34 |
| 1060+290 | KHÁNH PHƯỚC | 9 | 9:26 | 7:25 | 21:19 | 18:23 | 2:43 |
| 1049+360 | PHÙ MỸ | 8 | 9:35 | 7:34 | 21:28 | 18:32 | 02:54 03:01/SE7 |
| 1032+750 | VẠN PHÚ | 14 | 9:49 | 7:48 | 21:43 | 18:47 | 3:18 |
| 1017+100 | BÔNG SƠN | 17 | 10:06 | 8:05 | 22:00 | 19:04 | 03:37 03:40 |
| 1004+270 | TAM QUAN | 11 | 10:17 | 8:16 | 22:11 | 19:15 | 3:53 |
| 990+820 | SA HUỶNH | 11 | 10:30 | 8:29 | 22:24 | 19:28 | 04:08 04:19/SE11 |
| 977+100 | THUYẾT THẠCH | 12 | 10:43 | 8:42 | 22:37 | 19:41 | 04:36 04:48/SE5 |
| 967+680 | ĐỨC PHỒ | 9 | 10:52 | 8:51 | 22:46 | 19:50 | 05:00 05:03 |
| 958+700 | THẠCH TRỤ | 8 | 11:01 | 9:00 | 22:55 | 19:59 | 5:13 |
| 948+900 | MỘ ĐỨC | 8 | 11:10 | 9:09 | 23:04 | 20:08 | 5:22 |
| 940+420 | HOÀ VINH TÂY | 9 | 11:19 | 9:19 | 23:14 | 20:18 | 5:32 |
| 927+930 | QUẢNG NGÃI | 14 | 11:33 11:38 | 09:33 09:38 | 23:28 23:33 | 20:32 20:37 | 05:46 05:51 |
| 919+520 | ĐẠI LỘC | 9 | 11:49 | 9:48 | 23:43 | 20:48 | 6:01 |
| 909+050 | BÌNH SƠN | 8 | 11:58 | 9:58 | 23:53 | 20:58 | 6:11 |
| 901+050 | TRỊ BÌNH | 8 | 12:06 | 10:06 | 0:01 | 21:06 | 6:19 |
| 890+420 | NÚI THÀNH | 8 | 12:15 | 10:15 | 00:11 00:17/SE7 | 21:15 | 06:29 06:32 |
| 879+450* | DIÊM PHỒ | 11 | 12:27 | 10:27 | 0:31 | 21:27 | 6:45 |
| 864+670 | TAM KỲ | 14 | 12:42 12:45 | 10:42 10:46/SE15 | 0:45 | 21:42 21:45 | 07:01 07:04 |
| 857+100 | ÁN MỸ | 7 | 12:55 | 10:56 | 0:53 | 21:55 | 7:14 |
| 841+740 | PHÚ CANG | 12 | 13:07 | 11:09 | 1:06 | 22:08 | 7:27 |
| 824+770 | TRÀ KIỆU | 13 | 13:21 | 11:24 11:29/SE3 | 1:20 | 22:22 | 07:42 07:45 |
| 813+630 | NÔNG SƠN | 9 | 13:31 | 11:40 | 1:30 | 22:32 | 7:57 |
| 804+110 | LỆ TRẠCH | 8 | 13:42 13:47/SE1 | 11:50 | 1:40 | 22:42 | 08:09 08:16/SE21 |
| 792+700 | THANH KHÊ | 15 | 14:04 | 12:05 | 1:55 | 22:57 | 8:33 |
| 791+400 | ĐÀ NẴNG | 6 | 14:11 14:26 | 12:12 12:27 | 02:02 02:17 | 23:04 23:24 | 08:40 08:55 |
| 788+300 | THANH KHÊ | 4 | 14:32 | 12:33 | 2:23 | 23:29 | 9:01 |
| 776+880 | KIM LIÊN | 11 | 14:44 | 12:47 12:53/SE1 | 2:36 | 23:42 | 09:14 09:15 |
| 771+550 | HẢI VÂN NAM | 12 | 14:57 | 13:08 | 2:49 | 23:55 | 09:28 09:29 |
| 766+790 | HẢI VÂN | 12 | 15:10 | 13:21 | 3:02 | 0:08 | 09:42 09:48/SE3 |
| 760+680 | HẢI VÂN BẮC | 14 | 15:26 | 13:37 | 3:18 | 0:24 | 10:04 10:05 |
| 755+410* | LĂNG CÔ | 14 | 15:40 | 13:51 | 3:32 | 0:38 | 10:19 11:04/SE19;23 |
| 741+620 | THỪA LƯU | 22 | 16:02 | 14:13 | 3:54 | 1:00 | 11:29 11:34/SE1 |
| 729+400 | CẦU HAI | 12 | 16:15 | 14:26 | 4:07 | 1:13 | 11:48 |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE2 | SE4 | SE6 | SE8 | SE10 |
|-----------------|------------------|-----|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| 715+280 | TRUỒI | 13 | 16:29 | 14:40 | 4:21 | 1:27 | 12:02 |
| 698+700* | HƯƠNG THUYẾT | 14 | 16:43 | 14:55 | 4:36 | 1:42 | 12:16 |
| 688+320* | HUẾ | 12 | 16:55 17:00 | 15:09 15:14 | 04:49 04:54 | 01:55 02:00 | 12:29 12:34 |
| 678+140 | VĂN XÁ | 12 | 17:13 | 15:28 | 5:07 | 2:13 | 12:47 |
| 669+760 | HIỀN SỸ | 8 | 17:22 | 15:37 | 5:16 | 2:22 | 12:56 |
| 659+760 | PHÒ TRẠCH | 8 | 17:32 | 15:47 | 5:26 | 2:32 | 13:06 |
| 651+670 | MỸ CHÁNH | 8 | 17:40 | 15:56 | 5:35 | 2:41 | 13:15 |
| 642+660 | DIÊN SANH | 8 | 17:48 | 16:05 | 5:44 | 2:50 | 13:24 |
| 633+900* | QUẢNG TRỊ | 8 | 17:57 | 16:14 | 5:53 | 2:59 | 13:33 |
| 622+181 | ĐÔNG HÀ | 10 | 18:09 18:14/SE7 | 16:26 16:29 | 06:05 06:08 | 03:10 03:13 | 13:44 13:47 |
| 609+640 | HÀ THANH | 11 | 18:27 | 16:42 | 06:23 06:31/SE3 | 3:26 | 14:00 |
| 598+870 | TIÊN AN | 10 | 18:37 | 16:53 | 6:44 | 3:37 | 14:11 |
| 587+680 | SA LUNG | 10 | 18:48 | 17:04 | 6:56 | 3:48 | 14:22 |
| 572+160 | THƯỢNG LÂM | 13 | 19:02 | 17:20 17:26/SE7 | 7:10 | 4:02 | 14:36 |
| 565+070* | MỸ TRẠCH | 6 | 19:08 | 17:34 | 7:16 | 4:08 | 14:44 14:47 |
| 558+890 | PHÚ HOÀ | 6 | 19:14 | 17:41 | 7:23 | 4:15 | 14:56 |
| 550+890 | MỸ ĐỨC | 7 | 19:21 | 17:48 | 7:30 | 04:23 04:26 | 15:03 |
| 539+150 | LONG ĐẠI | 12 | 19:33 | 18:00 | 7:42 | 4:39 | 15:15 |
| 529+040* | LỆ KỶ | 8 | 19:42 | 18:09 | 07:52 07:57/SE1 | 4:48 | 15:24 |
| 521+800 | ĐÔNG HỚI | 9 | 19:51 20:03 | 18:18 18:30 | 08:08 08:20 | 04:57 05:09 | 15:34 15:46 |
| 510+700 | PHÚC TỰ | 10 | 20:15 | 18:42 | 8:32 | 5:21 | 16:00 16:06/SE7 |
| 507+600 | HOÀN LÃO | 3 | 20:19 | 18:46 | 8:36 | 5:25 | 16:12 |
| 498+700 | THỌ LỘC | 8 | 20:27 | 18:54 | 8:45 | 5:34 | 16:21 |
| 488+820 | NGÂN SƠN | 12 | 20:40 | 19:06 | 8:57 | 05:48 05:54/SE23 | 16:33 |
| 481+810 | MINH LỆ | 7 | 20:47 | 19:13 | 9:04 | 06:05 06:08 | 16:42 16:45 |
| 467+101 | LỆ SƠN | 14 | 21:01 | 19:27 | 9:18 | 06:26 06:35/SE1 | 17:03 17:14/SE11 |
| 458+550 | LẠC SƠN | 9 | 21:11 | 19:38 | 9:29 | 6:48 | 17:29 17:42/SE5 |
| 449+570 | NGỌC LÂM | 10 | 21:21 | 19:48 | 9:40 | 6:59 | 17:55 |
| 436+330* | ĐÔNG LÊ | 13 | 21:36 21:39 | 20:02 | 09:56 09:59 | 07:15 07:18 | 18:11 18:14 |
| 425+950* | KIM LŨ | 11 | 21:51 | 20:13 | 10:11 | 7:30 | 18:27 |
| 414+930 | ĐỒNG CHUỐI | 17 | 22:09 | 20:31 | 10:29 | 7:48 | 18:47 18:53/TN3 |
| 408+670 | TÂN ÁP | 7 | 22:17 | 20:39 | 10:37 | 7:56 | 19:03 |
| 404+350 | LA KHÊ | 5 | 22:22 | 20:44 | 10:42 | 8:01 | 19:08 |
| 396+180 | PHÚC TRẠCH | 7 | 22:30 | 20:51 | 10:50 | 8:09 | 19:16 |
| 386+180 | HƯƠNG PHỔ | 8 | 22:38 | 21:00 21:03 | 10:59 11:02 | 08:19 08:22 | 19:26 19:29 |
| 380+620 | CHU LỄ | 5 | 22:44 | 21:10 | 11:10 | 8:30 | 19:37 |
| 369+620* | THANH LUYỆN | 10 | 22:55 | 21:20 | 11:21 | 8:41 | 19:50 20:02/SE9 |
| 358+000 | HOÀ DUYỆT | 15 | 23:10 | 21:35 | 11:36 | 8:56 | 20:19 |
| 351+496 | YÊN DUỆ | 7 | 23:18 | 21:43 | 11:44 | 9:04 | 20:27 |
| 344+750 | ĐỨC LẠC | 6 | 23:25 | 21:50 | 11:51 | 9:11 | 20:36 |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE2 | SE4 | SE6 | SE8 | SE10 |
|-----------------|------------------|-----|------------------------------|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|----------------------------------|
| 340+130 | YÊN TRUNG | 5 | 23:30 | 21:56 21:59 | 11:58 12:01 | 09:18 09:22/SE15 | 20:42 20:45 |
| 329+950 | YÊN XUÂN | 9 | 23:39 | 22:10 | 12:14 12:19/SE7 | 9:33 | 20:56 |
| 319+020 | VINH | 11 | 23:51 23:58 | 22:22 22:29 | 12:32 12:39 | 09:44 09:51 | 21:08 21:15 |
| 308+210 | QUÁN HÀNH | 10 | 0:10 | 22:41 | 12:50 | 10:03 | 21:27 |
| 291+610 | MỸ LÝ | 15 | 00:27 00:33/SE3 | 22:56 | 13:05 | 10:18 | 21:42 |
| 279+000 | CHỢ SY | 10 | 0:46 | 23:07 | 13:16 | 10:31 10:34 | 21:55 21:58 |
| 271+600 | YÊN LÝ | 7 | 0:53 | 23:14 | 13:23 | 10:43 | 22:07 |
| 260+960 | CẦU GIÁT | 9 | 1:03 | 23:24 | 13:35 13:41/SE5 | 10:55 11:00/SE7 | 22:17 |
| 245+440 | HOÀNG MAI | 13 | 1:16 | 23:40 23:50/SE3 | 13:57 | 11:16 | 22:31 |
| 237+790 | TRƯỜNG LÂM | 6 | 1:23 | 00:02 00:11/SE19 | 14:05 | 11:24 | 22:39 |
| 228+950 | KHOA TRƯỜNG | 8 | 1:31 | 0:22 | 14:14 | 11:33 | 22:48 |
| 219+000 | VĂN TRAI | 7 | 1:39 | 0:30 | 14:22 | 11:41 | 22:56 |
| 207+000 | THỊ LONG | 9 | 01:51 02:00/SE1 | 0:40 | 14:34 14:40/TN3 | 11:53 12:02/SE11 | 23:08 23:16/SE3 |
| 196+900* | MINH KHÔI | 8 | 2:10 | 0:48 | 14:52 14:55 | 12:12 | 23:28 23:35/SE19 |
| 187+870 | YÊN THÁI | 7 | 2:18 | 0:56 | 15:05 | 12:22 12:27/SE5 | 23:47 00:00/SE23 |
| 175+230 | THANH HOÁ | 10 | 02:31 02:34 | 01:09 01:26/SE1 | 15:18 15:21 | 12:41 12:44 | 00:15 00:19/QB1 |
| 161+000 | NGHĨA TRANG | 13 | 2:49 | 1:41 | 15:36 | 12:59 | 0:34 |
| 152+300 | ĐÒ LÈN | 7 | 2:57 | 1:49 | 15:46 16:01/SE9 | 13:07 | 00:44 01:03/SE1 |
| 141+500 | BỈM SƠN | 9 | 3:06 | 1:59 | 16:15 16:18 | 13:18 13:21 | 1:14 |
| 133+740 | ĐÔNG GIAO | 7 | 3:14 | 2:08 | 16:29 | 13:32 | 1:23 |
| 125+040 | GHỀNH | 9 | 3:23 | 2:18 | 16:39 | 13:42 | 1:33 |
| 120+350 | CẦU YÊN | 5 | 3:28 | 2:23 | 16:44 | 13:47 | 1:38 |
| 115+775 | NINH BÌNH | 4 | 03:34 03:37 | 02:29 02:32 | 16:50 16:53 | 13:53 13:56 | 1:42 |
| 107+620 | CÁT ĐĂNG | 8 | 3:47 | 2:43 | 17:04 | 14:07 | 1:51 |
| 100+800 | NÚI GÔI | 7 | 3:54 | 2:50 | 17:11 | 14:14 | 1:58 |
| 93+315 | TRÌNH XUYỀN | 7 | 4:01 | 2:57 | 17:18 | 14:21 | 2:05 |
| 86+760 | NAM ĐỊNH | 6 | 04:09 04:12 | 03:06 03:09 | 17:27 17:30 | 14:30 14:37/SE9 | 02:14 02:17 |
| 81+000 | ĐẶNG XÁ | 6 | 4:21 | 3:18 | 17:39 | 14:45 | 2:26 |
| 72+910 | CẦU HỌ | 6 | 4:28 | 3:25 | 17:46 | 14:52 | 2:33 |
| 66+540* | BÌNH LỤC | 5 | 4:34 | 3:32 | 17:52 | 14:58 | 2:39 |
| 55+860* | PHỦ LÝ | 11 | 04:46 04:49 | 03:45 03:48 | 18:04 18:07 | 15:10 15:13 | 02:52 02:55 |
| 44+670 | ĐÔNG VĂN | 9 | 5:01 | 4:01 | 18:19 | 15:24 | 3:07 |
| 33+340 | PHÚ XUYỀN | 9 | 5:11 | 4:13 | 18:30 | 15:34 | 3:19 |
| 25+500 | CHỢ TÍA | 7 | 5:19 | 4:22 | 18:38 | 15:42 | 3:28 |
| 17+400 | THƯỜNG TÍN | 7 | 5:27 | 4:31 | 18:46 | 15:50 | 3:37 |
| 08+930 | VĂN ĐIỀN | 8 | 5:36 | 4:41 | 18:55 | 15:58 | 3:47 |
| 05+180 | GIÁP BÁT | 4 | 5:41 | 4:47 | 19:00 | 16:03 | 3:52 |
| 00+000 | HÀ NỘI | 11 | 5:53 | 5:00 | 19:12 | 16:15 | 4:05 |

2.2. Các tàu SE12, SE24, TN4, TN6:

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE12 | SE24 | TN4 | TN6 |
|-----------------|-------------------|-----|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| 1726+200 | SÀI GÒN | | 8:00 | 20:00 | 10:55 | 15:30 |
| 1722+130 | GÒ VẤP | 7 | 8:08 | 20:08 | 11:03 | 15:38 |
| 1718+340 | BÌNH TRIỆU | 5 | 8:13 | 20:13 | 11:08 | 15:43 |
| 1710+560 | SÓNG THẦN | 9 | 8:23 | 20:23 | 11:18 | 15:54 16:00/SE7 |
| 1706+710 | DĨ AN | 4 | 08:28 08:31 | 20:28 20:34/SE12 | 11:23 11:26 | 16:08 16:11 |
| 1697+480 | BIÊN HOÀ | 9 | 08:44 08:47 | 20:47 20:50 | 11:39 11:42 | 16:24 16:27 |
| 1688+040 | HỒ NAI | 9 | 8:58 | 21:02 | 11:54 | 16:39 |
| 1677+510 | TRẮNG BOM | 10 | 9:08 | 21:12 | 12:04 | 16:49 |
| 1669+750 | TRUNG HÒA | 10 | 9:18 | 21:22 | 12:14 | 16:59 |
| 1661+320 | DẦU GIẤY | 9 | 9:29 | 21:33 | 12:25 | 17:12 17:18/SE5 |
| 1649+360 | LONG KHÁNH | 15 | 9:44 | 21:48 | 12:42 12:45 | 17:37 17:40 |
| 1639+830 | BẢO CHÁNH | 8 | 9:52 | 21:56 | 12:55 | 17:50 |
| 1630+870 | GIA RAY | 8 | 10:01 | 22:05 | 13:04 | 17:59 |
| 1619+900 | TRẦN TÁO | 9 | 10:11 | 22:15 | 13:14 | 18:09 |
| 1613+510 | GIA HUYNH | 6 | 10:18 | 22:22 | 13:21 | 18:16 |
| 1603+100 | SUỐI KIẾT | 9 | 10:30 10:33 | 22:32 | 13:33 13:42/SE11 | 18:26 |
| 1595+930 | SÔNG DINH | 6 | 10:43 | 22:40 | 13:52 | 18:34 |
| 1582+860 | SÔNG PHAN | 13 | 10:56 | 22:53 | 14:05 | 18:47 |
| 1567+720 | SUỐI VẬN | 16 | 11:12 | 23:09 | 14:21 | 19:03 |
| 1559+114 | HÀM CƯỜNG TÂY | 8 | 11:21 | 23:18 | 14:30 | 19:12 |
| 1551+150 | BÌNH THUẬN | 8 | 11:31 11:36 | 23:27 23:32 | 14:40 14:45 | 19:21 19:26 |
| 1541+437 | HÀM LIÊM | 8 | 11:46 | 23:42 | 14:57 15:05/SE5 | 19:35 |
| 1532+760 | MA LÂM | 8 | 11:54 | 23:50 | 15:15 | 19:43 |
| 1522+710 | LONG THẠNH | 7 | 12:02 | 23:58 | 15:23 | 19:51 |
| 1506+100 | SÔNG LUỸ | 13 | 12:17 | 00:14 00:19/SE3 | 15:37 | 20:05 |
| 1493+690 | CHÂU HANH | 10 | 12:28 | 0:32 | 15:48 | 20:16 |
| 1484+490 | SÔNG MAO | 8 | 12:36 | 0:40 | 15:56 | 20:24 |
| 1473+231 | PHONG PHÚ | 9 | 12:46 | 0:50 | 16:06 | 20:34 |
| 1465+540 | SÔNG L. SÔNG | 7 | 12:55 | 01:01 01:07/SE1 | 16:15 | 20:43 |
| 1454+690* | VĨNH HẢO | 9 | 13:04 | 1:18 | 16:24 | 20:52 |
| 1446+012 | VĨNH TÂN | 8 | 13:14 13:19/SE5 | 1:26 | 16:32 | 21:00 |
| 1436+310 | CÀ NÁ | 11 | 13:31 | 1:37 | 16:43 | 21:13 21:30/SE21 |
| 1419+500 | HOÀ TRINH | 11 | 13:45 | 1:51 | 16:57 | 21:46 |
| 1407+630 | THÁP CHÀM | 10 | 13:56 13:59 | 2:01 | 17:09 17:12 | 21:56 |
| 1398+060 | PHƯỚC NHƠN | 8 | 14:09 | 2:10 | 17:23 | 22:06 22:12/SE3 |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE12 | SE24 | TN4 | TN6 |
|------------------|------------------|-----|-----------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|------------------------------|
| 1381+330 | KÀ RÔM | 13 | 14:22 | 2:24 | 17:37 | 22:28 |
| 1371+842 | CAM THỊNH ĐÔNG | 9 | 14:32 | 2:36 | 17:48 | 22:38 |
| 1363+780 | NGÃ BA | 9 | 14:41 | 2:45 | 17:59 18:22/SE25;9 | 22:47 |
| 1351+350 | SUỐI CÁT | 10 | 14:52 | 2:56 | 18:35 | 23:00 23:15/SE1 |
| 1340+540 | HOÀ TÂN | 10 | 15:03 | 3:07 | 18:48 18:53/SE29 | 23:28 |
| 1329+050A | CÂY CÀY | 10 | 15:14 | 3:18 | 19:06 | 23:39 |
| 1314+930A | NHA TRANG | 16 | 15:30 15:38/SE25 | 03:34 03:41 | 19:22 19:34/CD SE26 | 23:55 00:02 |
| 1302+880 | LƯƠNG SƠN | 15 | 15:57 | 4:01 | 19:56 20:16/SE3 | 0:22 |
| 1287+300 | PHONG THẠNH | 15 | 16:12 | 4:16 | 20:33 | 0:37 |
| 1280+560 | NINH HOÀ | 6 | 16:20 16:24/SE9 | 4:23 | 20:42 20:48/TN5 | 0:44 |
| 1269+500 | HOÀ HUỖNH | 11 | 16:36 | 4:34 | 21:01 | 0:55 |
| 1254+050 | GIÃ | 12 | 16:49 16:52 | 4:46 | 21:15 21:27/SE1 | 1:07 |
| 1241+990 | TU BÔNG | 10 | 17:04 | 4:57 | 21:39 | 1:18 |
| 1232+200* | ĐẠI LÃNH | 8 | 17:13 | 5:06 | 21:48 | 1:27 |
| 1220+140 | HẢO SƠN | 14 | 17:28 | 5:21 | 22:03 | 1:42 |
| 1210+830 | PHÚ HIỆP | 8 | 17:37 | 5:30 | 22:12 | 1:51 |
| 1202+050 | ĐÔNG TÁC | 7 | 17:45 | 5:40 | 22:20 | 1:59 |
| 1197+520 | TUY HOÀ | 4 | 17:50 17:53 | 05:46 06:00/SE7 | 22:26 22:31/SE23 | 2:03 |
| 1183+900 | HOÀ ĐA | 12 | 18:09 18:15/SE3 | 6:14 | 22:46 | 2:16 |
| 1170+391 | CHÍ THẠNH | 14 | 18:31 | 6:28 | 23:00 | 2:30 |
| 1154+370 | LA HAI | 17 | 18:51 18:54 | 6:46 | 23:18 | 2:48 |
| 1139+390 | PHƯỚC LÃNH | 13 | 19:11 19:28/SE1 | 6:59 | 23:31 | 3:01 |
| 1123+390 | VẬN CANH | 13 | 19:44 | 07:14 07:20/SE11 | 23:45 | 03:17 03:23/SE15 |
| 1110+800 | TÂN VINH | 10 | 19:56 | 7:34 | 23:57 | 3:37 |
| 1095+540 | DIÊU TRÌ | 14 | 20:11 20:23 | 07:49 08:01 | 00:12 00:24 | 03:52 04:04 |
| 1084+610 | BÌNH ĐỊNH | 10 | 20:35 | 8:13 | 0:36 | 4:16 |
| 1070+860 | PHÙ CÁT | 10 | 20:46 | 8:24 | 0:47 | 4:27 |
| 1060+290 | KHÁNH PHƯỚC | 9 | 20:55 | 8:33 | 0:56 | 4:36 |
| 1049+360 | PHÙ MỸ | 8 | 21:04 | 8:42 | 1:05 | 04:47 05:15/SE11 |
| 1032+750 | VẠN PHÚ | 14 | 21:19 | 8:57 | 01:22 01:33/SE15 | 05:34 05:43/SE5 |
| 1017+100 | BÔNG SƠN | 17 | 21:38 21:41 | 09:16 09:29/SE25 | 1:52 | 6:02 |
| 1004+270 | TAM QUAN | 11 | 21:54 | 9:42 | 02:05 02:16/SE7 | 6:13 |
| 990+820 | SA HUỖNH | 11 | 22:07 | 09:57 10:46/SE9;2v | 2:30 | 6:26 |
| 977+100 | THUYẾT THẠCH | 12 | 22:20 | 11:01 | 2:43 | 6:39 |
| 967+680 | ĐỨC PHỒ | 9 | 22:29 | 11:10 | 2:52 | 6:48 |
| 958+700 | THẠCH TRỤ | 8 | 22:38 | 11:19 | 3:01 | 6:57 |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE12 | SE24 | TN4 | TN6 |
|-----------------|-------------------|-----|------------------------------|------------------------------|----------------------------------|------------------------------|
| 948+900 | MỘ ĐỨC | 8 | 22:47 | 11:29 11:34/SE21 | 3:10 | 7:06 |
| 940+420 | HOÀ VINH TÂY | 9 | 22:57 | 11:48 11:53/SE13 | 03:21 03:27/SE11 | 07:18 07:37/SE25 |
| 927+930 | QUẢNG NGÃI | 14 | 23:11 23:16 | 12:09 12:14 | 03:43 03:50/SE5 | 07:53 07:58 |
| 919+520 | ĐẠI LỘC | 9 | 23:27 | 12:25 | 4:01 | 8:08 |
| 909+050 | BÌNH SƠN | 8 | 23:37 | 12:35 | 4:11 | 08:19 08:24/SE9 |
| 901+050 | TRỊ BÌNH | 8 | 23:45 | 12:45 12:56/SE3 | 4:19 | 8:34 |
| 890+420 | NÚI THÀNH | 8 | 23:56 00:34/SE7,SE6v | 13:07 | 4:28 | 8:43 |
| 879+450* | DIÊM PHỒ | 11 | 0:48 | 13:19 | 4:40 | 8:55 |
| 864+670 | TAM KỶ | 14 | 1:02 | 13:33 | 04:56 04:59 | 09:11 09:16/SE21 |
| 857+100 | AN MỸ | 7 | 1:10 | 13:43 13:56/SE23 | 5:09 | 9:26 |
| 841+740 | PHÚ CANG | 12 | 01:25 01:41/SE11 | 14:13 14:20/SE1 | 5:22 | 9:39 |
| 824+770 | TRÀ KIỆU | 13 | 01:59 02:05/SE5 | 14:36 | 5:36 | 9:53 |
| 813+630 | NÔNG SƠN | 9 | 2:17 | 14:46 | 5:46 | 10:03 |
| 804+110 | LỆ TRẠCH | 8 | 2:27 | 14:56 | 05:58 06:21/SE9 | 10:13 |
| 792+700 | THANH KHÊ | 15 | 2:42 | 15:11 | 6:38 | 10:33 |
| 791+400 | ĐÀ NẴNG | 6 | 02:49 03:04 | 15:18 15:33 | 06:45 07:00 | 10:40 10:55 |
| 788+300 | THANH KHÊ | 4 | 3:10 | 15:39 | 7:05 | 11:01 |
| 776+880 | KIM LIÊN | 11 | 3:23 | 15:52 | 7:18 | 11:16 12:04/SE19;23 |
| 771+550 | HẢI VÂN NAM | 12 | 3:36 | 16:05 | 7:31 | 12:21 12:40/SE1 |
| 766+790 | HẢI VÂN | 12 | 3:49 | 16:18 | 7:44 | 12:55 |
| 760+680 | HẢI VÂN BẮC | 14 | 4:05 | 16:34 | 8:00 | 13:11 |
| 755+410* | LĂNG CÔ | 14 | 4:22 | 16:48 | 08:15 08:21/HD1 | 13:25 |
| 741+620 | THỪA LƯU | 22 | 4:44 | 17:10 | 08:47 08:57/SE3 | 13:47 |
| 729+400 | CẦU HAI | 12 | 4:57 | 17:23 | 9:12 | 14:00 |
| 715+280 | TRUÔI | 13 | 5:11 | 17:37 | 09:28 09:36/SE19 | 14:14 |
| 698+700* | HƯƠNG THUỶ | 14 | 5:26 | 17:52 | 09:55 10:03/SE23 | 14:31 15:12/HD3;SE2v |
| 688+320* | HUẾ | 12 | 05:40 05:45 | 18:06 18:11 | 10:17 10:36/SE1 | 15:27 15:32 |
| 678+140 | VĂN XÁ | 12 | 5:59 | 18:25 | 10:50 | 15:46 |
| 669+760 | HIỀN SỸ | 8 | 6:08 | 18:34 | 10:59 | 15:55 |
| 659+760 | PHÒ TRẠCH | 8 | 6:18 | 18:46 18:56/SE7 | 11:09 | 16:05 |
| 651+670 | MỸ CHÁNH | 8 | 6:27 | 19:06 | 11:18 | 16:14 |
| 642+660 | DIÊN SANH | 8 | 6:36 | 19:14 | 11:27 | 16:24 16:30/SE15 |
| 633+900* | QUẢNG TRỊ | 8 | 06:47 06:59/SE3 | 19:23 | 11:36 | 16:41 |
| 622+181 | ĐÔNG HÀ | 10 | 07:12 07:15 | 19:34 19:37 | 11:48 11:51 | 16:53 16:56 |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE12 | SE24 | TN4 | TN6 |
|-----------------|------------------|-----|-----------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| 609+640 | HÀ THANH | 11 | 7:27 | 19:51 19:56/SE11 | 12:04 | 17:09 |
| 598+870 | TIÊN AN | 10 | 7:38 | 20:09 | 12:15 | 17:20 |
| 587+680 | SA LUNG | 10 | 07:51 07:57/SE23 | 20:21 20:27/SE5 | 12:26 | 17:33 17:40/SE7 |
| 572+160 | THƯỢNG LÂM | 13 | 8:13 | 20:43 | 12:40 | 17:56 |
| 565+070* | MỸ TRẠCH | 6 | 08:21 08:31/SE1 | 20:49 | 12:46 | 18:02 |
| 558+890 | PHÚ HOÀ | 6 | 8:39 | 20:56 | 12:53 | 18:09 |
| 550+890 | MỸ ĐỨC | 7 | 8:46 | 21:03 | 13:00 | 18:16 |
| 539+150 | LONG ĐẠI | 12 | 8:58 | 21:15 | 13:12 | 18:30 18:40/SE11 |
| 529+040* | LỆ KỶ | 8 | 9:07 | 21:24 | 13:21 | 18:50 |
| 521+800 | ĐỒNG HỚI | 9 | 09:16 09:28 | 21:34 21:46 | 13:31 13:43 | 19:00 19:12 |
| 510+700 | PHÚC TỰ | 10 | 9:39 | 21:58 | 13:55 | 19:23 |
| 507+600 | HOÀN LÃO | 3 | 9:43 | 22:02 | 13:59 | 19:27 |
| 498+700 | THỌ LỘC | 8 | 9:52 | 22:11 | 14:08 | 19:36 |
| 488+820 | NGÂN SƠN | 12 | 10:04 | 22:25 22:43/SE9 | 14:20 | 19:48 |
| 481+810 | MINH LỆ | 7 | 10:11 | 22:52 | 14:27 | 19:55 |
| 467+101 | LỆ SƠN | 14 | 10:25 | 23:06 | 14:41 | 20:11 20:17/TN3 |
| 458+550 | LẠC SƠN | 9 | 10:36 | 23:19 23:27/SE13 | 14:54 15:01/SE7 | 20:30 |
| 449+570 | NGỌC LÂM | 10 | 10:47 | 23:40 | 15:14 | 20:43 |
| 436+330* | ĐỒNG LÊ | 13 | 11:01 | 23:56 00:03/TN5 | 15:30 15:33 | 20:59 21:02 |
| 425+950* | KIM LỮ | 11 | 11:14 11:19/SE15 | 0:16 | 15:46 | 21:17 21:23/SE9 |
| 414+930 | ĐỒNG CHUỐI | 17 | 11:39 | 0:34 | 16:04 | 21:43 |
| 408+670 | TÂN ÁP | 7 | 11:47 | 0:42 | 16:12 | 21:51 |
| 404+350 | LA KHÊ | 5 | 11:52 | 0:47 | 16:19 16:30/SE5 | 21:58 22:33/SE13;2v |
| 396+180 | PHÚC TRẠCH | 7 | 12:00 | 0:55 | 16:40 | 22:43 |
| 386+180 | HƯƠNG PHỐ | 8 | 12:10 12:13 | 1:03 | 16:50 16:53 | 22:53 22:58/TN5 |
| 380+620 | CHU LỄ | 5 | 12:21 | 1:09 | 17:01 | 23:06 |
| 369+620* | THANH LUYỆN | 10 | 12:32 | 1:20 | 17:12 | 23:17 |
| 358+000 | HOÀ DUYỆT | 15 | 12:49 12:55/SE7 | 01:37 01:47/SE3 | 17:27 | 23:32 |
| 351+496 | YÊN DUỆ | 7 | 13:05 | 1:57 | 17:35 | 23:40 |
| 344+750 | ĐỨC LẠC | 6 | 13:12 | 02:06 02:15/SE19 | 17:42 | 23:47 |
| 340+130 | YÊN TRUNG | 5 | 13:17 | 02:24 02:27 | 17:49 17:52 | 23:54 23:57 |
| 329+950 | YÊN XUÂN | 9 | 13:26 | 02:40 02:48/SE23 | 18:03 | 0:08 |
| 319+020 | VINH | 11 | 13:38 13:59/SE11 | 03:01 03:08 | 18:15 18:22 | 00:20 00:27 |
| 308+210 | QUÁN HÀNH | 10 | 14:13 14:31/SE5 | 03:22 03:27/SE1 | 18:34 18:43/SE9 | 00:41 00:48/SE3 |
| 291+610 | MỸ LÝ | 15 | 14:48 | 3:44 | 19:00 | 01:07 01:18/SE19 |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE12 | SE24 | TN4 | TN6 |
|-----------------|------------------|-----|-----------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| 279+000 | CHỢ SY | 10 | 15:00 15:03 | 3:55 | 19:13 19:17/SE35 | 01:33 01:54/SE23 |
| 271+600 | YÊN LÝ | 7 | 15:12 | 4:02 | 19:26 | 02:05 02:19/QB1 |
| 260+960 | CẦU GIÁT | 9 | 15:24 15:30/TN3 | 4:12 | 19:38 20:03/TN5 | 02:33 02:44/SE1 |
| 245+440 | HOÀNG MAI | 13 | 15:46 | 4:26 | 20:19 | 3:00 |
| 237+790 | TRƯỜNG LÂM | 6 | 15:54 | 4:34 | 20:27 | 3:08 |
| 228+950 | KHOA TRƯỜNG | 8 | 16:03 | 4:43 | 20:36 | 3:17 |
| 219+000 | VĂN TRAI | 7 | 16:11 | 4:51 | 20:44 | 3:25 |
| 207+000 | THỊ LONG | 9 | 16:21 | 5:01 | 20:54 | 3:35 |
| 196+900* | MINH KHÔI | 8 | 16:31 16:55/SE9 | 5:09 | 21:04 21:07 | 03:44 03:47 |
| 187+870 | YÊN THÁI | 7 | 17:05 | 5:17 | 21:17 | 3:57 |
| 175+230 | THANH HOÁ | 10 | 17:18 17:24/SE35 | 05:30 05:33 | 21:30 21:33 | 04:10 04:13 |
| 161+000 | NGHĨA TRANG | 13 | 17:39 | 5:48 | 21:48 | 4:28 |
| 152+300 | ĐỒ LÈN | 7 | 17:47 | 5:56 | 21:58 22:48/SE3;19 | 4:36 |
| 141+500 | BỈM SƠN | 9 | 17:59 18:04/TN5 | 06:08 06:11 | 23:02 23:10/SE23 | 04:48 04:51 |
| 133+740 | ĐỒNG GIAO | 7 | 18:15 | 6:22 | 23:23 | 5:02 |
| 125+040 | GHỀNH | 9 | 18:25 | 6:32 | 23:33 | 5:12 |
| 120+350 | CẦU YÊN | 5 | 18:30 | 6:37 | 23:38 | 5:17 |
| 115+775 | NINH BÌNH | 4 | 18:36 18:39 | 06:43 06:46 | 23:44 23:47 | 05:23 05:26 |
| 107+620 | CÁT ĐĂNG | 8 | 18:50 | 6:57 | 00:00 00:33/SE1;NA1 | 5:37 |
| 100+800 | NÚI GÔI | 7 | 18:57 | 7:04 | 0:43 | 5:44 |
| 93+315 | TRÌNH XUYÊN | 7 | 19:04 | 7:11 | 0:51 | 5:51 |
| 86+760 | NAM ĐỊNH | 6 | 19:13 19:16 | 07:20 07:23 | 01:01 01:04 | 06:00 06:03 |
| 81+000 | ĐẶNG XÁ | 6 | 19:25 | 07:34 07:42/SE7 | 1:14 | 6:12 |
| 72+910 | CẦU HỌ | 6 | 19:32 | 7:51 | 1:22 | 6:19 |
| 66+540* | BÌNH LỤC | 5 | 19:38 | 7:57 | 1:29 | 6:25 |
| 55+860* | PHỦ LÝ | 11 | 19:50 19:53 | 08:09 08:12 | 01:43 01:46 | 06:37 06:40 |
| 44+670 | ĐỒNG VĂN | 9 | 20:07 20:13/SE3 | 8:24 | 1:59 | 06:54 07:03/SE7 |
| 33+340 | PHÚ XUYÊN | 9 | 20:28 20:37/SE19 | 08:37 08:43/SE11 | 2:12 | 7:16 |
| 25+500 | CHỢ TÍA | 7 | 20:49 20:55/SE23 | 8:53 | 2:21 | 7:24 |
| 17+400 | THƯỜNG TÍN | 7 | 21:07 21:12/QB1 | 09:03 09:13/SE5 | 2:30 | 7:32 |
| 08+930 | VĂN ĐIỀN | 8 | 21:23 | 9:25 | 2:41 | 7:41 |
| 05+180 | GIÁP BÁT | 4 | 21:28 | 9:31 | 2:47 | 07:48 08:15/SE12 |
| 00+000 | HÀ NỘI | 11 | 21:40 | 9:45 | 3:00 | 8:30 |

II. Tàu khách Khu đoạn:**1. Khu đoạn Hà Nội – Vinh, Đồng Hới, Đà Nẵng và ngược lại:****1.1. Các tàu SE19, QB1, NA1, SE35:**

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE19 | QB1 | NA1 | SE35 |
|----------------|------------------|-----|------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|
| 00+000 | HÀ NỘI | | 19:45 | 20:45 | 22:40 | 13:30 |
| 05+180 | GIÁP BÁT | 11 | 19:59 20:04/SE36 | 20:57 | 22:52 | 13:42 |
| 08+930 | VĂN ĐIÊN | 4 | 20:11 | 21:02 | 22:57 | 13:47 |
| 17+400 | THƯỜNG TÍN | 8 | 20:19 | 21:10 | 23:05 | 13:55 |
| 25+500 | CHỢ TÍA | 7 | 20:26 | 21:17 | 23:12 | 14:02 |
| 33+340 | PHÚ XUYÊN | 7 | 20:34 | 21:25 | 23:20 | 14:10 |
| 44+670* | ĐỒNG VĂN | 9 | 20:44 | 21:35 | 23:30 | 14:20 |
| 55+860* | PHỦ LÝ | 9 | 20:54 | 21:45 | 23:40 | 14:30 |
| 66+540 | BÌNH LỤC | 11 | 21:05 | 21:56 | 23:51 | 14:41 |
| 72+910 | CẦU HỌ | 5 | 21:11 | 22:02 | 23:57 | 14:49 14:55/SE8 |
| 81+00 | ĐẶNG XÁ | 6 | 21:18 | 22:09 | 0:04 | 15:04 |
| 86+760 | NAM ĐỊNH | 6 | 21:26 21:29 | 22:17 22:20 | 0:10 | 15:12 15:15 |
| 93+315 | TRÌNH XUYÊN | 6 | 21:37 | 22:28 | 0:16 | 15:23 |
| 100+800 | NÚI GÔI | 7 | 21:44 | 22:35 | 0:23 | 15:30 |
| 107+620 | CÁT ĐĂNG | 7 | 21:51 | 22:42 | 0:30 | 15:37 |
| 115+775 | NINH BÌNH | 8 | 22:02 22:05 | 22:53 22:56 | 0:39 | 15:48 15:51 |
| 120+320 | CẦU YÊN | 4 | 22:12 | 23:03 | 0:44 | 15:58 |
| 125+040 | GHỀNH | 5 | 22:17 | 23:08 | 0:49 | 16:03 |
| 133+740 | ĐỒNG GIAO | 9 | 22:27 | 23:20 23:26/TN4 | 0:59 | 16:15 16:31/SE6 |
| 141+500 | BỈM SƠN | 7 | 22:35 | 23:36 | 01:09 01:16/SE10 | 16:41 |
| 152+300 | ĐÒ LÈN | 9 | 22:45 | 23:46 | 1:28 | 16:52 16:57/SE36 |
| 161+00 | NGHĨA TRANG | 7 | 22:53 | 23:54 | 01:38 01:44/SE4 | 17:07 |
| 175+230 | THANH HOÁ | 13 | 23:08 23:11 | 00:09 00:17/SE10 | 02:02 02:37/SE2 | 17:22 17:26/SE12 |
| 187+870* | YÊN THÁI | 10 | 23:25 | 0:31 | 2:51 | 17:40 |
| 196+900 | MINH KHÔI | 7 | 23:33 | 00:41 00:51/SE4 | 2:59 | 17:49 17:52 |
| 207+00 | THỊ LONG | 8 | 23:41 | 1:01 | 3:07 | 18:02 |
| 219+00 | VĂN TRAI | 9 | 23:51 | 1:11 | 03:19 03:27/TN6 | 18:12 |
| 228+950 | KHOA TRƯỜNG | 7 | 23:59 | 01:21 01:34/SE2 | 3:37 | 18:20 |
| 237+790 | TRƯỜNG LÂM | 8 | 0:08 | 1:45 | 3:46 | 18:29 |
| 245+440 | HOÀNG MAI | 6 | 0:15 | 1:52 | 3:53 | 18:36 |
| 260+960 | CẦU GIÁT | 13 | 0:29 | 2:06 | 04:09 04:14/SE24 | 18:50 |
| 271+600 | YÊN LÝ | 9 | 00:41 00:55/SE2 | 2:16 | 4:26 | 19:00 |
| 279+00 | CHỢ SY | 7 | 1:04 | 2:24 | 04:36 04:39 | 19:10 19:15/TN4 |
| 291+610 | MỸ LÝ | 10 | 1:15 | 2:35 | 4:52 | 19:28 |
| 308+210 | QUÁN HÀNH | 15 | 1:30 | 2:50 | 05:09 05:15/SE20 | 19:45 19:51/QB2 |
| 319+020 | VINH | 10 | 01:40 01:47 | 03:04 03:11/CH SE24 | 5:30 | 20:05 |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE19 | QB1 | NA1 | SE35 |
|-----------------|------------------|-----|------------------------------|------------------------|-----|------|
| 329+950 | YÊN XUÂN | 11 | 1:58 | 3:23 | | |
| 340+130 | YÊN TRUNG | 9 | 2:07 | 3:32 | | |
| 344+750 | ĐỨC LẠC | 5 | 2:12 | 3:37 | | |
| 351+496 | YÊN DUỆ | 6 | 2:19 | 3:44 | | |
| 358+000* | HOÀ DUYỆT | 7 | 2:26 | 03:54 04:02/SE20 | | |
| 369+620 | THANH LUYỆN | 15 | 2:41 | 4:19 | | |
| 380+620 | CHU LỄ | 10 | 2:51 | 4:30 | | |
| 386+180 | HƯƠNG PHỐ | 5 | 2:57 | 04:38 05:11/SE16;1v | | |
| 396+180 | PHÚC TRẠCH | 8 | 3:05 | 5:23 | | |
| 404+350 | LA KHÊ | 7 | 3:12 | 5:33 | | |
| 408+670 | TÂN ẤP | 5 | 3:17 | 5:39 | | |
| 414+930* | ĐÔNG CHUỐI | 7 | 3:25 | 5:49 | | |
| 425+950* | KIM LŨ | 17 | 3:43 | 6:07 | | |
| 436+330 | ĐÔNG LÊ | 11 | 3:54 | 6:18 | | |
| 449+570 | NGỌC LÂM | 13 | 4:08 | 6:32 | | |
| 458+550 | LẠC SƠN | 10 | 4:19 | 06:45 06:51/SE8 | | |
| 467+101 | LỆ SƠN | 9 | 4:29 | 7:03 | | |
| 481+810 | MINH LỆ | 14 | 4:43 | 7:18 | | |
| 488+820 | NGÂN SƠN | 7 | 4:51 | 7:26 | | |
| 498+700 | THỌ LỘC | 12 | 5:03 | 7:38 | | |
| 507+600 | HOÀN LÃO | 8 | 5:12 | 7:47 | | |
| 510+700 | PHÚC TỰ | 3 | 05:18 05:23/SE8 | 7:51 | | |
| 521+800* | ĐÔNG HỐI | 10 | 05:36 05:48 | 8:05 | | |
| 529+040 | LỆ KỶ | 9 | 5:57 | | | |
| 539+150 | LONG ĐẠI | 8 | 6:06 | | | |
| 550+890 | MỸ ĐỨC | 12 | 6:18 | | | |
| 558+890* | PHÚ HOÀ | 7 | 6:25 | | | |
| 565+070 | MỸ TRẠCH | 6 | 6:31 | | | |
| 572+160 | THƯỢNG LÂM | 6 | 6:38 | | | |
| 587+680 | SA LUNG | 13 | 06:53 06:58/SE6 | | | |
| 598+870 | TIÊN AN | 10 | 7:11 | | | |
| 609+640 | HÀ THANH | 10 | 07:24 07:30/SE12 | | | |
| 622+181* | ĐÔNG HÀ | 11 | 07:45 07:48 | | | |
| 633+900 | QUẢNG TRỊ | 10 | 8:01 | | | |
| 642+660 | DIÊN SANH | 8 | 8:09 | | | |
| 651+670 | MỸ CHÁNH | 8 | 8:18 | | | |
| 659+760 | PHÒ TRẠCH | 8 | 8:27 | | | |
| 669+760 | HIỀN SỸ | 8 | 8:37 | | | |
| 678+140* | VĂN XÁ | 8 | 8:47 | | | |
| 688+320* | HUẾ | 12 | 09:00 09:05 | | | |
| 698+700 | HƯƠNG THUY | 12 | 9:18 | | | |
| 715+280 | TRUÔI | 14 | 9:33 | | | |
| 729+400 | CẦU HAI | 13 | 09:49 09:59/HĐ2 | | | |
| 741+620* | THỪA LƯU | 12 | 10:14 | | | |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE19 | QB1 | NA1 | SE35 |
|----------------|--------------------|-----|----------------|-----|-----|------|
| 755+410 | LĂNG CÔ | 22 | 10:36 | | | |
| 760+680 | HẢI VÂN BẮC | 13 | 10:51 | | | |
| 766+790 | HẢI VÂN | 13 | 11:08 11:09 | | | |
| 771+550 | HẢI VÂN NAM | 12 | 11:24 | | | |
| 776+880 | KIM LIÊN | 12 | 11:39 | | | |
| 788+300 | THANH KHÊ | 11 | 11:51 | | | |
| 791+400 | ĐÀ NẴNG | 4 | 11:57 | | | |

1.2. Các tàu SE20, QB2, NA2, SE36:

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE20 | QB2 | NA2 | SE36 |
|-----------------|-----------------|-----|------------------------------|--------------------|-----|------|
| 791+400 | ĐÀ NẴNG | | 17:50 | | | |
| 788+300 | THANH KHÊ | 4 | 17:56 | | | |
| 776+880 | KIM LIÊN | 11 | 18:09 | | | |
| 771+550 | HẢI VÂN NAM | 12 | 18:22 | | | |
| 766+790 | HẢI VÂN | 12 | 18:35 | | | |
| 760+680 | HẢI VÂN BẮC | 14 | 18:51 | | | |
| 755+410* | LĂNG CÔ | 14 | 19:05 | | | |
| 741+620 | THỪA LƯU | 22 | 19:27 | | | |
| 729+400 | CẦU HAI | 12 | 19:40 | | | |
| 715+280 | TRUỒI | 13 | 19:55 20:00/SE7 | | | |
| 698+700* | HƯƠNG THUYẾT | 14 | 20:16 | | | |
| 688+320* | HUẾ | 12 | 20:29 20:34 | | | |
| 678+140 | VĂN XÁ | 12 | 20:47 | | | |
| 669+760 | HIỀN SỸ | 8 | 20:57 21:03/SE11 | | | |
| 659+760 | PHÒ TRẠCH | 8 | 21:15 | | | |
| 651+670 | MỸ CHÁNH | 8 | 21:26 21:35/SE5 | | | |
| 642+660 | DIÊN SANH | 8 | 21:46 | | | |
| 633+900* | QUẢNG TRỊ | 8 | 21:55 | | | |
| 622+181 | ĐÔNG HÀ | 10 | 22:07 22:10 | | | |
| 609+640 | HÀ THANH | 11 | 22:24 | | | |
| 598+870 | TIÊN AN | 10 | 22:36 | | | |
| 587+680 | SA LUNG | 10 | 22:50 | | | |
| 572+160 | THƯỢNG LÂM | 13 | 23:04 | | | |
| 565+070* | MỸ TRẠCH | 6 | 23:10 | | | |
| 558+890 | PHÚ HOÀ | 6 | 23:17 | | | |
| 550+890 | MỸ ĐỨC | 7 | 23:24 | | | |
| 539+150 | LONG ĐẠI | 12 | 23:38 23:48/SE9 | | | |
| 529+040* | LỆ KỶ | 8 | 23:58 | | | |
| 521+800 | ĐỒNG HỚI | 9 | 00:07 00:19 | 14:35 | | |
| 510+700 | PHÚC TỰ | 10 | 0:31 | 14:48 | | |
| 507+600 | HOÀN LÃO | 3 | 0:35 | 14:52 | | |
| 498+700 | THỌ LỘC | 8 | 0:44 | 15:01 | | |
| 488+820 | NGÂN SƠN | 12 | 0:56 | 15:13 | | |
| 481+810 | MINH LỆ | 7 | 1:05 | 15:22 15:30/SE7 | | |
| 467+101 | LỆ SƠN | 14 | 1:19 | 15:46 | | |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE20 | QB2 | NA2 | SE36 |
|-----------------|------------------|-----|------------------------------|------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
| 458+550 | LẠC SƠN | 9 | 1:30 | 15:57 | | |
| 449+570 | NGỌC LÂM | 10 | 1:41 | 16:08 | | |
| 436+330* | ĐỒNG LÊ | 13 | 1:55 | 16:24 16:39/SE11 | | |
| 425+950* | KIM LỮ | 11 | 2:06 | 16:54 17:01/SE5 | | |
| 414+930 | ĐỒNG CHUỐI | 17 | 2:24 | 17:21 | | |
| 408+670 | TÂN ÁP | 7 | 02:34 02:43/SE3 | 17:29 | | |
| 404+350 | LA KHÊ | 5 | 2:50 | 17:34 | | |
| 396+180 | PHÚC TRẠCH | 7 | 03:00 03:07/SE19 | 17:42 | | |
| 386+180 | HƯƠNG PHỐ | 8 | 3:17 | 17:52 17:55 | | |
| 380+620 | CHU LỄ | 5 | 3:23 | 18:03 | | |
| 369+620* | THANH LUYỆN | 10 | 03:36 03:42/SE23 | 18:14 | | |
| 358+000 | HOÀ DUYỆT | 15 | 3:59 | 18:29 | | |
| 351+496 | YÊN DUỆ | 7 | 04:09 04:18/SE1 | 18:37 | | |
| 344+750 | ĐỨC LẠC | 6 | 4:27 | 18:44 | | |
| 340+130 | YÊN TRUNG | 5 | 4:32 | 18:51 18:54 | | |
| 329+950 | YÊN XUÂN | 9 | 4:41 | 19:06 19:12/SE9 | | |
| 319+020 | VINH | 11 | 04:53 05:00 | 19:26 19:33 | 21:50 | 13:30 |
| 308+210 | QUÁN HÀNH | 10 | 5:12 | 19:48 | 22:02 | 13:44 13:50/SE11 |
| 291+610 | MỸ LÝ | 15 | 5:27 | 20:03 | 22:17 | 14:09 14:16/SE5 |
| 279+000 | CHỢ SY | 10 | 5:38 | 20:16 20:22/TN5 | 22:30 22:33 | 14:30 14:33 |
| 271+600 | YÊN LÝ | 7 | 5:45 | 20:31 | 22:42 | 14:42 |
| 260+960 | CẦU GIÁT | 9 | 5:55 | 20:41 | 22:52 | 14:52 |
| 245+440 | HOÀNG MAI | 13 | 6:09 | 20:55 | 23:06 | 15:08 15:13/TN3 |
| 237+790 | TRƯỜNG LÂM | 6 | 6:17 | 21:03 | 23:14 | 15:22 |
| 228+950 | KHOA TRƯỜNG | 8 | 6:26 | 21:12 | 23:25 23:34/SE3 | 15:31 |
| 219+000 | VĂN TRAI | 7 | 6:34 | 21:20 | 23:46 23:54/SE19 | 15:39 |
| 207+000 | THỊ LONG | 9 | 6:44 | 21:30 | 00:08 00:16/SE23 | 15:49 |
| 196+900* | MINH KHÔI | 8 | 6:52 | 21:38 | 00:28 00:59/QB1;SE4v | 15:59 16:02 |
| 187+870 | YÊN THÁI | 7 | 7:00 | 21:46 | 01:11 01:44/SE1 | 16:12 |
| 175+230 | THANH HOÁ | 10 | 07:13 07:16 | 21:59 22:02 | 01:59 02:04/NA1 | 16:25 16:29/SE9 |
| 161+000 | NGHĨA TRANG | 13 | 7:31 | 22:19 22:56/SE3;19 | 2:19 | 16:44 |
| 152+300 | ĐỒ LÈN | 7 | 7:39 | 23:08 23:49/SE23;QB1 | 2:27 | 16:55 |
| 141+500 | BỈM SƠN | 9 | 7:49 | 0:01 | 2:37 | 17:06 |
| 133+740 | ĐỒNG GIAO | 7 | 7:58 | 0:10 | 2:46 | 17:17 |
| 125+040 | GHỀNH | 9 | 8:08 | 00:22 00:52/SE1;NA1 | 2:56 | 17:28 |
| 120+350 | CẦU YÊN | 5 | 8:13 | 0:59 | 3:01 | 17:34 |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE20 | QB2 | NA2 | SE36 |
|----------------|------------------|-----|---------------------|-------------|-------------|--------------------|
| 115+775 | NINH BÌNH | 4 | 08:19 08:30/SE7 | 1:03 | 3:05 | 17:40 17:43 |
| 107+620 | CÁT ĐĂNG | 8 | 8:41 | 1:12 | 3:14 | 17:54 |
| 100+800 | NÚI GÔI | 7 | 8:48 | 1:20 | 3:22 | 18:01 |
| 93+315 | TRÌNH XUYÊN | 7 | 8:55 | 1:28 | 3:30 | 18:08 |
| 86+760 | NAM ĐỊNH | 6 | 09:04 09:07 | 1:36 | 3:38 | 18:17 18:20 |
| 81+000 | ĐẶNG XÁ | 6 | 09:18 09:33/SE11 | 1:44 | 3:46 | 18:29 |
| 72+910 | CẦU HỌ | 6 | 9:42 | 1:52 | 3:54 | 18:36 |
| 66+540* | BÌNH LỤC | 5 | 09:50 10:03/SE5 | 1:59 | 4:01 | 18:42 |
| 55+860* | PHỦ LÝ | 11 | 10:17 10:20 | 2:11 | 4:12 | 18:55 18:58 |
| 44+670 | ĐỒNG VĂN | 9 | 10:32 | 2:22 | 4:23 | 19:10 |
| 33+340 | PHÚ XUYÊN | 9 | 10:43 | 2:34 | 4:35 | 19:21 |
| 25+500 | CHỢ TÍA | 7 | 10:53 11:00/TN3 | 2:43 | 4:44 | 19:29 |
| 17+400 | THƯỜNG TÍN | 7 | 11:10 | 2:52 | 4:53 | 19:39 19:47/SE3 |
| 08+930 | VĂN ĐIỀN | 8 | 11:19 | 3:02 | 5:03 | 19:57 |
| 05+180 | GIÁP BÁT | 4 | 11:24 | 3:08 | 5:08 | 20:02 |
| 00+000 | HÀ NỘI | 11 | 11:36 | 3:20 | 5:20 | 20:15 |

2. Khu đoạn Vinh, Huế - Đà Nẵng và ngược lại:

2.1. Các tàu SE13, SE15, HD1, HD3:

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE13 | SE15 | HD1 | HD3 |
|----------------|------------------|-----|--------------------|--------------------|-----|-----|
| 319+020 | VINH | | 20:00 | 8:50 | | |
| 329+950 | YÊN XUÂN | 11 | 20:12 | 9:03 | | |
| 340+130 | YÊN TRUNG | 9 | 20:22 20:25 | 09:14 09:20/SE8 | | |
| 344+750 | ĐỨC LẠC | 5 | 20:33 20:39/SE2 | 9:27 | | |
| 351+496 | YÊN DUỆ | 6 | 20:48 | 9:34 | | |
| 358+000* | HOÀ DUYỆT | 7 | 20:56 | 9:42 | | |
| 369+620 | THANH LUYỆN | 15 | 21:13 21:23/SE4 | 9:57 | | |
| 380+620 | CHU LỄ | 10 | 21:36 | 10:08 | | |
| 386+180 | HƯƠNG PHỐ | 5 | 21:44 21:47 | 10:15 10:18 | | |
| 396+180 | PHÚC TRẠCH | 8 | 21:57 | 10:28 | | |
| 404+350 | LA KHÊ | 7 | 22:05 | 10:38 10:44/SE6 | | |
| 408+670 | TÂN ÁP | 5 | 22:12 22:20/SE2 | 10:51 | | |
| 414+930* | ĐỒNG CHUỐI | 7 | 22:30 | 10:59 | | |
| 425+950* | KIM LŨ | 17 | 22:48 | 11:17 | | |
| 436+330 | ĐỒNG LÊ | 11 | 22:59 | 11:29 11:32 | | |
| 449+570 | NGỌC LÂM | 13 | 23:13 | 11:48 | | |
| 458+550 | LẠC SƠN | 10 | 23:24 | 11:59 | | |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE13 | SE15 | HD1 | HD3 |
|-----------------|--------------------|-----|-----------------------------------|------------------------------|---------------------|---------------------|
| 467+101 | LỆ SƠN | 9 | 23:34 | 12:09 | | |
| 481+810 | MINH LỆ | 14 | 23:48 | 12:25 12:28 | | |
| 488+820 | NGÂN SƠN | 7 | 23:56 | 12:40 12:55/SE14 | | |
| 498+700 | THỌ LỘC | 12 | 0:08 | 13:09 | | |
| 507+600 | HOÀN LÃO | 8 | 0:17 | 13:18 | | |
| 510+700 | PHÚC TỰ | 3 | 00:23 00:34/SE20 | 13:22 | | |
| 521+800* | ĐỒNG HỚI | 10 | 00:48 01:01/SE16 | 13:34 13:46 | | |
| 529+040 | LỆ KỶ | 9 | 1:10 | 13:56 | | |
| 539+150 | LONG ĐẠI | 8 | 1:19 | 14:05 | | |
| 550+890 | MỸ ĐỨC | 12 | 1:31 | 14:18 14:21 | | |
| 558+890* | PHÚ HOÀ | 7 | 1:39 | 14:31 | | |
| 565+070 | MỸ TRẠCH | 6 | 1:45 | 14:39 14:49/SE10 | | |
| 572+160 | THƯỢNG LÂM | 6 | 1:52 | 14:58 | | |
| 587+680 | SA LUNG | 13 | 2:05 | 15:11 | | |
| 598+870 | TIÊN AN | 10 | 2:16 | 15:22 | | |
| 609+640 | HÀ THANH | 10 | 2:27 | 15:33 | | |
| 622+181* | ĐÔNG HÀ | 11 | 02:39 02:42 | 15:46 15:49 | | |
| 633+900 | QUẢNG TRỊ | 10 | 02:56 03:02/SE8 | 16:04 16:17/SE4 | | |
| 642+660 | DIÊN SANH | 8 | 3:12 | 16:27 | | |
| 651+670 | MỸ CHÁNH | 8 | 3:21 | 16:36 | | |
| 659+760 | PHÒ TRẠCH | 8 | 3:30 | 16:45 | | |
| 669+760 | HIỀN SỸ | 8 | 3:40 | 16:55 | | |
| 678+140* | VĂN XÁ | 8 | 3:50 | 17:07 17:15/SE2 | | |
| 688+320* | HUẾ | 12 | 04:03 04:08 | 17:29 17:34 | 6:45 | 14:35 |
| 698+700 | HƯƠNG THUY | 12 | 04:23 04:39/SE6 | 17:49 17:54/SE24 | 6:59 | 14:51 14:58/SE4 |
| 715+280 | TRUỒI | 14 | 04:58 05:14/SE12 | 18:11 | 07:17 07:23/SE14 | 15:16 |
| 729+400 | CẦU HAI | 13 | 5:30 | 18:25 | 7:40 | 15:31 |
| 741+620* | THỪA LƯU | 12 | 5:43 | 18:38 | 7:54 | 15:47 16:05/SE2 |
| 755+410 | LĂNG CÔ | 22 | 06:07 06:25/SE14 | 19:02 19:08/SE20 | 08:18 08:28 | 16:31 16:51/SE24 |
| 760+680 | <i>HẢI VÂN BẮC</i> | 13 | 6:41 | 19:24 | 08:48 08:52/HD2 | 17:09 |
| 766+790 | <i>HẢI VÂN</i> | 13 | 06:56 06:57 | 19:39 19:40 | 09:09 09:10 | 17:26 17:27 |
| 771+550 | HẢI VÂN NAM | 12 | 07:12 07:34/TN4 | 19:53 | 09:25 09:32/SE10 | 17:42 17:48/SE16 |
| 776+880 | KIM LIÊN | 12 | 7:48 | 20:06 | 9:48 | 18:05 18:12/SE20 |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE13 | SE15 | HD1 | HD3 |
|-----------------|-------------------|-----|----------------------------------|----------------------------------|--------------|--------------|
| 788+300 | THANH KHÊ | 11 | 8:00 | 20:18 | 10:02 | 18:27 |
| 791+400 | ĐÀ NẴNG | 4 | 08:05 08:20 | 20:24 20:39 | 10:10 | 18:35 |
| 792+700 | THANH KHÊ | 6 | 08:30 08:36/SE10 | 20:46 | | |
| 804+110 | LÊ TRẠCH | 15 | 8:54 | 21:02 | | |
| 813+630 | NÔNG SƠN | 8 | 9:03 | 21:11 | | |
| 824+770 | TRÀ KIỆU | 9 | 9:13 | 21:21 | | |
| 841+740 | PHÚ CANG | 13 | 09:29 09:41/TN6 | 21:35 | | |
| 857+100 | AN MỸ | 12 | 9:55 | 21:50 21:58/SE8 | | |
| 864+670* | TAM KỲ | 7 | 10:04 10:07 | 22:08 | | |
| 879+450 | DIÊM PHỒ | 14 | 10:24 10:30/SE4 | 22:22 | | |
| 890+420 | NÚI THÀNH | 11 | 10:44 | 22:34 | | |
| 901+050 | TRỊ BÌNH | 8 | 10:53 | 22:43 | | |
| 909+050 | BÌNH SƠN | 8 | 11:02 | 22:52 | | |
| 919+520 | ĐẠI LỘC | 8 | 11:12 | 23:02 | | |
| 927+930 | QUẢNG NGÃI | 9 | 11:23 11:35/SE2 | 23:14 23:30/SE6 | | |
| 940+420 | HOÀ VINH TÂY | 14 | 11:51 | 23:45 | | |
| 948+900 | MỘ ĐỨC | 9 | 12:01 | 23:55 | | |
| 958+700 | THẠCH TRỤ | 8 | 12:11 | 0:05 | | |
| 967+680 | ĐỨC PHỒ | 8 | 12:20 | 0:14 | | |
| 977+100 | THUYẾT THẠCH | 9 | 12:30 | 0:24 | | |
| 990+820 | SA HUỖNH | 12 | 12:45 13:12/SE16 | 0:37 | | |
| 1004+270 | TAM QUAN | 11 | 13:26 | 00:52 01:00/SE22 | | |
| 1017+100 | BÔNG SƠN | 11 | 13:37 | 1:13 | | |
| 1032+750 | VẠN PHÚ | 17 | 13:54 | 1:30 | | |
| 1049+360 | PHỦ MỸ | 14 | 14:09 | 1:45 | | |
| 1060+290 | KHÁNH PHƯỚC | 8 | 14:18 | 1:55 | | |
| 1070+860 | PHÙ CÁT | 9 | 14:27 | 2:05 | | |
| 1084+610 | BÌNH ĐỊNH | 10 | 14:39 | 02:19 02:26/SE10 | | |
| 1095+540 | DIÊU TRÌ | 10 | 14:50 15:02 | 02:40 02:52 | | |
| 1110+800 | TÂN VINH | 14 | 15:18 | 3:08 | | |
| 1123+390 | VÂN CANH | 10 | 15:30 | 3:20 | | |
| 1139+390 | PHƯỚC LÃNH | 13 | 15:44 | 3:34 | | |
| 1154+370 | LA HAI | 13 | 15:57 | 03:49 03:52 | | |
| 1170+391 | CHÍ THẠNH | 17 | 16:16 16:22/SE8 | 4:12 | | |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE13 | SE15 | HD1 | HD3 |
|------------------|------------------|-----|------------------------------|-------------------------------------|-----|-----|
| 1183+900 | HOÀ ĐA | 14 | 16:38 | 04:28 05:10/SE30;4 | | |
| 1197+520 | TUY HOÀ | 12 | 16:52 16:55 | 05:25 05:28 | | |
| 1202+050 | ĐÔNG TÁC | 4 | 17:02 | 05:37 05:43/SE24 | | |
| 1210+830 | PHÚ HIỆP | 7 | 17:10 | 5:53 | | |
| 1220+140* | HẢO SƠN | 8 | 17:21 17:31/SE12 | 6:02 | | |
| 1232+200 | ĐẠI LÃNH | 14 | 17:50 18:03/SE6 | 06:19 06:24/SE2 | | |
| 1241+990 | TU BÔNG | 8 | 18:14 | 6:35 | | |
| 1254+050 | GIÃ | 10 | 18:26 18:43/SE14 | 06:47 06:50 | | |
| 1269+500 | HOÀ HUỖNH | 12 | 18:58 | 7:05 | | |
| 1280+560 | NINH HOÀ | 11 | 19:13 | 07:18 07:21 | | |
| 1287+300 | PHONG THẠNH | 6 | 19:20 | 07:32 08:02/SE14;7v | | |
| 1302+880A | LƯƠNG SƠN | 13 | 19:36 20:31/TN4;SE3v | 8:18 | | |
| 1314+930A | NHA TRANG | 13 | 20:48 20:55 | 08:33 08:42/CD SE7 | | |
| 1329+050 | CÂY CÀY | 16 | 21:16 21:23/SE10 | 9:01 | | |
| 1340+540 | HOÀ TÂN | 10 | 21:35 | 9:11 | | |
| 1351+350 | SUỐI CÁT | 10 | 21:46 | 9:22 | | |
| 1363+780 | NGÃ BA | 10 | 21:57 | 9:33 | | |
| 1371+842 | CAM THỊNH ĐÔNG | 9 | 22:06 | 9:42 | | |
| 1381+330 | KÀ RÔM | 9 | 22:18 22:30/TN6 | 9:52 | | |
| 1398+060 | PHƯỚC NHƠN | 13 | 22:45 | 10:06 | | |
| 1407+630 | THÁP CHÀM | 8 | 22:56 22:59 | 10:17 10:20 | | |
| 1419+500 | HOÀ TRINH | 10 | 23:12 | 10:33 | | |
| 1436+310* | CÀ NÁ | 11 | 23:24 | 10:45 | | |
| 1446+012 | VĨNH TÂN | 11 | 23:37 23:42/SE30 | 10:58 11:15/SE8 | | |
| 1454+690 | VĨNH HẢO | 8 | 23:52 | 11:25 | | |
| 1465+540 | SÔNG L. SÔNG | 9 | 0:02 | 11:34 | | |
| 1473+231 | PHONG PHÚ | 7 | 00:12 00:18/SE4 | 11:42 | | |
| 1484+490 | SÔNG MAO | 9 | 00:32 00:43/SE24 | 11:52 | | |
| 1493+690 | CHÂU HANH | 8 | 0:54 | 12:01 | | |
| 1506+100 | SÔNG LUY | 10 | 1:06 | 12:14 12:20/SE12 | | |
| 1522+710 | LONG THẠNH | 13 | 01:23 01:46/SE2 | 12:39 13:10/SE14;6 | | |
| 1532+760 | MA LÂM | 7 | 1:57 | 13:20 | | |
| 1541+437 | HÀM LIÊM | 8 | 2:05 | 13:28 | | |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE13 | SE15 | HD1 | HD3 |
|------------------|-------------------|-----|--------------------------------------|------------------------------|-----|-----|
| 1551+150 | BÌNH THUẬN | 8 | 02:15 02:58/SE16;1v | 13:37 13:42 | | |
| 1559+114 | HÀM CƯỜNG TÂY | 8 | 3:10 | 13:53 | | |
| 1567+720 | SUỐI VẬN | 8 | 3:23 | 14:04 14:23/TN4 | | |
| 1582+860 | SÔNG PHAN | 16 | 3:39 | 14:41 | | |
| 1595+930 | SÔNG DINH | 13 | 3:53 | 14:55 | | |
| 1603+100 | SUỐI KIẾT | 6 | 4:01 | 15:03 | | |
| 1613+510 | GIA HUYNH | 9 | 4:12 | 15:14 | | |
| 1619+900 | TRẦN TÁO | 6 | 4:19 | 15:21 | | |
| 1630+870 | GIA RAY | 9 | 4:29 | 15:33 15:39/SE10 | | |
| 1639+830 | BẢO CHÁNH | 8 | 4:38 | 15:50 | | |
| 1649+360* | LONG KHÁNH | 8 | 04:47 04:50 | 16:00 16:03 | | |
| 1661+320 | DẦU GIẤY | 15 | 5:09 | 16:22 | | |
| 1669+750 | TRUNG HÒA | 9 | 5:19 | 16:32 | | |
| 1677+510 | TRẮNG BOM | 10 | 5:29 | 16:44 16:52/TN6 | | |
| 1688+040 | HỒ NAI | 10 | 5:40 | 17:05 | | |
| 1697+480 | BIÊN HOÀ | 9 | 05:52 05:55 | 17:17 17:20 | | |
| 1706+710 | DĨ AN | 9 | 06:08 06:11 | 17:33 17:36 | | |
| 1710+560 | SÓNG THẦN | 4 | 06:20 06:25/SE8 | 17:43 | | |
| 1718+340 | BÌNH TRIỆU | 9 | 6:37 | 17:53 | | |
| 1722+130 | GÒ VẤP | 5 | 06:45 06:50/SPT2 | 18:01 18:15/SE30 | | |
| 1726+200 | SÀI GÒN | 7 | 7:00 | 18:25 | | |

2.2. Các tàu SE14, SE16, HD2, HD4:

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE14 | SE16 | HD2 | HD4 |
|-----------------|-------------------|-----|---------------------|----------------|-----|-----|
| 1726+200 | SÀI GÒN | | 8:30 | 21:10 | | |
| 1722+130 | GÒ VẤP | 7 | 8:38 | 21:18 | | |
| 1718+340 | BÌNH TRIỆU | 5 | 8:43 | 21:23 | | |
| 1710+560 | SÓNG THẦN | 9 | 8:53 | 21:33 | | |
| 1706+710 | DĨ AN | 4 | 08:58 09:01 | 21:39 21:42 | | |
| 1697+480 | BIÊN HOÀ | 9 | 09:14 09:19/SE23 | 21:55 21:58 | | |
| 1688+040 | HỒ NAI | 9 | 9:31 | 22:10 | | |
| 1677+510 | TRẮNG BOM | 10 | 9:41 | 22:20 | | |
| 1669+750 | TRUNG HÒA | 10 | 9:51 | 22:30 | | |
| 1661+320 | DẦU GIẤY | 9 | 10:02 | 22:41 | | |
| 1649+360 | LONG KHÁNH | 15 | 10:19 10:22 | 22:58 23:01 | | |
| 1639+830 | BẢO CHÁNH | 8 | 10:32 | 23:11 | | |
| 1630+870 | GIA RAY | 8 | 10:41 | 23:20 | | |
| 1619+900 | TRẦN TÁO | 9 | 10:51 | 23:30 | | |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE14 | SE16 | HD2 | HD4 |
|------------------|-------------------|-----|----------------------------------|----------------------------------|-----|-----|
| 1613+510 | GIA HUYNH | 6 | 10:58 | 23:37 | | |
| 1603+100 | SUỐI KIẾT | 9 | 11:08 | 23:47 | | |
| 1595+930 | SÔNG DINH | 6 | 11:16 | 23:55 | | |
| 1582+860 | SÔNG PHAN | 13 | 11:29 | 00:10 01:56/SE25,...,SE3 | | |
| 1567+720 | SUỐI VẬN | 16 | 11:45 | 2:14 | | |
| 1559+114 | HÀM CƯỜNG TÂY | 8 | 11:54 | 2:23 | | |
| 1551+150 | BÌNH THUẬN | 8 | 12:04 12:09 | 02:33 02:42/SE1 | | |
| 1541+437 | HÀM LIÊM | 8 | 12:21 12:27/SE7 | 2:52 | | |
| 1532+760 | MA LÂM | 8 | 12:37 | 3:00 | | |
| 1522+710 | LONG THẠNH | 7 | 12:45 | 3:08 | | |
| 1506+100 | SÔNG LUỠ | 13 | 12:59 | 3:22 | | |
| 1493+690 | CHÂU HANH | 10 | 13:10 | 3:33 | | |
| 1484+490 | SÔNG MAO | 8 | 13:18 | 3:41 | | |
| 1473+231 | PHONG PHÚ | 9 | 13:30 14:03/SE5;6v | 3:51 | | |
| 1465+540 | SÔNG L. SÔNG | 7 | 14:14 | 4:00 | | |
| 1454+690* | VĨNH HẢO | 9 | 14:25 14:34/SE11 | 04:11 04:17/SE23 | | |
| 1446+012 | VĨNH TÂN | 8 | 14:44 | 4:27 | | |
| 1436+310 | CÀ NÁ | 11 | 14:55 | 4:38 | | |
| 1419+500 | HOÀ TRINH | 11 | 15:09 | 4:52 | | |
| 1407+630 | THÁP CHÀM | 10 | 15:21 15:24 | 05:04 05:07 | | |
| 1398+060 | PHƯỚC NHƠN | 8 | 15:35 | 5:18 | | |
| 1381+330 | KÀ RÔM | 13 | 15:49 | 5:32 | | |
| 1371+842 | CAM THỊNH ĐÔNG | 9 | 15:59 | 5:42 | | |
| 1363+780 | NGÃ BA | 9 | 16:08 | 5:51 | | |
| 1351+350 | SUỐI CÁT | 10 | 16:19 | 6:02 | | |
| 1340+540 | HOÀ TÂN | 10 | 16:30 | 6:13 | | |
| 1329+050A | CÂY CÀY | 10 | 16:43 16:52/TN3 | 6:24 | | |
| 1314+930A | NHA TRANG | 16 | 17:14 17:24/SE9 | 06:40 06:47 | | |
| 1302+880 | LUƠNG SƠN | 15 | 17:44 | 7:07 | | |
| 1287+300 | PHONG THẠNH | 15 | 17:59 | 07:24 07:47/SE15; SE7 | | |
| 1280+560 | NINH HOÀ | 6 | 18:07 18:15/SE21 | 07:56 07:59 | | |
| 1269+500 | HOÀ HUỶNH | 11 | 18:28 | 8:12 | | |
| 1254+050 | GIÃ | 12 | 18:40 | 8:24 | | |
| 1241+990 | TU BÔNG | 10 | 18:51 | 8:35 | | |
| 1232+200* | ĐẠI LÃNH | 8 | 19:02 19:10/SE3 | 8:44 | | |
| 1220+140 | HẢO SƠN | 14 | 19:26 | 8:59 | | |
| 1210+830 | PHÚ HIỆP | 8 | 19:35 | 9:08 | | |
| 1202+050 | ĐÔNG TÁC | 7 | 19:43 | 09:18 09:23/SE11 | | |
| 1197+520 | TUY HOÀ | 4 | 19:48 19:51 | 09:30 09:33 | | |
| 1183+900 | HOÀ ĐA | 12 | 20:08 20:14/SE1 | 9:47 | | |
| 1170+391 | CHÍ THẠNH | 14 | 20:30 | 10:01 | | |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE14 | SE16 | HD2 | HD4 |
|-----------------|-------------------|-----|------------------------------|-------------------------------|---------------------|------------------------------|
| 1154+370 | LA HAI | 17 | 20:50 20:53 | 10:19 | | |
| 1139+390 | PHƯỚC LÃNH | 13 | 21:08 | 10:32 | | |
| 1123+390 | VÂN CANH | 13 | 21:22 | 10:46 | | |
| 1110+800 | TÂN VINH | 10 | 21:34 | 10:58 | | |
| 1095+540 | DIÊU TRÌ | 14 | 21:49 22:01 | 11:13 11:25 | | |
| 1084+610 | BÌNH ĐỊNH | 10 | 22:13 | 11:37 | | |
| 1070+860 | PHÙ CÁT | 10 | 22:24 | 11:48 | | |
| 1060+290 | KHÁNH PHƯỚC | 9 | 22:33 | 11:57 | | |
| 1049+360 | PHÙ MỸ | 8 | 22:42 | 12:06 | | |
| 1032+750 | VẠN PHÚ | 14 | 22:57 | 12:21 | | |
| 1017+100 | BÔNG SƠN | 17 | 23:14 | 12:40 12:45/SE21 | | |
| 1004+270 | TAM QUAN | 11 | 23:25 | 12:57 | | |
| 990+820 | SA HUỖNH | 11 | 23:38 | 13:10 | | |
| 977+100 | THUỶ THẠCH | 12 | 23:51 | 13:23 | | |
| 967+680 | ĐỨC PHỒ | 9 | 00:02 00:17/SE15 | 13:32 | | |
| 958+700 | THẠCH TRỤ | 8 | 0:28 | 13:41 | | |
| 948+900 | MỘ ĐỨC | 8 | 0:37 | 13:52 13:57/SE3 | | |
| 940+420 | HOÀ VINH TÂY | 9 | 00:49 01:14/SE7 | 14:08 | | |
| 927+930 | QUẢNG NGÃI | 14 | 01:30 01:35 | 14:22 14:27 | | |
| 919+520 | ĐẠI LỘC | 9 | 1:46 | 14:38 | | |
| 909+050 | BÌNH SƠN | 8 | 1:56 | 14:48 | | |
| 901+050 | TRỊ BÌNH | 8 | 2:04 | 14:56 | | |
| 890+420 | NÚI THÀNH | 8 | 02:15 02:28/SE11 | 15:07 15:13/SE1 | | |
| 879+450* | DIÊM PHỒ | 11 | 02:44 02:54/SE5 | 15:27 | | |
| 864+670 | TAM KỶ | 14 | 3:10 | 15:41 | | |
| 857+100 | AN MỸ | 7 | 3:18 | 15:49 | | |
| 841+740 | PHÚ CANG | 12 | 3:31 | 16:02 | | |
| 824+770 | TRÀ KIỆU | 13 | 3:45 | 16:16 | | |
| 813+630 | NÔNG SƠN | 9 | 3:55 | 16:26 | | |
| 804+110 | LÊ TRẠCH | 8 | 4:05 | 16:36 | | |
| 792+700 | THANH KHÊ | 15 | 4:20 | 16:51 | | |
| 791+400 | ĐÀ NẴNG | 6 | 04:27 04:42 | 16:58 17:13 | 7:20 | 15:00 |
| 788+300 | THANH KHÊ | 4 | 4:48 | 17:19 | 7:27 | 15:06 |
| 776+880 | KIM LIÊN | 11 | 05:03 05:25/SE9 | 17:32 | 07:42 07:51/SE13 | 15:19 |
| 771+550 | HẢI VÂN NAM | 12 | 5:39 | 17:45 | 8:07 | 15:33 |
| 766+790 | HẢI VÂN | 12 | 5:52 | 17:58 | 8:20 | 15:46 |
| 760+680 | HẢI VÂN BẮC | 14 | 6:08 | 18:14 | 08:38 08:50/HĐ1 | 16:02 |
| 755+410* | LÃNG CÔ | 14 | 6:22 | 18:30 19:30/SE15; SE20v | 09:08 09:18/SE3 | 16:18 17:13/HĐ3; SE24v |
| 741+620 | THỪA LƯU | 22 | 06:46 06:52/TN5 | 19:54 | 9:42 | 17:37 |
| 729+400 | CẦU HAI | 12 | 7:07 | 20:09 20:15/SE7 | 9:56 | 17:51 |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE14 | SE16 | HD2 | HD4 |
|-----------------|------------------|-----|----------------------------------|-----------------------------------|---------------------|---------------------|
| 715+280 | TRUỒI | 13 | 7:21 | 20:31 | 10:12 10:18/SE23 | 18:08 18:14/SE15 |
| 698+700* | HƯƠNG THUYẾT | 14 | 7:36 | 20:46 | 10:38 10:55/SE1 | 18:32 |
| 688+320* | HUẾ | 12 | 07:50 07:56/SE3 | 21:00 21:23/SE11 | 11:10 | 18:47 |
| 678+140 | VĂN XÁ | 12 | 8:10 | 21:37 | | |
| 669+760 | HIỀN SỸ | 8 | 08:21 08:40/SE19 | 21:48 21:54/SE5 | | |
| 659+760 | PHÒ TRẠCH | 8 | 08:54 09:13/SE23 | 22:06 | | |
| 651+670 | MỸ CHÁNH | 8 | 9:24 | 22:15 | | |
| 642+660 | DIÊN SANH | 8 | 09:35 09:47/SE1 | 22:24 | | |
| 633+900* | QUẢNG TRỊ | 8 | 9:57 | 22:33 | | |
| 622+181 | ĐÔNG HÀ | 10 | 10:08 10:11 | 22:45 22:48 | | |
| 609+640 | HÀ THANH | 11 | 10:24 | 23:03 23:19/TN3 | | |
| 598+870 | TIÊN AN | 10 | 10:35 | 23:32 | | |
| 587+680 | SA LUNG | 10 | 10:46 | 23:43 | | |
| 572+160 | THƯỢNG LÂM | 13 | 11:00 | 23:57 | | |
| 565+070* | MỸ TRẠCH | 6 | 11:07 11:10 | 00:05 00:14/SE9 | | |
| 558+890 | PHÚ HOÀ | 6 | 11:19 | 0:22 | | |
| 550+890 | MỸ ĐỨC | 7 | 11:28 11:31 | 0:29 | | |
| 539+150 | LONG ĐẠI | 12 | 11:45 | 0:41 | | |
| 529+040* | LỆ KỶ | 8 | 11:54 | 0:50 | | |
| 521+800 | ĐỒNG HỚI | 9 | 12:03 12:15 | 00:59 01:11 | | |
| 510+700 | PHÚC TỰ | 10 | 12:27 | 1:23 | | |
| 507+600 | HOÀN LÃO | 3 | 12:31 | 01:29 01:42/TN5 | | |
| 498+700 | THỌ LỘC | 8 | 12:40 | 1:53 | | |
| 488+820 | NGÂN SƠN | 12 | 12:52 | 2:05 | | |
| 481+810 | MINH LỆ | 7 | 12:59 | 2:12 | | |
| 467+101 | LỆ SƠN | 14 | 13:13 | 2:26 | | |
| 458+550 | LẠC SƠN | 9 | 13:24 | 2:37 | | |
| 449+570 | NGỌC LÂM | 10 | 13:35 | 2:48 | | |
| 436+330* | ĐỒNG LÊ | 13 | 13:51 13:54 | 03:04 03:20/SE3 | | |
| 425+950* | KIM LỮ | 11 | 14:09 14:20/SE7 | 03:35 03:45/SE19 | | |
| 414+930 | ĐỒNG CHUỐI | 17 | 14:40 | 4:05 | | |
| 408+670 | TÂN ÁP | 7 | 14:48 | 04:14 04:20/SE23 | | |
| 404+350 | LA KHÊ | 5 | 14:53 | 4:27 | | |
| 396+180 | PHÚC TRẠCH | 7 | 15:01 | 4:35 | | |
| 386+180 | HƯƠNG PHỐ | 8 | 15:11 15:30/SE11 | 04:45 05:00/SE1 | | |
| 380+620 | CHU LỄ | 5 | 15:40 16:01/SE5 | 5:08 | | |
| 369+620* | THANH LUYỆN | 10 | 16:14 | 5:19 | | |
| 358+000 | HOÀ DUYỆT | 15 | 16:29 | 5:34 | | |
| 351+496 | YÊN DUỆ | 7 | 16:37 | 5:42 | | |
| 344+750 | ĐỨC LẠC | 6 | 16:44 | 5:49 | | |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE14 | SE16 | HD2 | HD4 |
|----------------|------------------|-----|--------------------|----------------|-----|-----|
| 340+130 | YÊN TRUNG | 5 | 16:51 16:58/TN3 | 05:56 05:59 | | |
| 329+950 | YÊN XUÂN | 9 | 17:09 | 6:11 | | |
| 319+020 | VINH | 11 | 17:22 | 6:25 | | |

3. Khu đoạn Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quy Nhơn – Sài Gòn và ngược lại:

3.1. Các tàu SE21, SE25, SE29:

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE21 | SE25 | SE29 |
|------------------------------------|-------------------|-----|------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|
| 791+400 | ĐÀ NẴNG | | 7:50 | | |
| 792+700 | THANH KHÊ | 6 | 7:57 | | |
| 804+110 | LỆ TRẠCH | 15 | 8:13 | | |
| 813+630 | NÔNG SƠN | 8 | 8:22 | | |
| 824+770 | TRÀ KIỆU | 9 | 08:33 08:36 | | |
| 841+740 | PHÚ CANG | 13 | 8:51 | | |
| 857+100 | AN MỸ | 12 | 9:04 | | |
| 864+670* | TAM KỶ | 7 | 09:14 09:18/TN6 | | |
| 879+450 | DIÊM PHỒ | 14 | 9:34 | | |
| 890+420 | NÚI THÀNH | 11 | 09:47 09:50 | | |
| 901+050 | TRỊ BÌNH | 8 | 10:03 10:09/SE4 | | |
| 909+050 | BÌNH SƠN | 8 | 10:20 | | |
| 919+520 | ĐẠI LỘC | 8 | 10:30 | | |
| 927+930 | QUẢNG NGÃI | 9 | 10:41 10:46 | 7:20 | |
| 940+420 | HOÀ VINH TÂY | 14 | 11:03 11:21/SE2 | 7:35 | |
| 948+900 | MỘ ĐỨC | 9 | 11:32 | 7:45 | |
| 958+700 | THẠCH TRỤ | 8 | 11:41 | 7:55 | |
| 967+680 | ĐỨC PHỒ | 8 | 11:51 11:54 | 08:06 08:09 | |
| 977+100 | THUỶ THẠCH | 9 | 12:05 | 08:23 08:44/SE4 | |
| 990+820 | SA HUỖNH | 12 | 12:18 | 8:58 | |
| 1004+270 | TAM QUAN | 11 | 12:31 | 9:11 | |
| 1017+100 | BÔNG SƠN | 11 | 12:43 12:47/SE16 | 09:23 09:26 | |
| 1032+750 | VẠN PHÚ | 17 | 13:06 | 09:46 09:52/SE2 | |
| 1049+360 | PHÙ MỸ | 14 | 13:21 | 10:09 | |
| 1060+290 | KHÁNH PHƯỚC | 8 | 13:31 | 10:19 | |
| 1070+860 | PHÙ CÁT | 9 | 13:41 | 10:29 | |
| 1084+610 | BÌNH ĐỊNH | 10 | 13:53 | 10:41 | |
| 10+300 | QUY NHƠN | | | | 12:30 |
| 1095+540 (00+000) | DIÊU TRÌ | 10 | 14:05 14:17 | 10:55 11:15/SE16 | 12:55 13:10 |
| 1110+800 | TÂN VINH | 14 | 14:33 | 11:31 | 13:26 |
| 1123+390 | VÂN CANH | 10 | 14:45 | 11:43 | 13:38 |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE21 | SE25 | SE29 |
|------------------|------------------|-----|------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------|
| 1139+390 | PHƯỚC LÃNH | 13 | 14:59 | 11:57 | 13:52 |
| 1154+370 | LA HAI | 13 | 15:14 15:17 | 12:10 | 14:06 14:09 |
| 1170+391 | CHÍ THẠNH | 17 | 15:37 | 12:28 | 14:29 |
| 1183+900 | HOÀ ĐA | 14 | 15:53 16:08/SE8 | 12:42 | 14:43 |
| 1197+520 | TUY HOÀ | 12 | 16:24 16:27 | 12:56 12:59 | 14:56 14:59 |
| 1202+050 | ĐÔNG TÁC | 4 | 16:34 | 13:06 | 15:05 |
| 1210+830 | PHÚ HIỆP | 7 | 16:42 | 13:14 | 15:13 |
| 1220+140* | HẢO SƠN | 8 | 16:51 | 13:23 | 15:23 15:29/SE8 |
| 1232+200 | ĐẠI LÃNH | 14 | 17:08 17:15/SE12 | 13:38 | 15:46 |
| 1241+990 | TU BÔNG | 8 | 17:25 | 13:47 | 15:55 |
| 1254+050 | GIÃ | 10 | 17:37 17:42/SE6 | 13:57 | 16:07 16:10 |
| 1269+500 | HOÀ HUỶNH | 12 | 17:57 | 14:10 | 16:27 16:39/SE12 |
| 1280+560 | NINH HOÀ | 11 | 18:10 18:13 | 14:23 14:29/SE8 | 16:54 17:16/SE6 |
| 1287+300 | PHONG THẠNH | 6 | 18:22 | 14:38 | 17:25 |
| 1302+880A | LƯƠNG SƠN | 13 | 18:38 18:49/SE22 | 14:52 | 17:41 17:47/SE14 |
| 1314+930A | NHA TRANG | 13 | 19:05 19:25 | 15:07 15:32/SE12 | 18:04 18:22/SE22 |
| 1329+050 | CÂY CÀY | 16 | 19:43 | 15:53 16:11/SE6 | 18:41 |
| 1340+540 | HOÀ TÂN | 10 | 19:53 | 16:25 16:33/SE14 | 18:51 |
| 1351+350 | SUỐI CÁT | 10 | 20:04 | 16:48 17:44/SE26; SE22;TN3v | 19:02 |
| 1363+780 | NGÃ BA | 10 | 20:15 | 18:02 18:31/TN4; SE9v | 19:13 |
| 1371+842 | CAM THỊNH ĐÔNG | 9 | 20:24 | 18:43 | 19:22 |
| 1381+330 | KÀ RÔM | 9 | 20:34 | 18:55 | 19:32 |
| 1398+060 | PHƯỚC NHƠN | 13 | 20:48 | 19:09 | 19:48 19:55/SE10 |
| 1407+630 | THÁP CHÀM | 8 | 20:59 21:02 | 19:20 19:44/SE10 | 20:08 20:11 |
| 1419+500 | HOÀ TRINH | 10 | 21:15 | 19:57 | 20:24 |
| 1436+310* | CÀ NÁ | 11 | 21:27 | 20:09 | 20:36 |
| 1446+012 | VĨNH TÂN | 11 | 21:38 | 20:20 | 20:49 21:03/TN6 |
| 1454+690 | VĨNH HẢO | 8 | 21:47 | 20:31 20:55/TN6 | 21:14 |
| 1465+540 | SÔNG L. SÔNG | 9 | 21:57 | 21:07 | 21:24 |
| 1473+231 | PHONG PHÚ | 7 | 22:05 | 21:15 | 21:32 |
| 1484+490 | SÔNG MAO | 9 | 22:17 22:20 | 21:25 | 21:42 |
| 1493+690 | CHÂU HANH | 8 | 22:31 | 21:34 | 21:53 23:14/SE30; SE21;SNT1v |
| 1506+100 | SÔNG LUYỄN | 10 | 22:43 | 21:48 22:14/SE30 | 23:30 00:35/SE4;24;3v |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE21 | SE25 | SE29 |
|------------------|-------------------|-----|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| 1522+710 | LONG THANH | 13 | 22:58 | 22:31 | 0:52 |
| 1532+760 | MA LÂM | 7 | 23:09 23:27/SE4 | 22:40 | 01:03 01:09/SNT2 |
| 1541+437 | HÀM LIÊM | 8 | 23:39 23:45/SE24 | 22:48 | 01:21 01:30/SE2 |
| 1551+150 | BÌNH THUẬN | 8 | 23:57 00:02 | 22:58 23:03 | 01:42 01:47 |
| 1559+114 | HÀM CƯỜNG TÂY | 8 | 0:12 | 23:15 23:21/SE24 | 1:57 |
| 1567+720 | SUỐI VẬN | 8 | 00:23 00:57/SE2 | 23:34 23:56/SNT2 | 02:08 02:17/SE16 |
| 1582+860 | SÔNG PHAN | 16 | 1:15 | 00:16 00:41/SE2 | 2:35 |
| 1595+930 | SÔNG DINH | 13 | 1:29 | 0:57 | 2:49 |
| 1603+100 | SUỐI KIẾT | 6 | 1:37 | 1:05 | 2:57 |
| 1613+510 | GIA HUYNH | 9 | 1:48 | 1:16 | 3:08 |
| 1619+900 | TRẦN TÁO | 6 | 1:55 | 1:23 | 3:15 |
| 1630+870 | GIA RAY | 9 | 2:05 | 1:33 | 3:25 |
| 1639+830 | BẢO CHÁNH | 8 | 2:14 | 1:42 | 3:34 |
| 1649+360* | LONG KHÁNH | 8 | 02:24 02:27 | 1:50 | 03:44 03:47 |
| 1661+320 | DẦU GIẦY | 15 | 2:46 | 2:07 | 4:06 |
| 1669+750 | TRUNG HÒA | 9 | 2:56 | 2:17 | 4:16 |
| 1677+510 | TRĂNG BOM | 10 | 3:06 | 2:27 | 4:26 |
| 1688+040 | HỒ NAI | 10 | 3:17 | 2:38 | 4:37 |
| 1697+480 | BIÊN HOÀ | 9 | 03:29 03:32 | 02:51 02:54 | 04:49 04:52 |
| 1706+710 | DĨ AN | 9 | 03:45 03:48 | 03:07 03:10 | 05:05 05:08 |
| 1710+560 | SÓNG THẦN | 4 | 3:55 | 3:18 | 5:15 |
| 1718+340 | BÌNH TRIỆU | 9 | 4:05 | 3:29 | 5:25 |
| 1722+130 | GÒ VẤP | 5 | 4:11 | 3:36 | 5:31 |
| 1726+200 | SÀI GÒN | 7 | 4:20 | 3:45 | 5:40 |

3.2. Các tàu SE22, SE26, SE30:

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE22 | SE26 | SE30 |
|-----------------|-------------------|-----|----------------|----------------|----------------|
| 1726+200 | SÀI GÒN | | 10:15 | 9:35 | 18:05 |
| 1722+130 | GÒ VẤP | 7 | 10:23 | 9:43 | 18:13 |
| 1718+340 | BÌNH TRIỆU | 5 | 10:28 | 9:48 | 18:18 |
| 1710+560 | SÓNG THẦN | 9 | 10:38 | 9:58 | 18:28 |
| 1706+710 | DĨ AN | 4 | 10:43 10:46 | 10:03 10:06 | 18:33 18:36 |
| 1697+480 | BIÊN HOÀ | 9 | 10:59 11:02 | 10:19 10:22 | 18:48 18:51 |
| 1688+040 | HỒ NAI | 9 | 11:14 | 10:34 | 19:02 |
| 1677+510 | TRĂNG BOM | 10 | 11:24 | 10:44 | 19:12 |
| 1669+750 | TRUNG HÒA | 10 | 11:34 | 10:54 | 19:22 |
| 1661+320 | DẦU GIẦY | 9 | 11:45 | 11:05 | 19:33 |
| 1649+360 | LONG KHÁNH | 15 | 12:02 12:05 | 11:20 | 19:48 |
| 1639+830 | BẢO CHÁNH | 8 | 12:15 | 11:28 | 19:56 |
| 1630+870 | GIA RAY | 8 | 12:24 | 11:37 | 20:05 |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE22 | SE26 | SE30 |
|------------------|-------------------|-----|-----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| 1619+900 | TRẦN TÁO | 9 | 12:34 | 11:47 | 20:15 |
| 1613+510 | GIA HUYNH | 6 | 12:41 | 11:54 | 20:22 |
| 1603+100 | SUỐI KIẾT | 9 | 12:51 | 12:04 | 20:32 |
| 1595+930 | SÔNG DINH | 6 | 12:59 | 12:12 | 20:40 |
| 1582+860 | SÔNG PHAN | 13 | 13:14 13:20/SE7 | 12:27 12:38/SET11 | 20:53 |
| 1567+720 | SUỐI VẬN | 16 | 13:39 | 12:58 13:04/SE7 | 21:09 |
| 1559+114 | HÀM CƯỜNG TÂY | 8 | 13:50 13:56/SE15 | 13:17 13:28/SPT1 | 21:18 |
| 1551+150 | BÌNH THUẬN | 8 | 14:08 14:13 | 13:40 13:45 | 21:27 21:32 |
| 1541+437 | HÀM LIÊM | 8 | 14:23 | 13:55 | 21:41 |
| 1532+760 | MA LÂM | 8 | 14:31 | 14:03 | 21:49 |
| 1522+710 | LONG THANH | 7 | 14:41 14:48/SE5 | 14:11 | 21:57 |
| 1506+100 | SÔNG LUYỄN | 13 | 15:04 | 14:27 14:33/SE5 | 22:11 |
| 1493+690 | CHÂU HANH | 10 | 15:15 | 14:46 | 22:24 22:33/SE21 |
| 1484+490 | SÔNG MAO | 8 | 15:25 15:28 | 14:56 15:02/SE11 | 22:45 22:52/SNT1 |
| 1473+231 | PHONG PHÚ | 9 | 15:40 | 15:14 | 23:04 |
| 1465+540 | SÔNG L. SÔNG | 7 | 15:49 | 15:23 | 23:15 23:21/SE3 |
| 1454+690* | VĨNH HẢO | 9 | 15:58 | 15:32 | 23:32 |
| 1446+012 | VĨNH TÂN | 8 | 16:06 | 15:40 | 23:40 |
| 1436+310 | CÀ NÁ | 11 | 16:17 | 15:51 | 23:51 |
| 1419+500 | HOÀ TRINH | 11 | 16:31 | 16:05 | 00:07 00:17/SE1 |
| 1407+630 | THÁP CHÀM | 10 | 16:43 16:46 | 16:15 | 0:29 |
| 1398+060 | PHƯỚC NHƠN | 8 | 16:57 | 16:24 | 0:38 |
| 1381+330 | KÀ RÔM | 13 | 17:11 | 16:38 | 0:52 |
| 1371+842 | CAM THỊNH ĐÔNG | 9 | 17:21 | 16:48 | 1:02 |
| 1363+780 | NGÃ BA | 9 | 17:30 | 16:57 | 1:12 |
| 1351+350 | SUỐI CÁT | 10 | 17:41 | 17:10 17:16/TN3 | 1:25 |
| 1340+540 | HOÀ TÂN | 10 | 17:52 | 17:31 18:06/SE9;22v | 1:36 |
| 1329+050A | CÂY CÀY | 10 | 18:03 | 18:21 18:44/SE29 | 1:47 |
| 1314+930A | NHA TRANG | 16 | 18:19 18:28/SE29 | 19:02 19:09 | 02:03 02:10 |
| 1302+880 | LƯƠNG SƠN | 15 | 18:47 | 19:31 19:38/SE13 | 2:30 |
| 1287+300 | PHONG THANH | 15 | 19:02 | 19:57 20:02/SE3 | 2:45 |
| 1280+560 | NINH HOÀ | 6 | 19:10 19:15/SE13 | 20:13 20:16 | 02:54 02:57 |
| 1269+500 | HOÀ HUYNH | 11 | 19:30 19:43/SE3 | 20:29 | 3:10 |
| 1254+050 | GIÃ | 12 | 19:57 20:01/TN5 | 20:41 | 03:24 03:27 |
| 1241+990 | TU BÔNG | 10 | 20:14 | 20:52 | 3:40 |
| 1232+200* | ĐẠI LÃNH | 8 | 20:23 | 21:03 21:09/SE1 | 3:49 |
| 1220+140 | HẢO SƠN | 14 | 20:40 20:54/SE1 | 21:26 | 4:04 |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SE22 | SE26 | SE30 |
|------------------------------|-------------------|-----|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| 1210+830 | PHÚ HIỆP | 8 | 21:05 | 21:35 | 4:13 |
| 1202+050 | ĐÔNG TÁC | 7 | 21:14 | 21:43 | 4:21 |
| 1197+520 | TUY HOÀ | 4 | 21:21 21:24 | 21:49 21:52 | 04:27 04:30 |
| 1183+900 | HOÀ ĐA | 12 | 21:41 | 22:09 22:16/SE23 | 4:45 |
| 1170+391 | CHÍ THẠNH | 14 | 21:55 | 22:32 | 05:01 05:43/SE7;4v |
| 1154+370 | LA HAI | 17 | 22:15 22:18 | 22:50 | 06:05 06:08 |
| 1139+390 | PHƯỚC LÃNH | 13 | 22:33 | 23:03 | 6:23 |
| 1123+390 | VÂN CANH | 13 | 22:47 | 23:17 | 6:40 |
| 1110+800 | TÂN VINH | 10 | 22:59 | 23:29 | 06:54 07:08/SE5 |
| 1095+540 (00+000) | DIÊU TRÌ | 14 | 23:14 23:26 | 23:44 23:56 | 07:26 07:41 |
| 10+300 | QUY NHƠN | | | | 8:06 |
| 1084+610 | BÌNH ĐỊNH | 10 | 23:38 | 0:08 | |
| 1070+860 | PHÙ CÁT | 10 | 23:49 | 0:19 | |
| 1060+290 | KHÁNH PHƯỚC | 9 | 23:58 | 0:28 | |
| 1049+360 | PHÙ MỸ | 8 | 0:07 | 0:37 | |
| 1032+750 | VẠN PHÚ | 14 | 0:22 | 0:52 | |
| 1017+100 | BÔNG SƠN | 17 | 00:41 00:44 | 01:10 01:19/SE15 | |
| 1004+270 | TAM QUAN | 11 | 0:57 | 1:32 | |
| 990+820 | SA HUỖNH | 11 | 1:10 | 01:47 02:04/SE7 | |
| 977+100 | THUYẾT THẠCH | 12 | 1:23 | 2:19 | |
| 967+680 | ĐỨC PHỒ | 9 | 01:34 01:41/SE7 | 02:30 02:33 | |
| 958+700 | THẠCH TRỤ | 8 | 1:52 | 2:44 | |
| 948+900 | MỘ ĐỨC | 8 | 2:01 | 2:53 | |
| 940+420 | HOÀ VINH TÂY | 9 | 2:11 | 03:05 04:10/SE11;5;TN4v | |
| 927+930 | QUẢNG NGÃI | 14 | 02:25 02:30 | 4:27 | |
| 919+520 | ĐẠI LỘC | 9 | 02:43 02:56/SE11 | | |
| 909+050 | BÌNH SƠN | 8 | 3:08 | | |
| 901+050 | TRỊ BÌNH | 8 | 3:16 | | |
| 890+420 | NÚI THÀNH | 8 | 03:27 03:30 | | |
| 879+450* | DIÊM PHỒ | 11 | 3:44 | | |
| 864+670 | TAM KỶ | 14 | 04:00 04:03 | | |
| 857+100 | AN MỸ | 7 | 4:13 | | |
| 841+740 | PHÚ CANG | 12 | 4:26 | | |
| 824+770 | TRÀ KIỆU | 13 | 04:42 04:45 | | |
| 813+630 | NÔNG SƠN | 9 | 4:57 | | |
| 804+110 | LỆ TRẠCH | 8 | 5:07 | | |
| 792+700 | THANH KHÊ | 15 | 5:22 | | |
| 791+400 | ĐÀ NẰNG | 6 | 5:30 | | |

4. Khu đoạn Nha Trang, Phan Thiết – Sài Gòn và ngược lại:

4.1. Các tàu SNT1, SNT11, SPT1, 7501:

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SNT1 | SNT11 | SPT1 |
|------------------------------|-------------------|-----|-----------------------------|-----------------------------|------------------------|
| 1314+930A | NHA TRANG | | 19:55 | 7:25 | |
| 1329+050 | CÂY CÂY | 16 | 20:11 | 7:41 | |
| 1340+540 | HOÀ TÂN | 10 | 20:21 | 7:51 | |
| 1351+350 | SUỐI CÁT | 10 | 20:32 | 8:02 | |
| 1363+780 | NGÃ BA | 10 | 20:43 | 8:13 | |
| 1371+842 | CAM THỊNH ĐÔNG | 9 | 20:52 | 8:22 | |
| 1381+330 | KÀ RÔM | 9 | 21:02 | 8:32 | |
| 1398+060 | PHƯỚC NHƠN | 13 | 21:16 | 8:46 | |
| 1407+630 | THÁP CHÀM | 8 | 21:26 21:29 | 08:57 09:00 | |
| 1419+500 | HOÀ TRINH | 10 | 21:43 21:48/TN6 | 9:13 | |
| 1436+310* | CÀ NÁ | 11 | 22:02 | 9:25 | |
| 1446+012 | VĨNH TÂN | 11 | 22:13 | 9:36 | |
| 1454+690 | VĨNH HẢO | 8 | 22:22 | 9:45 | |
| 1465+540 | SÔNG L. SÔNG | 9 | 22:32 | 9:55 | |
| 1473+231 | PHONG PHÚ | 7 | 22:40 | 10:03 | |
| 1484+490 | SÔNG MAO | 9 | 22:50 | 10:13 | |
| 1493+690 | CHÂU HANH | 8 | 22:59 | 10:24 10:31/SE8 | |
| 1506+100 | SÔNG LUYỄN | 10 | 23:11 | 10:45 | |
| 1522+710 | LONG THẠNH | 13 | 23:28 23:34/SE4 | 11:00 | |
| 1532+760 | MA LÂM | 7 | 23:47 23:53/SE24 | 11:09 | |
| 1541+437 | HÀM LIÊM | 8 | 0:03 | 11:17 | |
| 09+588 | PHAN THIẾT | | | | 13:00 |
| 1551+150 (00+000) | BÌNH THUẬN | 8 | 00:13 00:29/SNT2 | 11:27 11:33/SE12 | 13:10 13:15 |
| 1559+114 | HÀM CƯỜNG TÂY | 8 | 00:41 01:06/SE2 | 11:45 11:57/SE14 | 13:25 |
| 1567+720 | SUỐI VẬN | 8 | 1:18 | 12:10 12:18/SE6 | 13:36 13:42/SE22 |
| 1582+860 | SÔNG PHAN | 16 | 1:35 | 12:36 | 14:02 14:07/TN4 |
| 1595+930 | SÔNG DINH | 13 | 1:50 | 12:52 13:02/SE22 | 14:23 |
| 1603+100 | SUỐI KIẾT | 6 | 1:59 | 13:14 13:53/TN4;SE7v | 14:33 14:36 |
| 1613+510 | GIA HUYNH | 9 | 2:11 | 14:06 | 14:49 |
| 1619+900 | TRẦN TÁO | 6 | 2:19 | 14:13 | 14:56 |
| 1630+870 | GIA RAY | 9 | 2:30 | 14:23 | 15:06 |
| 1639+830 | BẢO CHÁNH | 8 | 2:40 | 14:32 | 15:17 15:27/SE10 |
| 1649+360* | LONG KHÁNH | 8 | 2:49 | 14:42 15:16/SE10 | 15:38 15:41 |
| 1661+320 | DẦU GIẦY | 15 | 3:06 | 15:35 | 16:00 |
| 1669+750 | TRUNG HÒA | 9 | 3:16 | 15:45 | 16:10 |
| 1677+510 | TRĂNG BOM | 10 | 3:26 | 15:55 | 16:20 |
| 1688+040 | HỒ NAI | 10 | 3:37 | 16:06 | 16:33 16:42/TN6 |
| 1697+480 | BIÊN HOÀ | 9 | 03:49 03:52 | 16:18 16:29/TN6 | 16:56 16:59 |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SNT1 | SNT11 | SPT1 |
|-----------------|----------------|-----|----------------|----------------|----------------|
| 1706+710 | DĨ AN | 9 | 04:05 04:08 | 16:42 16:45 | 17:12 17:15 |
| 1710+560 | SÓNG THẦN | 4 | 4:15 | 16:53 | 17:23 |
| 1718+340 | BÌNH TRIỆU | 9 | 4:25 | 17:04 | 17:34 |
| 1722+130 | GÒ VẤP | 5 | 4:31 | 17:11 | 17:41 |
| 1726+200 | SÀI GÒN | 7 | 4:40 | 17:20 | 17:50 |

* Tàu 7501 xuất phát ga Nha Trang khoảng 07h25', đến ga Sài Gòn khoảng 17h30' cùng ngày.

4.2. Các tàu SNT2, SNT12, SPT2, 7502:

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SNT2 | SNT12 | SPT2 |
|------------------------------|-------------------|-----|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| 1726+200 | SÀI GÒN | | 20:30 | 22:20 | 6:40 |
| 1722+130 | GÒ VẤP | 7 | 20:38 | 22:28 | 6:48 |
| 1718+340 | BÌNH TRIỆU | 5 | 20:43 | 22:33 | 6:53 |
| 1710+560 | SÓNG THẦN | 9 | 20:53 | 22:43 | 7:03 |
| 1706+710 | DĨ AN | 4 | 20:59 21:02 | 22:49 22:52 | 07:09 07:12 |
| 1697+480 | BIÊN HOÀ | 9 | 21:15 21:18 | 23:05 23:08 | 07:25 07:29/TN5 |
| 1688+040 | HỒ NAI | 9 | 21:30 | 23:20 | 7:41 |
| 1677+510 | TRĂNG BOM | 10 | 21:40 | 23:30 | 7:51 |
| 1669+750 | TRUNG HÒA | 10 | 21:50 | 23:40 | 8:01 |
| 1661+320 | DẦU GIẦY | 9 | 22:01 | 23:51 | 8:12 |
| 1649+360 | LONG KHÁNH | 15 | 22:16 | 0:06 | 08:29 08:32 |
| 1639+830 | BẢO CHÁNH | 8 | 22:24 | 0:14 | 8:42 |
| 1630+870 | GIA RAY | 8 | 22:33 | 0:23 | 8:51 |
| 1619+900 | TRẦN TÁO | 9 | 22:43 | 0:33 | 9:01 |
| 1613+510 | GIA HUYNH | 6 | 22:50 | 0:40 | 9:08 |
| 1603+100 | SUỐI KIẾT | 9 | 23:00 | 00:52 01:08/SE25 | 09:20 09:23 |
| 1595+930 | SÔNG DINH | 6 | 23:09 23:14/TN3 | 01:20 02:12/SNT1;SE3;21 | 9:34 |
| 1582+860 | SÔNG PHAN | 13 | 23:30 23:35/SE9 | 02:29 02:38/SE29 | 9:48 |
| 1567+720 | SUỐI VẬN | 16 | 23:53 | 02:58 03:25/SE1;13 | 10:04 |
| 1559+114 | HÀM CƯỜNG TÂY | 8 | 00:04 00:15/SE21 | 3:35 | 10:14 |
| 1551+150 (00+000) | BÌNH THUẬN | 8 | 00:27 00:32 | 03:44 03:49 | 10:25 10:30 |
| 09+588 | PHAN THIẾT | | | | 10:40 |
| 1541+437 | HÀM LIÊM | 8 | 00:44 00:52/SE3 | 04:00 04:05/TN5 | |
| 1532+760 | MA LÂM | 8 | 1:06 | 4:15 | |
| 1522+710 | LONG THẠNH | 7 | 01:16 02:16/SE15;1;2v | 4:23 | |
| 1506+100 | SÔNG LỮ | 13 | 2:32 | 4:37 | |
| 1493+690 | CHÂU HẠNH | 10 | 2:43 | 04:49 04:54/SE23 | |
| 1484+490 | SÔNG MAO | 8 | 2:51 | 5:04 | |
| 1473+231 | PHONG PHÚ | 9 | 3:01 | 5:14 | |
| 1465+540 | SÔNG L. SÔNG | 7 | 3:10 | 5:23 | |
| 1454+690* | VĨNH HẢO | 9 | 3:19 | 5:32 | |
| 1446+012 | VĨNH TÂN | 8 | 3:27 | 5:40 | |

| LÝ TRÌNH | TÊN GA | Tcf | SNT2 | SNT12 | SPT2 |
|------------------|------------------|-----|---------------------|----------------------|------|
| 1436+310 | CÀ NÁ | 11 | 03:40 03:53/SE23 | 5:51 | |
| 1419+500 | HOÀ TRINH | 11 | 4:08 | 6:05 | |
| 1407+630 | THÁP CHÀM | 10 | 04:19 04:22 | 06:16 06:19 | |
| 1398+060 | PHƯỚC NHƠN | 8 | 4:33 | 6:30 | |
| 1381+330 | KÀ RÔM | 13 | 4:47 | 6:44 | |
| 1371+842 | CAM THỊNH ĐÔNG | 9 | 4:57 | 6:54 | |
| 1363+780 | NGÃ BA | 9 | 5:06 | 7:03 | |
| 1351+350 | SUỐI CÁT | 10 | 5:17 | 7:14 | |
| 1340+540 | HOÀ TÂN | 10 | 5:28 | 7:25 | |
| 1329+050A | CÂY CÀY | 10 | 5:39 | 07:38 07:44/SNT11 | |
| 1314+930A | NHA TRANG | 16 | 5:55 | 8:02 | |

* Tàu 7502 xuất phát ga Sài Gòn khoảng 07h10', đến ga Nha Trang khoảng 18h00' cùng ngày.

PHỤ LỤC II: THỜI GIAN CHẠY KỸ THUẬT KHU GIAN (Tcf) TÀU HÀNG

| Chiều lẻ: Giáp Bát - Sóng Thần | | | | | | Chiều chẵn: Sóng Thần - Giáp Bát | | | | | |
|--------------------------------|------------------|-----|-----|-----|-----|----------------------------------|-------------------|-----|-----|-----|-----|
| Lý trình | Tên ga | V80 | V70 | V60 | V50 | Lý trình | Tên ga | V80 | V70 | V60 | V50 |
| 05+180 | Giáp Bát | | | | | 1710+560 | Sóng Thần | | | | |
| 08+930 | Văn Điền | 5 | 6 | 6 | 6 | 1706+710 | Dĩ An | 5 | 6 | 6 | 7 |
| 17+400 | Thường Tín | 10 | 11 | 11 | 12 | 1697+480 | Biên Hoà | 9 | 12 | 12 | 13 |
| 25+500 | Chợ Tía | 8 | 9 | 10 | 11 | 1688+040 | Hố Nai | 9 | 15 | 15 | 15 |
| 33+340 | Phú Xuyên | 9 | 10 | 11 | 13 | 1677+510 | Trảng Bom | 11 | 16 | 16 | 16 |
| 44+670 | Đồng Văn | 11 | 14 | 14 | 16 | 1669+750 | Trung Hòa | 10 | 12 | 12 | 12 |
| 55+860 | Phủ Lý | 11 | 13 | 14 | 15 | 1661+320 | Dầu Giây | 10 | 13 | 13 | 13 |
| 66+540 | Bình Lục | 12 | 14 | 14 | 15 | 1649+360 | Long Khánh | 15 | 18 | 18 | 18 |
| 72+910 | Cầu Hộ | 6 | 7 | 8 | 9 | 1639+830 | Báo Chánh | 8 | 13 | 14 | 14 |
| 81+000 | Đặng Xá | 8 | 9 | 10 | 11 | 1630+870 | Gia Ray | 9 | 10 | 12 | 13 |
| 88+000 | Nam Định | 8 | 9 | 9 | 10 | 1619+900 | Trần Táo | 9 | 12 | 14 | 15 |
| 93+315 | Trình Xuyên | 6 | 7 | 8 | 9 | 1613+510 | Gia Huynh | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 100+800 | Núi Gôi | 7 | 8 | 9 | 10 | 1603+100 | Suối Kiết | 9 | 12 | 14 | 14 |
| 107+620 | Cát Đằng | 9 | 10 | 10 | 10 | 1595+930 | Sông Dinh | 7 | 9 | 10 | 10 |
| 115+775 | Ninh Bình | 8 | 10 | 11 | 12 | 1582+860 | Sông Phan | 13 | 15 | 17 | 18 |
| 120+350 | Cầu Yên | 5 | 7 | 7 | 8 | 1567+720 | Suối Vện | 16 | 17 | 19 | 21 |
| 125+040 | Ghềnh | 6 | 7 | 7 | 7 | 1559+110 | Hàm C. Tây | 9 | 11 | 11 | 12 |
| 133+740 | Đồng Giao | 12 | 20 | 20 | 23 | 1551+150 | Bình Thuận | 8 | 9 | 9 | 11 |
| 141+500 | Bím Sơn | 8 | 13 | 13 | 14 | 1541+550 | Hàm Liên | 9 | 11 | 12 | 13 |
| 152+300 | Đò Lèn | 10 | 14 | 14 | 15 | 1532+845 | Ma Lâm | 8 | 9 | 10 | 12 |
| 161+500 | Nghĩa Trang | 8 | 11 | 12 | 14 | 1522+615 | Long Thạnh | 9 | 14 | 15 | 16 |
| 175+230 | Thanh Hóa | 14 | 17 | 17 | 19 | 1506+100 | Sông Lũy | 13 | 17 | 20 | 22 |
| 187+470 | Yên Thái | 11 | 14 | 16 | 17 | 1493+690 | Châu Hanh | 11 | 14 | 16 | 17 |
| 196+900 | Minh Khôi | 8 | 10 | 12 | 13 | 1484+490 | Sông Mao | 8 | 11 | 12 | 13 |
| 207+000 | Thị Long | 9 | 12 | 13 | 14 | 1473+230 | Phong Phú | 9 | 9 | 10 | 11 |
| 219+000 | Văn Trai | 10 | 13 | 15 | 16 | 1465+540 | Sông L Sông | 8 | 12 | 12 | 14 |
| 228+950 | Khoa Trường | 8 | 11 | 12 | 14 | 1454+917 | Vĩnh Hào | 9 | 12 | 13 | 15 |
| 237+790 | Trường Lâm | 8 | 10 | 12 | 13 | 1446+010 | Vĩnh Tân | 8 | 9 | 10 | 12 |
| 245+440 | Hoàng Mai | 7 | 9 | 10 | 11 | 1436+310 | Cà Ná | 11 | 11 | 12 | 13 |

| Chiều lẻ: Giáp Bát - Sóng Thần | | | | | | Chiều chẵn: Sóng Thần - Giáp Bát | | | | | |
|--------------------------------|-----------------|-----|-----|-----|-----|----------------------------------|-------------------|-----|-----|-----|-----|
| Lý trình | Tên ga | V80 | V70 | V60 | V50 | Lý trình | Tên ga | V80 | V70 | V60 | V50 |
| 260+960 | Cầu Giát | 14 | 18 | 19 | 21 | 1419+500 | Hoà Trinh | 14 | 20 | 21 | 23 |
| 271+600 | Yên Lý | 9 | 12 | 14 | 15 | 1407+630 | Tháp Chàm | 10 | 14 | 15 | 16 |
| 279+000 | Chợ Sy | 7 | 9 | 10 | 10 | 1398+060 | Phước Nhơn | 8 | 12 | 12 | 13 |
| 291+610 | Mỹ Lý | 11 | 15 | 16 | 18 | 1381+930 | Cà Rôm | 14 | 18 | 20 | 22 |
| 308+210 | Quán Hành | 16 | 19 | 20 | 22 | 1371+840 | Cam T. Đông | 9 | 11 | 12 | 13 |
| 319+020 | Vinh | 10 | 12 | 14 | 15 | 1363+780 | Ngã Ba | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 329+950 | Yên Xuân | 12 | 13 | 14 | 15 | 1351+350 | Suốt Cát | 10 | 15 | 16 | 18 |
| 340+130 | Yên Trung | 9 | 11 | 13 | 14 | 1340+540 | Hoà Tân | 10 | 12 | 14 | 15 |
| 344+750 | Đức Lạc | 5 | 6 | 6 | 7 | 1329+050 | Cây Cày | 10 | 15 | 15 | 16 |
| 351+496 | Yên Duệ | 7 | 9 | 9 | 10 | 1314+930 | Nha Trang | 17 | 20 | 20 | 21 |
| 358+000 | Hoà Duyệt | 7 | 8 | 9 | 10 | 1302+880 | Lương Sơn | 15 | 24 | 24 | 24 |
| 369+620 | Thanh Luyện | 15 | 16 | 17 | 18 | 1287+300 | Phong Thạnh | 15 | 18 | 20 | 21 |
| 380+620 | Chu Lễ | 10 | 13 | 14 | 15 | 1280+560 | Ninh Hoà | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 386+180 | Hương Phố | 5 | 7 | 7 | 8 | 1269+500 | Hoà Huỳnh | 11 | 14 | 14 | 16 |
| 396+180 | Phúc Trạch | 9 | 12 | 13 | 15 | 1254+050 | Giã | 13 | 17 | 20 | 21 |
| 404+350 | La Khê | 7 | 10 | 11 | 12 | 1241+990 | Tu Bông | 10 | 13 | 16 | 17 |
| 408+670 | Tân Ấp | 5 | 6 | 6 | 6 | 1232+200 | Đại Lãnh | 9 | 11 | 13 | 14 |
| 414+930 | Đồng Chuối | 9 | 14 | 14 | 17 | 1220+140 | Hảo Sơn | 14 | 18 | 18 | 18 |
| 425+950 | Kim Lũ | 17 | 25 | 25 | 28 | 1210+830 | Phú Hiệp | 8 | 11 | 13 | 13 |
| 436+330 | Đồng Lê | 11 | 13 | 13 | 15 | 1202+050 | Đồng Tác | 9 | 11 | 12 | 12 |
| 449+570 | Ngọc Lâm | 13 | 16 | 17 | 18 | 1197+520 | Tuy Hoà | 5 | 6 | 6 | 6 |
| 458+550 | Lạc Sơn | 10 | 13 | 13 | 14 | 1183+900 | Hoà Đa | 12 | 15 | 16 | 19 |
| 467+101 | Lệ Sơn | 9 | 12 | 12 | 13 | 1170+391 | Chí Thạnh | 14 | 14 | 16 | 19 |
| 481+810 | Minh Lệ | 14 | 19 | 20 | 21 | 1154+370 | La Hai | 17 | 21 | 21 | 23 |
| 488+820 | Ngân Sơn | 7 | 9 | 9 | 10 | 1139+390 | Phước Lãnh | 13 | 18 | 18 | 20 |
| 498+700 | Thọ Lộc | 12 | 13 | 13 | 14 | 1123+390 | Vân Canh | 13 | 18 | 20 | 22 |
| 507+600 | Hoàn Lão | 8 | 10 | 11 | 13 | 1110+800 | Tân Vinh | 11 | 14 | 16 | 18 |
| 510+700 | Phúc Tự | 3 | 4 | 4 | 5 | 1095+540 | Diêu Trì | 14 | 17 | 19 | 21 |
| 521+800 | Đồng Hới | 10 | 14 | 14 | 15 | 1084+610 | Bình Định | 11 | 14 | 14 | 16 |
| 529+040 | Lệ Kỳ | 9 | 9 | 9 | 10 | 1070+860 | Phù Cát | 12 | 15 | 17 | 19 |
| 539+150 | Long Đại | 9 | 12 | 14 | 15 | 1060+290 | Khánh Phước | 9 | 11 | 14 | 15 |
| 550+890 | Mỹ Đức | 12 | 16 | 17 | 18 | 1049+360 | Phù Mỹ | 10 | 12 | 14 | 15 |
| 558+466 | Phú Hòa | 7 | 9 | 9 | 11 | 1032+750 | Vạn Phú | 15 | 20 | 21 | 22 |
| 565+070 | Mỹ Trạch | 7 | 8 | 9 | 10 | 1017+100 | Bồng Sơn | 17 | 20 | 20 | 22 |
| 572+160 | Thượng Lâm | 6 | 9 | 9 | 10 | 1004+270 | Tam Quan | 12 | 14 | 16 | 18 |
| 587+680 | Sa Lung | 13 | 18 | 20 | 21 | 990+820 | Sa Huỳnh | 12 | 15 | 17 | 19 |
| 598+870 | Tiên An | 10 | 12 | 14 | 15 | 977+100 | Thủy Thạch | 12 | 15 | 17 | 19 |
| 609+640 | Hà Thanh | 10 | 13 | 14 | 15 | 967+680 | Đức Phổ | 9 | 10 | 12 | 13 |
| 622+181 | Đồng Hà | 12 | 13 | 15 | 18 | 958+700 | Thạch Trụ | 8 | 10 | 12 | 13 |
| 633+900 | Quảng Trị | 12 | 14 | 14 | 16 | 948+900 | Mộ Đức | 9 | 10 | 13 | 14 |
| 642+660 | Diên Sanh | 9 | 9 | 11 | 13 | 940+420 | Hoà V. Tây | 9 | 11 | 11 | 12 |
| 651+670 | Mỹ Chánh | 8 | 9 | 11 | 13 | 927+930 | Quảng Ngãi | 14 | 15 | 16 | 17 |
| 659+760 | Phò Trạch | 8 | 9 | 10 | 11 | 919+520 | Đại Lộc | 9 | 11 | 11 | 12 |
| 669+760 | Hiên Sỹ | 10 | 14 | 14 | 15 | 909+050 | Bình Sơn | 9 | 12 | 14 | 15 |
| 678+140 | Văn Xá | 9 | 11 | 11 | 12 | 901+050 | Trị Bình | 8 | 11 | 11 | 12 |
| 688+320 | Huế | 12 | 16 | 16 | 17 | 890+420 | Núi Thành | 9 | 13 | 14 | 15 |
| 698+700 | Hương Thủy | 13 | 15 | 15 | 16 | 879+450 | Diên Phố | 12 | 13 | 15 | 16 |
| 715+280 | Truồi | 14 | 18 | 20 | 22 | 864+670 | Tam Kỳ | 14 | 17 | 18 | 20 |
| 729+400 | Cầu Hai | 14 | 18 | 18 | 19 | 857+100 | An Mỹ | 7 | 9 | 10 | 11 |

| Chiều lẻ: Giáp Bát - Sóng Thần | | | | | | Chiều chẵn: Sóng Thần - Giáp Bát | | | | | |
|--------------------------------|-------------------|-----|-----|-----|-----|----------------------------------|-----------------|-----|-----|-----|-----|
| Lý trình | Tên ga | V80 | V70 | V60 | V50 | Lý trình | Tên ga | V80 | V70 | V60 | V50 |
| 741+620 | Thừa Lưu | 13 | 15 | 15 | 17 | 841+740 | Phú Càng | 13 | 18 | 19 | 21 |
| 755+410 | Lăng Cô | 23 | 26 | 26 | 26 | 824+770 | Trà Kiệu | 15 | 18 | 21 | 23 |
| 760+680 | Hải Vân Bắc | 13 | 23 | 23 | 23 | 813+630 | Nông Sơn | 9 | 12 | 14 | 16 |
| 766+790 | Hải Vân | 13 | 25 | 25 | 25 | 804+110 | Lệ Trạch | 9 | 12 | 12 | 13 |
| 771+550 | Hải Vân Nam | 13 | 13 | 13 | 13 | 792+700 | Thanh Khê | 14 | 14 | 15 | 16 |
| 776+880 | Kim Liên | 14 | 14 | 14 | 14 | 776+880 | Kim Liên | 12 | 17 | 17 | 18 |
| 788+300 | Thanh Khê | 11 | 15 | 15 | 16 | 771+550 | Hải Vân Nam | 14 | 21 | 21 | 21 |
| 804+110 | Lệ Trạch | 14 | 14 | 15 | 16 | 766+790 | Hải Vân | 14 | 21 | 21 | 21 |
| 813+630 | Nông Sơn | 10 | 12 | 12 | 13 | 760+680 | Hải Vân Bắc | 14 | 18 | 18 | 18 |
| 824+770 | Trà Kiệu | 10 | 12 | 14 | 16 | 755+410 | Lăng Cô | 14 | 18 | 18 | 18 |
| 841+740 | Phú Càng | 15 | 18 | 21 | 23 | 741+620 | Thừa Lưu | 23 | 27 | 27 | 27 |
| 857+100 | An Mỹ | 13 | 18 | 19 | 21 | 729+400 | Cầu Hai | 13 | 15 | 15 | 17 |
| 864+670 | Tam Kỳ | 8 | 9 | 10 | 11 | 715+280 | Truồi | 14 | 18 | 18 | 19 |
| 879+450 | Diên Phố | 14 | 17 | 18 | 20 | 698+700 | Hương Thủy | 14 | 18 | 20 | 22 |
| 890+420 | Núi Thành | 12 | 13 | 15 | 16 | 688+320 | Huế | 13 | 15 | 15 | 16 |
| 901+050 | Trị Bình | 11 | 13 | 14 | 15 | 678+140 | Văn Xá | 12 | 16 | 16 | 17 |
| 909+050 | Bình Sơn | 8 | 11 | 11 | 12 | 669+760 | Hiền Sỹ | 9 | 11 | 11 | 12 |
| 919+520 | Đại Lộc | 9 | 12 | 14 | 15 | 659+760 | Phò Trạch | 10 | 14 | 14 | 15 |
| 927+930 | Quảng Ngãi | 9 | 11 | 11 | 12 | 651+670 | Mỹ Chánh | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 940+420 | Hoà Vinh Tây | 14 | 15 | 16 | 17 | 642+660 | Diên Sanh | 8 | 9 | 11 | 13 |
| 948+900 | Mộ Đức | 9 | 11 | 11 | 12 | 633+900 | Quảng Trị | 9 | 9 | 11 | 13 |
| 958+700 | Thạch Trụ | 9 | 10 | 13 | 14 | 622+181 | Đông Hà | 12 | 14 | 14 | 16 |
| 967+680 | Đức Phố | 8 | 10 | 12 | 13 | 609+640 | Hà Thanh | 12 | 13 | 15 | 18 |
| 977+100 | Thủy Thạch | 9 | 10 | 12 | 13 | 598+870 | Tiên An | 10 | 13 | 14 | 15 |
| 990+820 | Sa Huỳnh | 12 | 15 | 17 | 19 | 587+680 | Sa Lung | 10 | 12 | 14 | 15 |
| 1004+270 | Tam Quan | 12 | 15 | 17 | 19 | 572+160 | Thượng Lâm | 13 | 18 | 20 | 21 |
| 1017+100 | Bồng Sơn | 12 | 14 | 16 | 18 | 565+070 | Mỹ Trạch | 6 | 9 | 9 | 10 |
| 1032+750 | Vạn Phú | 17 | 20 | 20 | 22 | 558+466 | Phú Hòa | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 1049+360 | Phù Mỹ | 15 | 20 | 21 | 22 | 550+890 | Mỹ Đức | 7 | 9 | 9 | 11 |
| 1060+290 | Khánh Phước | 10 | 12 | 14 | 15 | 539+150 | Long Đại | 12 | 16 | 17 | 18 |
| 1070+860 | Phù Cát | 9 | 11 | 14 | 15 | 529+040 | Lệ Kỳ | 9 | 12 | 14 | 15 |
| 1084+610 | Bình Định | 12 | 15 | 17 | 19 | 521+800 | Đồng Hới | 9 | 9 | 9 | 10 |
| 1095+540 | Diêu Trì | 11 | 14 | 14 | 16 | 510+700 | Phúc Tự | 10 | 14 | 14 | 15 |
| 1110+800 | Tân Vinh | 14 | 17 | 19 | 21 | 507+600 | Hoàn Lão | 3 | 4 | 4 | 5 |
| 1123+390 | Vân Canh | 11 | 14 | 16 | 18 | 498+700 | Thọ Lộc | 8 | 10 | 11 | 13 |
| 1139+390 | Phước Lãnh | 13 | 18 | 20 | 22 | 488+820 | Ngân Sơn | 12 | 13 | 13 | 14 |
| 1154+370 | La Hai | 13 | 18 | 18 | 20 | 481+810 | Minh Lệ | 7 | 9 | 9 | 10 |
| 1170+391 | Chí Thạnh | 17 | 21 | 21 | 23 | 467+101 | Lệ Sơn | 14 | 19 | 20 | 21 |
| 1183+900 | Hoà Đa | 14 | 14 | 16 | 19 | 458+550 | Lạc Sơn | 9 | 12 | 12 | 13 |
| 1197+520 | Tuy Hoà | 12 | 15 | 16 | 19 | 449+570 | Ngọc Lâm | 10 | 13 | 13 | 14 |
| 1202+050 | Đông Tác | 5 | 6 | 6 | 6 | 436+330 | Đồng Lê | 13 | 16 | 17 | 18 |
| 1210+830 | Phú Hiệp | 8 | 11 | 12 | 12 | 425+950 | Kim Lũ | 11 | 17 | 17 | 17 |
| 1220+140 | Hảo Sơn | 8 | 11 | 13 | 13 | 414+930 | Đồng Chuối | 17 | 26 | 26 | 27 |
| 1232+200 | Đại Lãnh | 14 | 18 | 18 | 18 | 408+670 | Tân Ấp | 9 | 14 | 14 | 15 |
| 1241+990 | Tu Bông | 9 | 11 | 13 | 14 | 404+350 | La Khê | 5 | 6 | 6 | 6 |
| 1254+050 | Giã | 10 | 13 | 16 | 17 | 396+180 | Phúc Trạch | 7 | 10 | 11 | 12 |
| 1269+500 | Hoà Huỳnh | 13 | 17 | 20 | 21 | 386+180 | Hương Phố | 9 | 12 | 13 | 15 |
| 1280+560 | Ninh Hoà | 11 | 14 | 14 | 16 | 380+620 | Chu Lễ | 5 | 7 | 7 | 8 |
| 1287+300 | Phong Thạnh | 7 | 8 | 9 | 10 | 369+620 | Thanh Luyện | 10 | 13 | 14 | 15 |

| Chiều lẻ: Giáp Bát - Sóng Thần | | | | | | Chiều chẵn: Sóng Thần - Giáp Bát | | | | | |
|--------------------------------|-------------------|----------|----------|----------|----------|----------------------------------|------------------|----------|----------|----------|----------|
| Lý trình | Tên ga | V80 | V70 | V60 | V50 | Lý trình | Tên ga | V80 | V70 | V60 | V50 |
| 1302+880 | Lương Sơn | 14 | 18 | 20 | 21 | 358+000 | Hoà Duyệt | 15 | 16 | 17 | 18 |
| 1314+930 | Nha Trang | 13 | 17 | 17 | 18 | 351+496 | Yên Duệ | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 1329+050 | Cây Cày | 17 | 19 | 19 | 21 | 344+750 | Đức Lạc | 7 | 9 | 9 | 10 |
| 1340+540 | Hoà Tân | 10 | 11 | 15 | 16 | 340+130 | Yên Trung | 5 | 6 | 6 | 7 |
| 1351+350 | Suối Cát | 10 | 12 | 14 | 15 | 329+950 | Yên Xuân | 9 | 11 | 13 | 14 |
| 1363+780 | Ngã Ba | 10 | 15 | 16 | 18 | 319+020 | Vinh | 12 | 13 | 14 | 15 |
| 1371+840 | Cam T. Đông | 9 | 9 | 10 | 11 | 308+210 | Quán Hành | 10 | 12 | 14 | 15 |
| 1381+930 | Cà Rôm | 9 | 11 | 12 | 13 | 291+610 | Mỹ Lý | 15 | 19 | 20 | 22 |
| 1398+060 | Phước Nhơn | 14 | 18 | 20 | 22 | 279+000 | Chợ Sy | 11 | 15 | 16 | 18 |
| 1407+630 | Tháp Chàm | 8 | 12 | 12 | 13 | 271+600 | Yên Lý | 7 | 9 | 10 | 10 |
| 1419+500 | Hoà Trinh | 10 | 14 | 15 | 16 | 260+960 | Cầu Giát | 9 | 12 | 14 | 15 |
| 1436+310 | Cà Ná | 14 | 20 | 21 | 23 | 245+440 | Hoàng Mai | 14 | 18 | 19 | 21 |
| 1446+010 | Vĩnh Tân | 12 | 11 | 12 | 13 | 237+790 | Trường Lâm | 7 | 9 | 10 | 11 |
| 1454+917 | Vĩnh Hảo | 8 | 9 | 10 | 12 | 228+950 | Khoa Trường | 8 | 10 | 12 | 13 |
| 1465+540 | Sông L Sông | 9 | 12 | 13 | 15 | 219+000 | Văn Trai | 8 | 11 | 12 | 14 |
| 1473+230 | Phong Phú | 8 | 9 | 10 | 11 | 207+000 | Thị Long | 10 | 13 | 15 | 16 |
| 1484+490 | Sông Mao | 9 | 11 | 12 | 14 | 196+900 | Mình Khôi | 9 | 12 | 13 | 14 |
| 1493+690 | Châu Hanh | 8 | 11 | 12 | 13 | 187+470 | Yên Thái | 8 | 10 | 12 | 13 |
| 1506+100 | Sông Luỹ | 11 | 14 | 16 | 17 | 175+230 | Thanh Hóa | 11 | 14 | 16 | 17 |
| 1522+615 | Long Thạnh | 13 | 17 | 20 | 22 | 161+500 | Nghĩa Trang | 14 | 17 | 17 | 19 |
| 1532+845 | Ma Lâm | 9 | 14 | 15 | 16 | 152+300 | Đò Lèn | 8 | 11 | 12 | 14 |
| 1541+550 | Hàm Liên | 8 | 9 | 10 | 12 | 141+500 | Bim Sơn | 10 | 15 | 15 | 15 |
| 1551+150 | Bình Thuận | 9 | 11 | 12 | 13 | 133+740 | Đồng Giao | 8 | 21 | 21 | 21 |
| 1559+110 | Hàm C. Tây | 8 | 9 | 9 | 11 | 125+040 | Ghènh | 11 | 17 | 17 | 17 |
| 1567+720 | Suối Vận | 9 | 11 | 11 | 12 | 120+350 | Cầu Yên | 6 | 7 | 7 | 7 |
| 1582+860 | Sông Phan | 16 | 17 | 19 | 21 | 115+775 | Ninh Bình | 5 | 7 | 7 | 8 |
| 1595+930 | Sông Dinh | 13 | 15 | 17 | 18 | 107+620 | Cát Đằng | 8 | 10 | 11 | 12 |
| 1603+100 | Suối Kiệt | 7 | 9 | 10 | 10 | 100+800 | Núi Gôi | 9 | 10 | 10 | 10 |
| 1613+510 | Gia Huynh | 9 | 12 | 14 | 14 | 93+315 | Trình Xuyên | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 1619+900 | Trần Táo | 6 | 7 | 8 | 9 | 88+000 | Nam Định | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 1630+870 | Gia Ray | 9 | 12 | 14 | 15 | 81+000 | Đặng Xá | 8 | 9 | 9 | 10 |
| 1639+830 | Bảo Chánh | 8 | 10 | 12 | 13 | 72+910 | Cầu Hộ | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1649+360 | Long Khánh | 8 | 13 | 14 | 14 | 66+540 | Bình Lục | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 1661+320 | Dầu Giấy | 15 | 20 | 20 | 20 | 55+860 | Phủ Lý | 12 | 14 | 14 | 15 |
| 1669+750 | Trung Hòa | 10 | 11 | 11 | 12 | 44+670 | Đồng Văn | 11 | 13 | 14 | 15 |
| 1677+510 | Tràng Bom | 10 | 10 | 11 | 11 | 33+340 | Phú Xuyên | 11 | 14 | 14 | 16 |
| 1688+040 | Hồ Nai | 10 | 14 | 15 | 16 | 25+500 | Chợ Tía | 9 | 10 | 11 | 13 |
| 1697+480 | Biên Hoà | 9 | 11 | 13 | 14 | 17+400 | Thường Tín | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1706+710 | Dĩ An | 9 | 11 | 12 | 13 | 08+930 | Văn Điển | 10 | 11 | 11 | 12 |
| 1710+560 | Sóng Thần | 5 | 6 | 6 | 7 | 05+180 | Giáp Bát | 5 | 6 | 6 | 6 |